



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Tạp Chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP
HT. Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TT. Bửu Chánh
ĐD. Thiện Minh

TRÌNH BÀY
TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH
Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân
ĐT: 0909027777

QUẢNG CÁO
Liên hệ: Trang Thị Sương Mai
ĐT: 0908009949

TÒA SOẠN
Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức, Tp. HCM
Điện thoại: 0903870370
Email: suvijjo@yahoo.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ
số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT





Trong Số Đây

LỜI VÀNG

04

1. TIÊU ĐIỂM

- Vài nét về PGNTVN - HT. Thiện Tâm 11
- Vui Phật giáo đồng hành - TS. Thái văn Chải 14

2. SUY NGẪM

- Những lời nguyện ước - Lam suu tâm 19

3. KINH

- Tính nhân bản - HT. Thích Thiện Nhơn 20

4. THIỀN

- Ứng dụng thiền - TK. Khánh Hỷ 24

5. LUẬT

- Tìm hiểu y phục PGNT - Nguyễn Văn Sáu 27
- Phép nhập hạ - TT. Giác Giới 30

6. CHÙA

- Bảo tháp thờ Xá Lợi - Chơn Minh 31

7. LUẬN

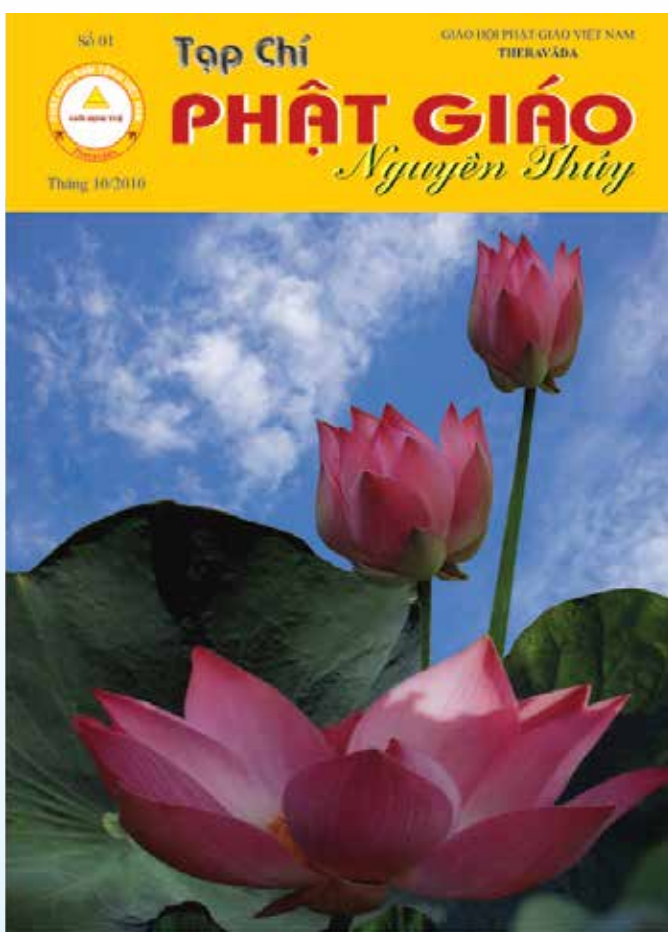
- Khái niệm về Vi Diệu Pháp - TT. Giác Chánh 32

8. ĐỐI THOẠI

- Giao lưu với Việt Trinh - NSTS. Bạch Tuyết 36

9. VĂN HÓA

- Hành trình của một Tạp chí - Sumana 38
- Về thăm đất Phật - Abhichanda 40
- Chăm sóc quan tâm - Khánh An 42



10. VĂN THƠ

- Tinh thần nhập thế - TS. Thích Phước Đạt 44
- Thơ - Nhiều tác giả 48

11. PHẬT GIÁO BỐN PHƯƠNG

- Quả báo - Minh Đức Triều Tâm Ảnh 51

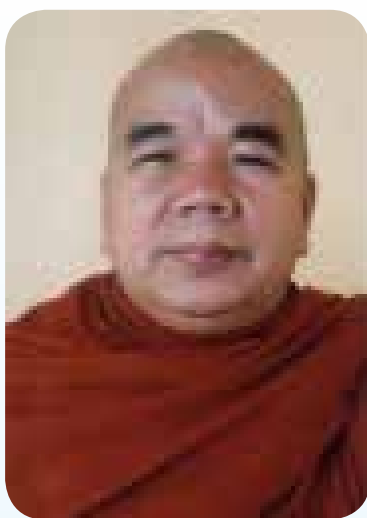
12. TRI ÂN

- Hiếu tử thời nay - Namtong.com 54
- Sông nắng vườn xưa - Toại Khanh 56
- Thư thầy - Viên Minh 57

13. THEO DÒNG

- Tưởng niệm HT. Hộ Tông - PV. PGNT 60
- Tưởng niệm HT Bửu Chơn - PV. PGNT 62
- Tưởng niệm HT Giới Nghiêm - PV. PGNT 63
- Tin vắn - PV. PGNT 65
- Chùm ảnh lễ hội cúng đèn - CTV 67
- Chùm ảnh lễ Vu lan - CTV 68





Lá Thư Ban Biên Tập

Kính thưa chư Tôn Đức,

Kính thưa quý độc giả xa gần,

Trước hết cho phép Ban Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy chúng tôi kính lời chào trân trọng đến chư Tôn đức Giáo phẩm, Tăng Ni, Phật tử và toàn thể độc giả xa gần; kính chúc chư Tôn đức và chư quý liệt vị vô lượng cát tường, thân tâm thường lạc.

Kính thưa chư Tôn đức và quý liệt vị,

Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy ra đời là một tin vui cho nhiều độc giả xa gần, nhất là tăng ni Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, trong đó có tăng ni Phật tử Nam Tông; vì từ đây tại Việt Nam trên phạm vi cả nước, lại có thêm một Tạp chí mang tên “Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy”; đây là một trong những Tạp chí thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, mỗi tháng được phép xuất bản một số. Tạp chí được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép số 760/GP-BTTTT do Thứ trưởng Đỗ Quý Doãn ký ngày 28/05/2010 theo đề nghị số 538/CV/HDTĐ ngày 21 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam về việc xin phép xuất bản Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy.

Mục đích và tôn chỉ của Tạp chí là “Giới thiệu những nội dung kinh điển và tư tưởng của Phật giáo Nguyên Thủy, góp phần tuyên truyền chính sách đoàn kết Tôn giáo của Đảng và Nhà nước; phản ánh những thành tựu đạt được trong đời sống tu hành của Tăng ni, Phật tử trong hệ phái Phật giáo Nam Tông nói riêng và Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung theo phương châm “Đạo pháp - Dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội”.

Với mục đích và tôn chỉ trên, thiết tưởng đây không đơn thuần là một Tạp chí chuyên ngành nghiên cứu về Phật giáo Nguyên Thủy, mà còn có nhiệm vụ quán triệt và tuyên truyền quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tăng ni Phật tử Nam Tông nhằm góp phần xây dựng Giáo hội và tăng cường đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Do ý thức đây là một nhiệm vụ cao quý, nên chúng tôi, toàn thể Ban Biên tập, nguyện nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ được giao, đồng thời rất mong được sự hoan hỷ góp sức của Chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử và độc giả gần xa để cho Tạp chí này càng được hoàn thiện, phát triển theo đúng phương châm hoạt động của Giáo hội, góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước trong xu thế hội nhập hiện nay.

Mong thay!

TM. Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy
Tổng Biên tập

Hòa Thượng Thiện Tâm

Tôi rất vui mừng được biết tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy vừa được quyết định thành lập và chuẩn bị đi vào hoạt động nhằm mục đích truyền bá kinh điển và tư tưởng của Phật giáo.



Nguyên Thủy đến với bạn đọc bốn phương, góp phần vào việc tuyên truyền chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

Kính chúc Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy,

Ban Biên tập cùng toàn thể đạo hữu phước duyên vẹn toàn, đạt nhiều thành công và sẽ phát triển vững mạnh đúng theo tôn chỉ và mục đích hoạt động của báo chí Việt Nam

Hòa thượng Thích Trí Quảng

- Phó chủ tịch HĐTS. GHPGVN
- Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu PHVN
- Trưởng ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. HCM
- Tổng Biên tập Báo Giác Ngộ.

LỜI CHÚC MỪNG TẠP CHÍ PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY SỐ ĐẦU TIÊN

Tước sự cho phép của Bộ Thông tin - Truyền thông, Cục Báo chí, nhân sự kiện



ra mắt số tạp chí đầu tiên Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy thuộc GHPGVN. Tôi vô cùng hoan hỷ và kính chúc Ban Biên tập đạt được nhiều kết quả tốt đẹp trong hoạt động báo chí và truyền bá

giáo pháp Phật giáo Nguyên Thủy đến Tăng Ni, Phật tử và các bạn đọc được thành tựu như ý.

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

- Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự GHPGVN

CHÚC báo khai trương rực ánh vàng
MỪNG nay Phật pháp tỏa hào quang
TẠP công minh chiếu đồng kinh luận
CHÍ nguyện hưng long đẹp đạo tràng
PHẬT nhật hồng dương Tam bảo lực
GIÁO khuyến chánh kiến sáng huy hoàng
NGUYÊN nguồn tâm huệ luôn tươi rạng
THỦY diệu truyền lưu khắp thế gian

Tp. Hồ Chí Minh ngày 15/07/2010

HT. Thích Giác Toàn

- Phó Chủ tịch HĐTS
- Phó Tổng Biên tập Báo Giác Ngộ
- Trưởng ban Kinh tế Tài chánh TW. GHPGVN



Ban Văn hóa Trung ương GHPGVN vô cùng hoan hỷ trước sự kiện Tạp chí Nguyên Thủy ra số đầu tiên, từ đây Giáo hội và giới báo chí, cũng như Phật tử có thêm một Tạp chí phục vụ cho sự nghiệp hồng dương Phật pháp, lợi lạc chúng sinh. Thay mặt Ban Văn hóa Trung ương GHPGVN, chúng tôi thân chúc HT. Tổng Biên Tập Thích Thiện Tâm và Ban Biên tập cùng quý nhân viên Tòa soạn vô lượng an lạc và cát tường, đạt nhiều thành tựu tốt đẹp.

HT. Thích Trung Hậu

- Trưởng Ban Văn hóa TW. GHPGVN
- Phó Viện trưởng Học viện PGVN tại TP. Huế
- Phó Tổng Biên tập Tạp chí Văn hóa Phật giáo





Sau năm 1975, Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam chưa có một phương tiện truyền thông chính thức nào ngoài những tập san phát hành nội bộ như tập văn Phật giáo Nguyên Thủy, Huyền Không Văn Bút và một số trang web mang tính cá nhân hay nội bộ của các chùa.

Nay Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy đã được chính thức hoạt động hợp pháp, đó là một điều kiện rất thuận lợi để phát huy Văn học Phật giáo Nguyên Thủy, để đóng góp vào việc xây dựng một nền văn học Phật giáo nước nhà.

Tôi chân thành kính chúc sự nỗ lực của Ban Biên tập để cho tạp chí được ra mắt quần chúng một cách chính thức và hợp pháp. Vô cùng hoan hỷ chúc

mừng.

Hoà thượng Viên Minh

- Trưởng ban Phật giáo Nam Tông - Viện Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam.
- Trụ trì Tổ đình Bửu Long tự

“Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy” được phép sinh hoạt là việc đáng mừng cho cả chư Tăng, tín đồ Phật tử; vì đây là cơ sở văn hóa của Phật giáo Theravāda Việt Nam có cơ hội phát triển và truyền thừa những gì ghi chép trong Tam tạng Pāli.

Hi vọng rằng “Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy” sẽ là mạng mạch Phật giáo Nam Tông. Luôn được sống còn, luôn được tiếp nối huệ mạng của chư vị Thầy Tổ đã dày công khai sáng Phật giáo Nguyên Thủy Theravāda, chân truyền chánh pháp Đạo Phật Thích Ca,...

PHẬT pháp quang minh, nghĩa nhiệm mầu
GIÁO truyền diệu lý, tự luy lâu
NGUYÊN lai chánh giác khai trường đạo
THỦY tổ thánh hiền thiện bộ châu.

Với tâm hoan hỷ vô biên
Namo Buddhāya

TK. Giác Chánh

Trưởng ban Văn hóa Tỉnh hội Phật giáo Đồng Nai



Kính bạch chư Tôn đức Tăng Ni,
Kính thưa các nhà nghiên cứu, Học giả,
Kính thưa Quý Phật tử, các nhà tài trợ,

Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy số 1 đang nằm trong tay Quý vị, đó là sự nỗ lực của Ban Biên tập, từ khi bắt đầu xin phép đến khi số đầu tiên ra đời.



Chúng tôi xin bày tỏ niềm hoan hỷ và lo lắng khi được Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam giao phó nhiệm vụ đảm trách vai trò Phó Tổng biên tập. Trước nhất, xin chân thành tri ân Bộ Thông tin - Truyền thông, Ban Tôn giáo Chính phủ, Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cơ quan chức

năng đã cấp giấy phép hoạt động báo chí cho tạp chí PGNT, sau nữa rất mong sự đóng góp bài vở của chư Tôn đức Tăng Ni Phật tử và các nhà nghiên cứu, học giả trong và ngoài nước cũng như sự hỗ trợ về kinh phí của các Phật tử, các nhà tài trợ.

Với tư cách Phó Tổng Biên tập, chúng tôi sẽ cố gắng thực hiện trách nhiệm của mình để làm cho Tạp chí PGNT ngày càng phát triển, hoạt động đúng mục đích Tôn chỉ: Giới thiệu những nội dung kinh điển và tư tưởng Phật giáo Nam Tông, góp phần xiển dương tinh thần đoàn kết lực hòa trong nội bộ cũng như ngoài xã hội, phản ánh những thành tựu trong đời sống tu hành, hoạt động Phật sự, từ thiện xã hội, góp phần "Tốt đạo, đẹp đời" trong hệ phái Phật giáo Nam Tông đối với dân tộc.

Xin kính chúc Chư tôn đức Tăng Ni, các cấp lãnh đạo đất nước, các nhà nghiên cứu, học giả, các gia đình Phật tử, quý độc giả vạn sự cát tường như ý.

Thượng tọa Bửu Chánh

- Ủy viên HĐTS. Phó ban Hoằng pháp TW.GHPGVN
- Phó Viện trưởng kiêm Trưởng khoa Pali Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM
- Phó Ban Trị sự Phật giáo Tỉnh Đồng Nai



Chấp tay thành kính cầu nguyện: Tam Bảo, Chư Thiên, Tam tạng Pháp bảo gia hộ Ban Biên tập, nội dung, Ban phát hành, Ban quảng cáo của Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy thành tựu như ý.

Vô cùng biết ơn Ban Tôn giáo Chính phủ, Nhà xuất bản Tôn giáo, Nhà in Nguyễn Minh Hoàng đã tạo mọi điều kiện dễ dàng cho Tạp văn Phật giáo Nguyên Thủy trong thời gian qua. Xin chân thành cảm ơn các Chư tăng, ni và Phật tử đã ủng hộ chúng tôi xuất bản 15 quyển Tạp văn Phật giáo Nguyên Thủy, đó là tiền đề cho Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy này.

Với tư cách là Phó Tổng Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy xin nguyện phục vụ và đóng góp khả năng của mình để xây dựng Tạp chí ngày càng phát triển, nhằm đóng góp một viên gạch nhỏ trong ngôi nhà văn hóa PGVN.

Đại đức Thiện Minh

- Ủy viên HĐTS. Phó Ban Từ thiện TW. GHPGVN



Chúc mừng Giáo hội Phật giáo Việt Nam phát hành Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy.

Nhân dịp Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy ra số đầu tiên, xin được gửi lời chúc mừng tới Ban Biên tập, Phóng viên, Cộng tác viên và đông đảo độc giả của Tạp chí. Chúc Tạp chí thực hiện tốt tôn chỉ mục đích hoạt động báo chí: Giới thiệu nội dung Kinh điển và tư tưởng của Phật giáo Nguyên Thủy; góp phần tuyên truyền chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước; phản ánh sinh hoạt và những thành tựu của Tăng, Ni, Phật tử hệ phái Phật giáo Nam Tông và Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia bảo vệ và xây dựng đất nước phát triển theo phương châm "Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội".

Hà Nội ngày 05/7/2010

Bùi Hữu Dục

Vụ trưởng vụ Phật giáo



Dược biết Bộ Thông tin và Truyền thông vừa cấp giấy phép xuất bản Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy. Tôi rất vui mừng khi được quý báo giao cho in ấn.

Kính chúc Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy ngày càng phát triển.

Trần Văn Mới

Giám đốc Nhà in
Nguyễn Minh Hoàng



Là một nhà báo kỳ cựu trong Phật giáo Việt Nam, hiện là Phó Tổng Biên tập báo Giác Ngộ thuộc Thành hội Phật giáo TP. HCM, tôi rất vui mừng được biết Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy thuộc GHPGVN được phép hoạt động và phổ biến những nội dung kinh điển và tư tưởng Phật giáo Nguyên Thủy đến với quảng đại quần chúng. Tôi cũng rất vui mừng trong giới báo chí của Phật giáo cả nước có thêm Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy theo đúng phương châm Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội.

Tôi nhiệt liệt chúc mừng Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy sẽ phát triển tốt, đúng theo tôn chỉ và mục đích hoạt động báo chí Việt Nam.

Tống Hồ Cẩm

- Ủy viên Thường trực HĐTS. GHPGVN
- Nguyên Phó Viện trưởng Học viện Phật Giáo Việt Nam- TP. HCM
- Phó Tổng Biên tập Báo Giác Ngộ
- Ủy viên Ban chấp hành TW. MTTQ. VIỆT NAM và TP. HCM



Rất vui trước việc Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy (Chùa Bửu Quang) được phép ra đời.

Kính chúc tạp chí và các đồng nghiệp thành công trong sự nghiệp thông tin đại chúng, đặc biệt góp phần quảng bá Phật học đến với bà con Phật tử.

Trân trọng,

Trần Tử Văn

- Nhà văn - Nhà báo
- Phó Tổng Biên tập báo CA.TPHCM.



Chúng tôi rất vui mừng khi được biết Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy do Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam chủ quản được cấp giấy phép hoạt động. Đây chẳng những là tin vui đối với Tăng Ni, Phật tử Việt Nam mà còn là một bằng chứng về sự phát triển của Giáo hội, một đóng góp tốt đẹp cho hoạt động báo chí nước nhà. Cầu chúc Phật giáo Nguyên Thủy vững vàng tiến bước trên con đường phục vụ Đạo pháp và Dân tộc.

Trần Tuấn Mẫn

- Ủy viên Thư ký HĐTS
- Phó Tổng Biên tập Tạp chí Văn Hoá Phật Giáo.

Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy là cơ quan ngôn luận của các bậc tu hành chọn chánh. Tôi nghĩ hơn lúc nào hết, ngày xưa các vị vua chúa Đinh Lê Lý Trần trị vì đất nước, Phật giáo đã đồng hành với các Triều đại chung lo việc nước, Phật giáo thịnh hành, quê hương bốn bề bình ổn. Tạp chí ra đời trùng lặp với ngày mừng 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Tôi mong lãnh đạo cơ quan tạp chí luôn tăng cường giữ vững chánh pháp, hành động thay thế những ước nguyện của các vị Sơ tổ chọn tu, không để sai lệch lầm lẫn giữa tu nhân và thế tục, Thần đạo và Phật đạo.



Cần nhớ là Phật giáo Nguyên Thủy không được phép xa lìa nguồn gốc Theravāda, vì lẽ đẽnh là một tai hại không thể sửa sai, nhất là đối với khuôn phép của một vị Sa môn.

Sau cùng, kính chúc lãnh đạo Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy sẽ luôn được phồn thịnh và mọi người chúng ta không nên quên bốn phận là một công dân yêu nước, nhất là trong lúc tư thế của non sông đang được trọng vọng và sánh vai cùng các nước cường thịnh hiện nay. Chú ý những lời giáo huấn với tín đồ sống tốt đạo đẹp đời, làm thế nào đó lời kim ngôn tốt đẹp kia, cũng mang ý nghĩa thôi thúc nhân dân, những người có ý tưởng sai lầm, hiểu được và điều chỉnh..

Tiến sĩ Thái Văn Chải



Tài nét về PHẬT GIÁO NAM TÔNG VIỆT NAM

HT. Thiện Tâm

Tại Việt Nam, Phật giáo Nam Tông có hai hệ: Phật giáo Nam Tông của người Khmer đã tồn tại ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long và Phật giáo Nam Tông trong cộng đồng người Kinh. Theo sử liệu thì Phật giáo Nam Tông Việt Nam chỉ mới được du nhập vào Việt Nam từ khoảng những năm cuối thập kỷ 1930. Như vậy, Phật giáo Nam Tông Việt Nam chỉ có mặt tại Việt Nam nói chung và tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, cho đến nay chỉ trên dưới 70 năm. Nếu so với bề dày lịch sử của Phật giáo Bắc Tông thì sự có mặt của Phật giáo Nam Tông trong cộng đồng Phật giáo Việt Nam được xem là quá khiêm tốn. Tuy nhiên, trong 70 năm tồn tại, Phật giáo Nam Tông cũng đã có những đóng góp nhất định, dù là khiêm tốn cho thành quả chung của Phật giáo Việt Nam. Do đó, chúng tôi xin giới thiệu đôi dòng văn tắt về quá trình lịch sử hình thành, tồn tại của Phật giáo Nam Tông trong những thập niên qua. Qua đó chúng tôi cũng mong Đảng, chính quyền và Giáo hội cần quan tâm, nghiên cứu thực tiễn tình hình hiện tại của Phật giáo Nam Tông và có hướng giúp đỡ cụ thể cho Phật giáo Nam Tông được phát huy bản sắc của mình trong sự phát triển chung của Phật giáo Việt Nam, phù hợp định hướng Chủ nghĩa Xã hội của đất nước và dân tộc. Trong niềm suy nghĩ đó, ở đây một câu hỏi cụ thể cũng có thể được đặt ra để cho vấn đề thêm phần sáng tỏ là: Từ khi có mặt đến nay,

Phật giáo Nam Tông đã tạo nên được những sắc thái đặc trưng nào, đã làm được những gì và đang tồn tại ra sao trong vận mệnh của dân tộc, của Phật giáo Việt Nam, mà cụ thể là tại một số tỉnh thành phía Nam, miền Trung - Việt Nam và đặc biệt tại Thành phố Hồ Chí Minh? Dĩ nhiên, đây chỉ là những nét phát thảo đang tồn tại trong suy tư cá nhân và không hề có tham vọng trình bày như một bản báo cáo chi tiết khoa học.

Như trên đã nói, Phật giáo Nam Tông du nhập Việt Nam vào cuối thập niên 1930. Đây là thời kỳ lịch sử vô cùng quan trọng của dân tộc và Phật giáo Việt Nam, vì đây là giai đoạn bối cảnh lịch sử xã hội Việt Nam đang liên tục diễn ra những cao trào đấu tranh cách mạng hào hùng và anh dũng của các tầng lớp nhân dân đấu tranh trong cuộc kháng chiến kiên cường và bất khuất chống thực dân để dành lại tự do cho Tổ quốc. Trong bối cảnh lịch sử ấy, tuyệt đại đa số tăng ni và Phật tử Việt Nam nhiệt liệt hưởng ứng theo lời kêu gọi thiêng liêng của Tổ quốc, nhất tề đứng lên cùng toàn dân, toàn quân tích cực tham gia cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại đầy chính nghĩa của dân tộc, mặt khác ra sức tích cực hoạt động để đẩy mạnh công cuộc vận động thống nhất và chấn hưng Phật giáo nước nhà, nhằm thực hiện tinh thần lời dạy của Đức Phật: vì lợi lạc quần sanh, vô ngã vị tha, phát huy truyền thống yêu nước phụng sự đạo của lịch sử Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ đạo pháp và dân tộc, vừa

khế hợp với yêu cầu vận động sức mạnh tổng hợp đoàn kết dân tộc trước thực tiễn tình hình đất nước, vừa không ngừng đưa Phật giáo Việt Nam theo kịp xu thế phát triển chung của Phật giáo các nước láng giềng và Phật giáo thế giới.

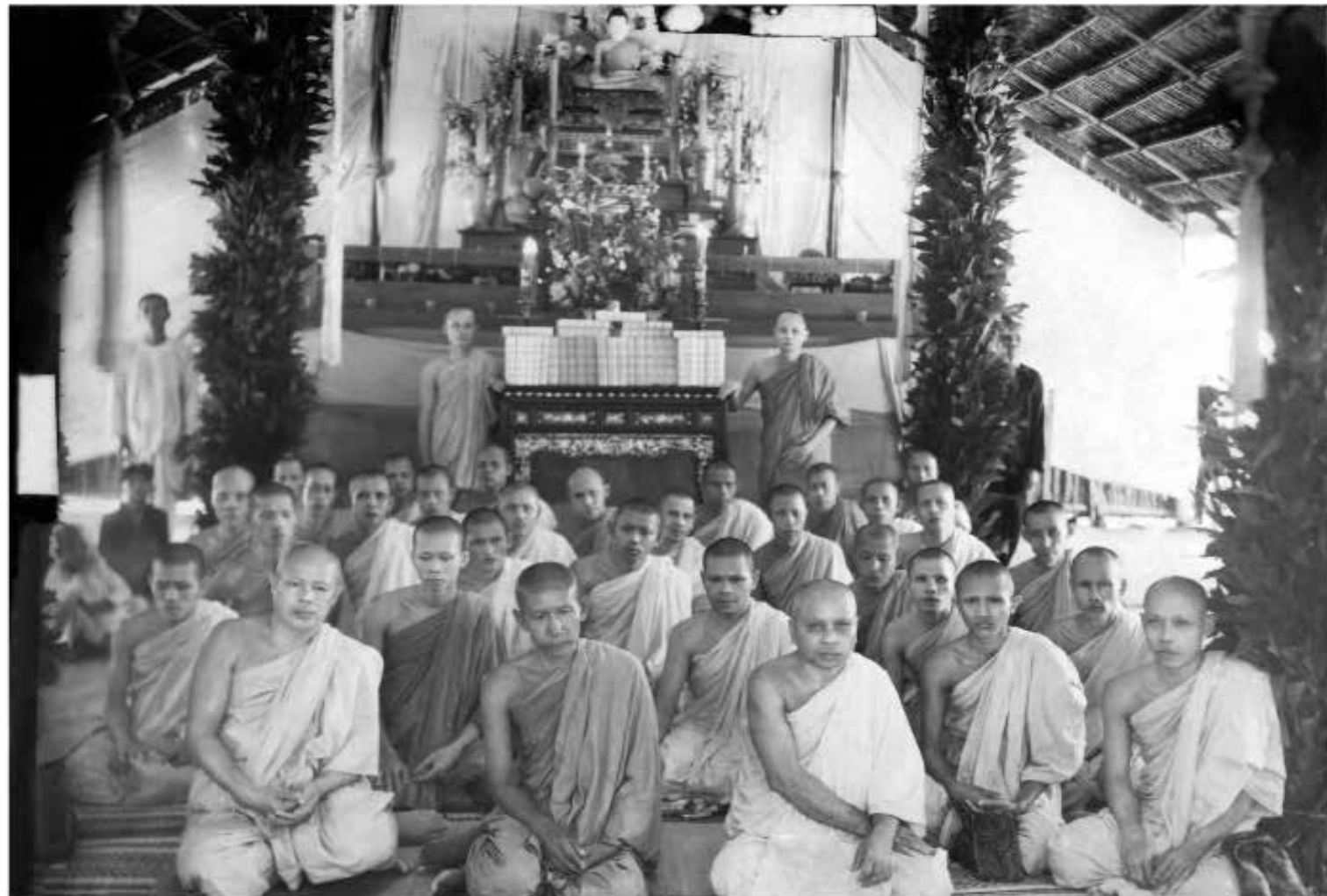
Chính sự ra đời của Phật giáo Nam Tông trong bối cảnh lịch sử ấy của dân tộc và Phật giáo Việt Nam tạo nên cơ duyên thuận lợi cho quá trình hội nhập nhanh chóng và phát triển nhịp nhàng của Phật giáo Nam Tông trong vận hội chung của đất nước và sánh vai cùng với thành phần khác trong cộng đồng Phật giáo Việt Nam. Và cũng nhờ vậy nên trải qua biết bao biến cố đổi thay thăng trầm của lịch sử Phật giáo và dân tộc, Phật giáo Nam Tông vẫn luôn sắt son gắn bó và được phát triển hài hòa cùng chung với sức sống và vận mệnh của dân tộc và cộng đồng Phật giáo Việt Nam kể từ khi du nhập đến nay, và cũng qua đó, đã cùng với các tổ chức hệ phái khác, có những cống hiến thiết thực nhất định trong nhiều lĩnh vực hoạt động Phật sự, góp phần hoàn thành sứ mệnh phụng sự đạo pháp và phục vụ nhân dân trong sự nghiệp chung của Phật giáo Việt Nam và cùng chung sức xây dựng Phật giáo Việt Nam trở thành một thực thể vững mạnh, tồn tại hòa điệu nhịp nhàng trong mạch sống dân tộc trải qua bao cuộc thịnh suy, thăng trầm của đất nước bốn ngàn năm văn hiến.

Nói đến công đức khai sơn phá thạch để cho Phật giáo Nam Tông được hiện diện trên đất nước Việt Nam là nói đến công lao của một số chư tăng và phật tử Việt kiều sinh sống trên đất nước Campuchia. Họ đã kết hợp với một số phật tử nhiệt thành trong nước, ra sức xây dựng nền móng ban đầu cho Phật giáo Nam Tông tại Việt Nam. Trong số các vị có công đầu, đáng được nhắc đến là sự đóng góp đặc lực của các nhà sư và cư sĩ tiêu biểu như: Bác sĩ Lê Văn Giảng (về sau là cố Hoà thượng Hộ Tông) và Kỹ sư Nguyễn Văn Hiếu cùng số bạn bè thân hữu của họ đã cùng với một số các bậc cao tăng khác như: Hoà thượng (HT) Bửu chơn, HT. Thiện Luật, HT. Giới Nghiêm, HT. Ấn Lâm, HT. Tối Thắng.... đã dành nhiều thời gian và tâm huyết cho công cuộc hoằng dương Phật giáo Nguyên Thủy tại Việt Nam và giờ đây các vị ấy đã trở thành các bậc danh tăng thạc đức tiền bối và những cư sĩ lão thành có công lớn sáng danh trong lịch sử du nhập và xây dựng Phật giáo Nam Tông tại Việt Nam.

Trong giai đoạn đầu có mặt tại Việt Nam, các tu sĩ và cư sĩ Nam Tông chỉ tập trung vào việc tu tập thiền quán, biên soạn kinh sách, thuyết giảng Phật pháp, hướng dẫn cho phật tử sơ cơ tu học và thực hành giáo lý chánh truyền nguyên thủy của Đức Phật để giúp họ loại bỏ dần những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan không phù hợp với tín ngưỡng chánh pháp của đạo Phật, tìm địa điểm thích hợp để xây dựng cơ sở tông lâm tự viện làm nơi tu học và hoằng pháp lợi sanh cho chư tăng và phật tử, đơn giản hóa trong cách thờ phượng và nghi lễ. Chính những sinh hoạt đặc thù nguyên thủy ấy đã thu hút nhiều người cảm kích xu hướng tin theo, chính vì vậy, tuy hiện diện chưa được bao lâu, Phật giáo Nam Tông đã càng lúc càng phát triển nhanh chóng và đáng kể về số lượng chư tăng và tín đồ.

Nhiều ngôi chùa đã được xây dựng tại Sài Gòn và một số tỉnh thành lân cận cũng như tại một số tỉnh thành miền Trung, trong đó ngôi Bửu Quang Tự là tổ đình đầu tiên của Phật giáo Nam Tông, tọa lạc tại phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức cũng đã được xây dựng vào cuối năm 1937. Đây là những nỗ lực đáng kể của chư tăng và phật tử Nam Tông trong công cuộc đặt nền móng ban đầu cho sự hình thành và phát triển qua các giai đoạn phát triển của lịch sử Phật giáo Nam Tông, và được xem là những hoạt động đặc trưng của Phật giáo Nam Tông tại Việt Nam từ khi vừa có mặt tại Việt Nam.

Cũng ngay từ buổi giao thời đó, Phật giáo Nam Tông trước bối cảnh đất nước đang lâm cảnh chiến tranh ly loạn, đạo Phật Việt Nam rơi vào tình cảnh phân hóa trầm trọng, trong một xã hội có chiến tranh, thân tâm phân tán, vàng thau lẫn lộn, thật giả khó phân, có người yêu nước lẫn kẻ bán nước với những xu hướng chính trị, quan điểm chánh nghĩa, phi nghĩa bất đồng: tình hình xã hội, chính trị rối ren, phức tạp, lại thêm tác hại nghiêm trọng của chính sách thực dân chia để trị, càng làm suy yếu sức mạnh nội bộ dân tộc Việt Nam càng dễ bề thôn tính và cai trị. Chính trong tình cảnh đất nước bất ổn ấy, người phật tử Việt Nam vốn thừa hưởng truyền thống yêu nước từ ngàn xưa của dân tộc và Phật giáo, và những tăng ni phật tử tức thời, có tâm huyết vận mệnh sống còn của đất nước, của dân tộc và đạo pháp, làm sao có thể bình chân toạ thị, và cũng vì vậy đã có



**Kỷ niệm lúc sơ khai Phật giáo Nguyên thủy tại Việt Nam
(lễ khiết giới ngày 15/04/1940 tại Bửu Quang tự, Gò Dưa, Thủ Đức)**

biết bao tầng sĩ Việt Nam, trong đó có một số nhà sư Nam Tông “Cởi cà sa mặc chiến bào”, lên đường đi theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, tham gia kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân để bảo vệ Tổ quốc, tiêu biểu như các vị sư Tâm Kiên, Hữu Nghiệp.... cùng với một số nhà sư và cư sĩ khác đã ra đi trong khi đang còn tu học và sinh sống trên đất nước Campuchia.

Cũng cần mở ngoặc ghi nhận ở đây mối quan hệ thường xuyên gắn bó giữa Phật giáo Nam Tông Việt Nam trong nước và Phật giáo Campuchia cũng như cộng đồng Phật tử người Việt sinh sống trên đất nước này, đã không ngừng được tăng cường củng cố, tạo nên mối quan hệ hữu nghị hợp tác ân tình quan trọng, xuyên suốt qua bao thời kỳ lịch sử thăng trầm của dân tộc và Phật giáo hai nước Việt Nam - Campuchia càng thêm tốt đẹp, trong đó có sự đóng góp đáng kể của Phật giáo Nam Tông Việt Nam.

Nổi bật nhất là trong khoảng thời gian Phật giáo Nam Tông đi tiên phong trong công cuộc đấu tranh anh dũng của các tầng lớp nhân dân chống lại bạo quyền độc tài của tay sai Ngô Đình Nhiệm, Phật giáo Nam Tông đã trở thành một trong những thành viên xung kích và tích cực trong các phong trào xuống đường, tuyệt thực, biểu tình và đấu tranh trực diện ở tại nhiều địa phương nhất là ở Huế và ở tại Thành phố Hồ Chí Minh này. Biết bao chư tăng và Phật tử Nam Tông cũng đã chịu chung cảnh bị đánh đập, giam cầm, tra tấn, cùng với số phận của hàng ngàn tăng ni và Phật tử khắp nơi trên cả nước, thậm chí HT. Bửu Chơn cũng không thoát khỏi cảnh ngộ bị giam cầm chung cùng với các vị tôn túc lãnh đạo Phật giáo khác (còn tiếp). ●

MỪNG 1000 NĂM THĂNG LONG - HÀ NỘI



VUI PHẬT GIÁO đồng hành cùng lịch sử các Triều đại làm tốt đạo đẹp quê hương

Tiến sĩ Thái Văn Chải

Tính từ thời vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long - Hà Nội đến nay đã trải qua đúng một ngàn năm lịch sử. Với thời gian trên (1010 - 2010) Hà Nội bao giờ cũng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của toàn dân.

Ngày nay Hà Nội là thủ đô yêu dấu của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Vị trí thị tứ lớn toàn cảnh ở vào khoảng 20,42 đến 21,26 độ vĩ bắc, 101,15 đến 106,04 độ kinh đông, tây và tây nam giáp tỉnh Hà Sơn Bình, đông nam giáp tỉnh Hải Hưng. Diện tích thủ đô hiện tại trên 2.131 cây số vuông. Từ đông sang tây dài 80 cây số, từ Bắc sang Nam dài 55 cây số, có số dân là 2.570.905 người. Mật độ dân số trung bình toàn thành phố là 1.153 người cây số vuông, khu vực nội thành là 21.039 người cây số vuông.

Theo tài liệu trước đây thì Thủ đô Hà Nội nằm trong vùng Châu Thổ sông Hồng, có địa hình đa dạng : Đồng bằng trung du, miền núi, núi Tản Viên (Huyện Ba Vì) cao 1297 mét, núi Thẩn Lăn hay Chân Chim (Huyện Sóc Sơn) cao 462 mét. Có bốn quận nội thành: Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng; mười một huyện: Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm, Ba Vì, Thạch Thất,

Phúc Thọ, Đan Phượng, Hoài Đức, Từ Liêm, Thanh Trì và thị xã Sơn Tây⁽¹⁾.

Nơi đặt chính phủ trung ương này ngày xưa thế nào, thử ngược lại dòng lịch sử các triều đại Lý, Trần, Lê, ông cha ta đã làm thế nào để tiếp nối nhau kiến thiết mở mang đô thị ngày càng bề thế hơn. Các biên giới tứ phía phải ra sức diệt giặc, phát triển kinh tế theo cách xưa cũng không thể lơ là được. Thật ra, để đạt được thành công về vang ở các triều đại trên, lịch sử Phật giáo có ghi lại những thành tích một cách sinh động như sau :

1) Khởi điểm từ Triều đại Lý Công Uẩn (vua Lý Thái Tổ) dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long - Hà Nội đến nay Hà Nội đã vượt qua một ngàn năm dài lịch sử. Chúa Lý Thái Tổ (1010 – 1028) là Công Uẩn con nuôi sư Lý Khánh Văn chùa Cổ Pháp, sau thọ giáo với Ngài vào Hoa Lư làm quan Triều Lê, chức vụ tả thanh vệ điện tiền chỉ huy sứ. Khi vua Lê ngoại bệnh mất lúc bấy giờ thọ được 35 tuổi. Trong triều đình có nhóm Đảng Cam Mộc và Quốc sư Vạn Hạnh tôn Ngài lên làm vua. Ngài lên ngôi hoàng đế, tức là vua Thái Tổ nhà

(1) Việt Nam đất nước giàu đẹp (Tập II), tr. 5

Lý, đóng đô ở thành Thăng Long - Hà Nội.

Lý Thái Tổ⁽²⁾ vốn từ thiền môn nhà Phật ra nên khi lên ngôi vua, Ngài rất sùng mộ Phật giáo ngay khi mới lên ngôi đã sắc ban phẩm phục cho các hàng tăng chúng. Năm 1010 Thái Tổ sắc chỉ xây dựng nhiều chùa ở phủ Thiên Đức xuất tiền kho hai vạn quan xây dựng 8 ngôi chùa trong thành Thăng Long.

Về thể quyền hành vua Lý Thái Tổ trong nước đã cường thịnh, các nước ngoài như Chiêm thành, Chân Lạp, bên Trung Quốc nhà Tống cũng giao hảo. Dân tình trong nước được an lạc. Vua và triều đình hết lòng ủng hộ Phật giáo, nên đạo Phật lúc bấy giờ là thời kỳ vàng son. Triều Lý Thái Tổ, Hán học tuy đã phổ thông khắp dân gian, nhưng Nho giáo dường như chỉ là phần phụ ít người để ý, chưa có khoa cử, nên Phật giáo vẫn đứng địa vị độc tôn. Vì thế, văn hóa và học thuật trong nước vẫn xuất phát từ nền Phật học. Năm 1018 vua Lý Thái Tổ mất.

2) Đến đời vua Lý Thái Tông (1028 – 1054)

Thái tử Phật mã nối ngôi Thái Tổ, tức là Lý Thái Tông. Ngài cũng là người sùng mộ đạo Phật thường họp các bộ lão và tăng sĩ ở các chùa đến bàn luận về đạo Phật và an dân⁽²⁾.

Năm 1031 vào tháng 8 sau khi dẹp giặc lân bang ở Hoàng Châu (Nghệ An) bấy giờ về, vua Lý Thái Tông sắc chỉ lập nhiều chùa để có cơ sở đào tạo nhân tài và mở mang đạo Phật. Khi xây dựng chùa xong, triều đình mở đại hội làm lễ khánh thành và miễn thuế cho nhân dân một năm. Tháng 8 năm 1034 nhà Tống ban Đại Tạng Kinh và sai sứ rước sang biểu tạ, vua Thái Tông sai triều đình đi đón rất long trọng. Năm 1036 vua Thái Tông sắc chỉ cho người đi sơn thếp lại những tượng Phật ở các Chùa. Triều đình lại mở lễ hội làm lễ khánh thành và miễn thuế cho dân chúng một năm.

Đặc biệt chùa Diên Hựu thường gọi "chùa Một Cột" một ý tưởng đặc thù cũng do vua Lý Thái Tông năm 1049 sắc chỉ xây dựng, xong Thái Tông ra lệnh mời các tăng sĩ lại tụng kinh cầu trường thọ, vua

Lý Thái Tông mất vào năm Gia Khánh thứ 5 1063.

3) Đến triều vua Lý Thánh Tông⁽³⁾ (1056 – 1072)

Thái tử Nhật Tôn nối ngôi chúa Lý Thái Tông hiệu là Thánh Tông, đổi quốc hiệu là Đại Việt, niên hiệu là Long Thụy Thái Bình (1054). Ngài là một vị vua sùng kính đạo Phật và có lòng nhân từ cao cả. Những năm lạnh lẽo Ngài luôn nghĩ thương đến tù phạm và dân nghèo. Ngài thường nói tù phạm tuy có tội nhưng với tình người thấy họ không có đủ áo mặc khi lạnh lẽo, không có cơm đủ ăn khi đói khát. Nghĩ như thế Ngài truyền lấy khăn chiếu cho tù nhân nằm và mỗi ngày cho ăn 2 bữa đầy đủ. Ngài còn tuyên bố giữa triều đình rằng: "Lòng trầm yêu dân như yêu công chúa con trầm vậy".

Năm 1056 vua Thánh Tông sắc chỉ xây dựng chùa Sùng Khánh ở phường Bảo Thiên, và xây dựng một ngôi tháp 12 tầng cao 20 trượng. Đồng thời đúc một quả chuông hết 12 ngàn cân đồng. Phường trên thuộc xã Tiên thị, huyện Thọ Xương tức Hà Nội bây giờ, hiện còn di tích.

4) Chúa Lý Nhân Tông (1072 – 1127)

Thái tử Càn Đức con bà hoàng hậu Ý Lan nối ngôi vua Lý Thánh Tông lấy vương hiệu là Lý Nhân Tông. Nhân Tông lên ngôi vua hầy còn quá nhỏ tuổi, nên được Thái sư Lý Đạo Thành và các quan triều đình hết lòng thay lo việc nước, sau khi trưởng thành Ngài cũng trở nên một vị vua thông minh và anh dũng. Trong thời trị vì vua Nhân Tông có mở khoa thi Tam Trường, thành lập trường Quốc Tử Giám và lập tòa Hàn Lâm, khuyến khích vấn đề giáo dục Nho học. Nhưng Ngài không hề quên lắng vấn đề học Phật.

Năm 1087 chúa Nhân Tông ngự giá đi lễ Phật nghe kinh ở chùa Lãm Sơn. Đồng thời Ngài có đặt một vị quan cao cấp triều đình trông nom toàn bộ các chùa trong nước. Năm Quảng Hựu thứ tư 1088, vua Nhân Tông phong Khô Đậu thiền sư làm chức Đại sư để cố vấn việc quốc chính như Khuôn Việt Thái sư đời vua Đinh Tiên Hoàng và vua Đại Hành vậy.

(2) Nguyễn Bá Lăng, kiến túc Phật giáo Việt Nam tr.49
- Mật thể: Việt Nam Phật giáo sử lược, tr.117
- Phạm Huỳnh, Phật giáo lược khảo, tr. 137

(3) TS. Thái Văn Chải, Early History of Buddhism In Viet Nam, Tr. 207



5) Vua Lý Thần Tôn (1128 – 1138)

Bởi nhà vua không con nên lập con của hoàng đệ là Sùng Hiền Hầu lên làm thái tử sau khi lên ngôi tức là vua Lý Thần Tôn. Năm 1136 vua mắc bệnh nan y có nhờ Minh Không thiền sư cứu chữa khỏi bệnh. Vua vui mừng phong cho thiền sư làm Quốc sư và sắc chỉ xây chùa Linh Cảm.

6) Vua Lý Anh Tôn (1138 – 1175)

Vua Lý Thần Tôn mất, triều đình suy tôn thái tử Thiên Tộ lên làm vua lấy đế hiệu là Anh Tôn. Vua Anh Tôn là đệ tử của Không Lộ thiền sư.

7) Vua Lý Cao Tôn (1176 – 1210)

Sau khi vua Lý Anh Tôn mất, thái tử Long Cán nối ngôi hiệu là Cao Tôn. Cao Tôn mới lên 3 tuổi, Tô Hiến Thành làm phụ chính. Sau đó Cao Tôn Thọ giáo với Ngài Trương Tam Tạng thiền sư về phái Thảo Đường.

Triều vua Anh Tôn (1169) có sắc chỉ mở khoa thi Tam giáo để kén người vào làm việc quan.

8) Vua Lý Huệ Tôn (1211 – 1225)

Thái tử Sam nối ngôi vua Cao Tôn để hiệu Lý Huệ Tôn. Năm 1224 vua Lý Huệ Tôn không trị vì được bao lâu truyền ngôi cho con gái là công chúa Phật Kim tức vua Lý Chiêu Hoàng rồi Ngài xuất gia ở chùa Chân Giáo, tự xưng là Huệ Quang Đại Sư. Sau đó, vua Lý Chiêu Hoàng truyền ngôi lại cho chồng là Trần Cảnh. Đến đây là hết đời Nhà Lý. Thật ra, Phật giáo nước ta đời vua nhà Lý là thịnh hành nhất. Trong khoảng thời gian 215 năm, trải qua 8 đời vua từ khi đời

đô về Thăng Long - Hà Nội vua nào cũng sùng tín đạo Phật.

Qua hơn 200 năm, Phật giáo giữ địa vị độc tôn, trong nước đã có bao nhiêu sự việc mới lạ. Sách "Danh triết lục" của Trần Ký Đăng có ghi: "Trước đời Lý Nhân Tôn chưa có khoa cử, những kẻ thông minh nhanh nhẹn đều phải do phái Phật đạo lựa chọn và cất nhắc cho ...". Như vậy, đủ biết văn hóa, học thuật và chính trị thời ấy hầu hết đều ở trong tay các nhà tu hành Phật giáo. Bởi vì, những nhà mô phạm thời bấy giờ toàn là các vị Tăng sĩ, Thiền sư. Ngay như các vị hoàng đế, phần nhiều cũng là thọ giới từ các vị cao tăng thiền sư cả. Nhân dân sĩ thứ thời này đều qui hướng về Phật giáo.

CÁC TRIỀU ĐẠI THỜI NHÀ TRẦN (1225 – 1400)

1) Vua Trần Thái Tôn (1225 – 1258)

Trần Cảnh tức vua Trần Thái Tôn (1225 – 1258) Trần Cảnh tức vua Trần Thái Tôn. Trần Thái Tôn lên ngôi vua mới lên 8 tuổi, việc triều đình trong nước đều do thái sư Trần Thủ Độ thu xếp, sách "Đại Nam Thực Lục chính biên" có ghi: "Năm Kiến Trung thứ 7 (1231) vua Thái Tôn sắc chỉ cho nhân gian phải vẽ hình Phật ở khắp các nơi công quán và các nơi công cộng nơi hội họp".

Năm 1237 nhân bị Trần Thủ Độ ép làm việc trái với phép tắc, vua Thái Tôn chán nản cảnh đời liền bỏ vào chùa Phú Vân núi Yên Tử yết Kiến Phù Vân Quốc sư xin ở lại tu hành, nghe tin Trần Thủ Độ đi rước về, nhưng Thái Tôn không



VUA TRẦN ANH TÔN



VUA TRẦN NHÂN TÔN



VUA TRẦN MINH TÔN

về. Thấy vậy Quốc Sư đến mời xin Thái Tôn về. Thái tôn hiểu đạo Phật rất sâu xa, Ngài có viết 2 cuốn sách "Thuyền Tôn Chỉ Nam" và cuốn "Khóa Hư". Thuyền Tôn giải về đạo lý Tu Thiền "Khóa Hư" nói rõ về sinh, lão, bệnh, tử của đời. Năm (1256) sắc chỉ đúc 330 quả chuông dâng cho các chùa để tiện việc hành đạo và truyền đạo.

Năm Đinh Tỵ 1257 Vua Thái Tôn thân chinh đi đánh giặc Mông Cổ lần đầu thua trận sau thắng trận lấy lại được Kinh đô. Năm sau đó, vua Trần Thái Tôn nhường ngôi lại cho con là thái tử Trần Quấn, tức Trần Thánh Tôn. Năm 1277 vua Trần Thái Tôn băng hà, thọ 60 tuổi.

2) Vua Trần Thánh Tôn (1258 – 1278)

Vua Thánh Tôn cũng sùng tín đạo Phật, nhưng có phần mở mang về Nho học hơn. Thời này Nho học thịnh hành nhưng không hại gì đạo Phật. Bởi ngoài nhân gian các cao tăng Phật giáo vẫn tiếp tục mở đạo đường để giảng dạy Phật tử và quần chúng nhân dân.

3) Vua Trần Nhân Tông, năm (1278)

Thánh Tôn lên ngôi Thái Thượng Hoàng, nhường ngôi lại cho con là thái tử Khâm, tức vua Trần Nhân Tông. Ngài là một vị vua sùng mộ đạo Phật từ thuở nhỏ. Khi đã lên ngôi vua. Ngài vẫn tu tập pháp Thiền định. Ngài thường nghỉ ở Chùa Tư Phúc, tham dự buổi học với Tuệ Trung thượng sĩ một vị chơn tu. Xong trong khi ấy giặc Nguyên Thoát Hoan, Ô Mã Nhi hai lần sang quấy rối. Vua được những đại tướng như Hưng Đạo Vương, Quốc Tuấn, Trần Quốc Toản, Trần Nhật Duật, Trần Bình Trọng, Trần Khánh Dư ... giúp vua chống giặc nên chẳng bao lâu trong nước

lại được thái bình.

Năm Quý Tỵ (1293) vua Trần Nhân Tông truyền ngôi lại cho thái tử là Anh Tông và lên làm Thái Thượng Hoàng. Ngài cố sức dạy thái tử được nhiều năm. Năm 1299 Ngài vào tu ở núi Yên Tử lấy tư hiệu: "Hương Vân Đại Đầu Đà". Ngài cất trường thuyết pháp, giảng đạo và khuyên mọi người làm mười điều thiện ăn hiền ở lành, tu tâm, giữ gìn đất nước không mản đến tuổi già sức yếu. Chứa Trần Nhân Tông tịch vào năm 1308 thọ 51 tuổi, sau khi qua đời Ngài được hỏa táng và xây tháp tôn thờ tại chùa Vân Yên, núi Yên Tử, lấy tên là "Huệ Quang kim tháp". Khi chúa Trần Nhân Tông vào tu ở núi Yên Tử thì bà Khâm Từ hoàng hậu cũng xuất gia làm ni cô⁽⁴⁾.

4) Vua Trần Anh Tông (1293 – 1314)

Thái tử Anh Tông nối ngôi thái thượng hoàng Trần Nhân Tông, là đệ tử Pháp Loa Tôn Sư, Ngài thường đến diễn đàn nghe Tôn Sư thuyết pháp giảng đạo nên am hiểu rất nhiều giáo lý Nhà Phật.

Năm 1299 thái thượng hoàng Trần Nhân Tông xuất gia, vua sắc chỉ ấn tống kinh cho nhân dân trong nước học tập. Thượng hoàng sai sứ Trần Khắc Dung đi sứ Tàu thỉnh được Đại Tạng Kinh. Sau đó, phát chẩn cho dân nghèo, kẻ thế cô bệnh tật.

Các nhà nghiên cứu Việt Nam trong và ngoài nước đều thấy sức sống mãnh liệt ở dân tộc ta. Mỗi khi lật qua trang sử, xét lại việc cũ, hẳn ai cũng đều phải thừa nhận rằng. Nếu lúc ban đầu

(4) Nguyễn Bá Lăng, kiến trúc Phật giáo, Việt Nam tr. 93 - 94

các vị thiền sư Phật giáo ngày xưa không ý thức được sứ mệnh thiêng liêng của mình thì rất có thể nước Việt Nam không còn tồn tại vững chắc để có bộ mặt huy hoàng bây giờ. Các vị thiền sư đã nhập thể hành đạo, tùy thuận chúng sinh dắt dẫn họ trên bước đường tu học. Kiến quốc, các vấn đề văn hóa, chính trị, quân sự, xã hội đều được các thiền sư nâng đỡ, giáo huấn kể từ trên vua quan đến dưới thứ dân.

Đất nước Việt Nam chúng ta qua thời kỳ ban đầu lập quốc đầy loạn ly, phong kiến, kể từ đời nhà Đinh (968) các vị thiền sư được nhận vào ngạch chính tham dự vào việc cải cách nhà nước về quốc phòng ngoại giao, luật pháp, hành chính, văn hóa - xã hội ...

Đáng chú ý là vào đời vua nhà Lý: các chùa tháp được kiến tạo rất nhiều. Tuy nhiên, các chùa tháp được xây dựng thời kỳ này không đồ sộ tốn kém như các nước lân bang. Đạo Phật Việt Nam không hủ hóa lạc hậu. Các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần được hùng dũng, thịnh vượng là nhờ có nguồn giáo lý từ bi trí tuệ, bình đẳng, tự lực, tự chủ, giải thoát và sự hiện diện của các thiền sư, quốc sư sống gần gũi với dân chúng vì dân tộc, vì Tổ quốc không vì nguồn gốc của tôn giáo và sự chỉ đạo của họ như tôn giáo khác mà vì tổ quốc quê hương. Các Ngài biết lo cái lo của đất nước và dân tộc, vui cái vui chung của đất nước và dân tộc. Nên chưa bao giờ có tư tưởng đi ngược lại truyền thống yêu nước của dân tộc và đạo Phật.

Với tình thế tu hành sống dưới thời vua chúa phong kiến và phải đối mặt với giặc thù lân bang phức tạp xưa, các thiền sư quốc sư cũng là những người đóng góp mưu kế không nhỏ cho các vị vua là đệ tử, là bậc cùng chí hướng vì Tổ quốc vì quê hương trong việc đánh đông dẹp tây, làm rạng rỡ đất nước một thời. Chúng ta hãy ôn lại lịch sử chỉ từ thời Lý 1010 về sau sẽ thấy tư tưởng sùng đạo yêu Tổ quốc cùng với các vua chúa trong tu hành cũng cần phải phòng thân đánh trả giặc có qui mô lớn nhỏ ở các biên cương quyết liệt và thành công như thế nào. Vua tôi cùng nhau làm rạng rỡ đạo đời cho quê hương, khiến kẻ thù nhiều phen khiếp sợ, nể nang, mến phục, chỉ qua phép từ bi trí tuệ theo Phật giáo chính thống mà thôi. ●

Sách tham khảo:

1 – Nguyễn Bá Lăng, kiến trúc Phật giáo Việt Nam, Nha tu thư viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản, Sài Gòn, 1972.

2 – Phạm - Quỳnh, Phật giáo Lược khảo, Sài Gòn, 1920.

3 – Mật Thế, Việt Nam Phật giáo Lược sử, Phật học Viện Trung Phần ấn hành, 1943.

4 – Việt Nam Đất nước giàu đẹp (tập II) NXB Sự Thật Hà Nội – 1983.

5 – TS. Thái Văn Chải, Early History of Buddhism in Vietnam– Magadh university, India, 1972.





Một vị cận thần của Ngài, rất đỗi ngạc nhiên về những điều yêu cầu kỳ lạ này, và đã hỏi ngài Alexander lý do tại sao Ngài lại muốn như thế.

Ngài Alexander đã giải thích như sau:

1 - Ta muốn chính các vị ngự y (bác sĩ) giỏi nhất phải kiêng Linh cữu của ta để cho mọi người thấy rằng một khi phải đối mặt với cái chết, thì chính họ (là những người tài giỏi nhất) cũng không có tài nào để cứu chữa.

Những Lời Nguyện Ước Cuối Cùng

Của Một Vị Đại Đế Alexander

Lam sư tâm

Lúc sắp băng hà, Ngài Alexander Đại đế cho triệu tập các quan trong triều đình đến để truyền đạt ba ý nguyện cuối cùng của mình.

Ngài phán rằng:

1 - Linh cữu của Ngài phải được kiêng đi bởi chính các vị ngự y (bác sĩ) giỏi nhất của thời đó.

2 - Tất cả các báu vật của Ngài (vàng, bạc, châu báu, ...) phải được rải dọc theo con đường dẫn đến ngôi mộ của Ngài, và ...

3 - Đôi bàn tay của ngài phải được để lửng lơ, đong đưa trên không, thò ra khỏi quan tài để cho mọi người đều thấy.

2 - Ta muốn châu báu của ta được vãi trên mặt đất để cho mọi người thấy rằng của cải, tài sản mà ta gom góp được ở trên thế gian này, sẽ mãi mãi ở lại trên thế gian này (một khi ta nhắm mắt xuôi tay từ giã cõi đời).

3 - Ta muốn bàn tay của ta đong đưa trên không, để cho mọi người thấy rằng chúng ta đến với thế giới này với hai bàn tay trắng và khi rời khỏi thế giới này chúng ta cũng chỉ có hai bàn tay trắng. Đến cuối cuộc đời, chúng ta sẽ nghiệm ra rằng, kho tàng quý giá nhất trên cuộc đời này là: thời gian. ●



TÍNH NHÂN BẢN QUA KINH A HÀM

HT. Thích Thiện Nhơn

Vào ngày rằm trăng tròn tháng tư âm lịch, cách đây hơn 25 thế kỷ, có một bậc vĩ nhân xuất hiện ở đời, Ngài hạ sinh vào hoàng cung vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Maya năm 563 tây lịch, đó là thái tử Tất Đạt Đa, hậu thân của bồ tát Hộ Minh, về sau tu hành thành Phật dưới cội Bồ Đề, hiệu là Thích Ca Mâu Ni hay là Gotama. Cuộc đời của Ngài từ lúc đản sanh cho đến khi nhập diệt, là một cuộc đời tuyệt đẹp và nhân bản kỳ diệu, có một ý nghĩa toàn diện và tuyệt vời. Ngài đã đi vào quá khứ, nhưng ân đức và trí tuệ của Ngài vẫn còn sống mãi với con người và cuộc đời hôm nay cũng như mãi về sau. Qua đó, ý nghĩa ra đời của Phật là một biểu thị nhân bản tuyệt đối bằng sự nỗ lực tự tu, tự ngộ, tự giải thoát, như chính bản thân Ngài đã làm từ vô lượng kiếp cho đến khi giác ngộ thành Phật và nhập Niết bàn. Tính nhân bản ấy cũng đã được Ngài đề cập khá rõ nét trong kinh A Hàm như sau.

1. TÍNH HƯỚNG THƯỢNG

Sự ra đời của Đức Phật, hay nói khác hơn là sự hiện thân của một con người hoàn thiện tuyệt đối về nhân cách, đạo đức, điều này không phải tự nhiên có hoặc ai ban cho, mà chính tự thân Ngài đã nỗ lực thăng hoa, từ phạm vi con người bình thường, tiến lên thanh tịnh hóa tâm hồn, đạt đến mức độ cứu cánh viên mãn; thì đối với tất cả chúng sanh cũng thế, cho nên Đức Phật đã ví dụ: "Cũng như ở trong ao bùn, có 3 loại hoa sen, một loại còn nhũn dưới bùn, một loại đã ra khỏi bùn và vươn lên trong nước, một loại đã ra khỏi nước, không thấm nước và nở hoa tươi thắm. Loại thứ nhất ví dụ cho chúng sinh còn sinh tử luân hồi, loại thứ hai ví dụ cho chúng sanh đã biết tránh ác làm lành, biết tu tập thiện pháp, biết quy y Tam bảo v.v..., loại thứ ba ví dụ cho những chúng sanh đã đoạn trừ hết phiền não, chấm dứt sinh tử luân hồi, giác ngộ giải thoát (Trường 1, Tăng 2).

Tóm lại, ba loại hoa sen là ví dụ cho ba hạng chúng sanh dù ở trong sinh tử, phiền não, trần lao, nhưng không bị phiền não, trần lao, sinh tử làm đắm nhiễm mà tất cả đều cố vươn lên để được giác ngộ giải thoát như khế kinh nói: Từ vũng bùn ô uế, vớt bỏ bên lề đường, một đóa



sen xuất hiện, làm đẹp ý mọi người. Từ vũng bùn sinh tử, phiền não của thế gian, xuất hiện một Bạc Thánh, với trí tuệ siêu phàm, làm lợi lạc quần sanh (PC 58 – 59).

Mặt khác, kinh Hoa Nghiêm phẩm Phổ hiền nhấn mạnh: “Bồ tát gieo trồng hạt giống bồ đề, không thể gieo ở hư không. Trái lại, phải gieo trên đất chúng sanh, lấy nước từ bi để tưới, cây bồ đề sẽ đơm hoa kết trái, hoa là hoa trí tuệ, trái là quả bồ đề, tức Phật quả. Cũng vậy, từ sa mạc hoang vắng, sinh tử trần lao, Bồ tát hóa độ chúng sanh, khuyên chúng sanh nỗ lực tu tập, chúng quả Bồ đề trong sanh tử phiền não của thế gian, không thể ngoài cảnh giới ấy mà có quả Bồ đề, Niết bàn riêng”.

2. TÍNH TỰ TU TỰ ĐỘ

Trong suốt 49 năm hoằng pháp (theo truyền thống Nam Tông 45 năm), làm Phật sự giáo hóa chúng sanh v.v..., nhưng Đức Phật chỉ tóm tắt một lời: “Tất cả những gì Như Lai làm chỉ là vị đạo sư dẫn đường; còn sự nỗ lực tu tập, đi hay không là do ở các người”. Điều đó cần thấy rõ hơn khi Đức Phật hỏi Ngài Anan: “Này Anan, tôn giả Xá Lợi Phất nhập diệt có mang theo giới thân, định thân, huệ thân, giải thoát thân và giải thoát tri kiến thân không? Anan đáp: Thưa Thế Tôn không. Đức Phật dạy: Vậy pháp hãy còn đó, sao không nỗ lực tu tập, mà còn đợi ai nữa?” Pháp đó là gì? Chính là ngũ phần pháp thân, giới pháp thân, định pháp thân, huệ pháp thân, giải thoát pháp thân, giải thoát tư kiến pháp thân

và pháp ấy ở đâu? Dĩ nhiên, không phải ở trên trời hay dưới đất, mà nó ở ngay nơi mỗi người và trong từng con người một, chúng sanh một (Tăng 26).

Qua đó, không làm các điều ác, thực hành các điều thiện, chế ngự 6 căn, nhiếp tâm, đoạn trừ lục dục là giới thân thanh tịnh, giữ tâm thanh tịnh, không tham, sân, si, không chạy theo ngũ dục, lục trần, ấy chính là định pháp thân. Bằng trí huệ thanh tịnh vô nhiễm, thấy rõ các pháp vô thường, khổ không, vô ngã, bất tịnh nỗ lực tu tập giới, định, huệ, tu tập 4 chân lý, thành tựu 3 sự sáng suốt, 4 thứ trí huệ, 6 năng lực tự tại, ấy chính là huệ pháp thân. Tâm hoàn toàn thanh tịnh, vô nhiễm, không còn phiền não, không còn cấu uế, ví như tấm vải đã giặt sạch do đó cổ đức nói:

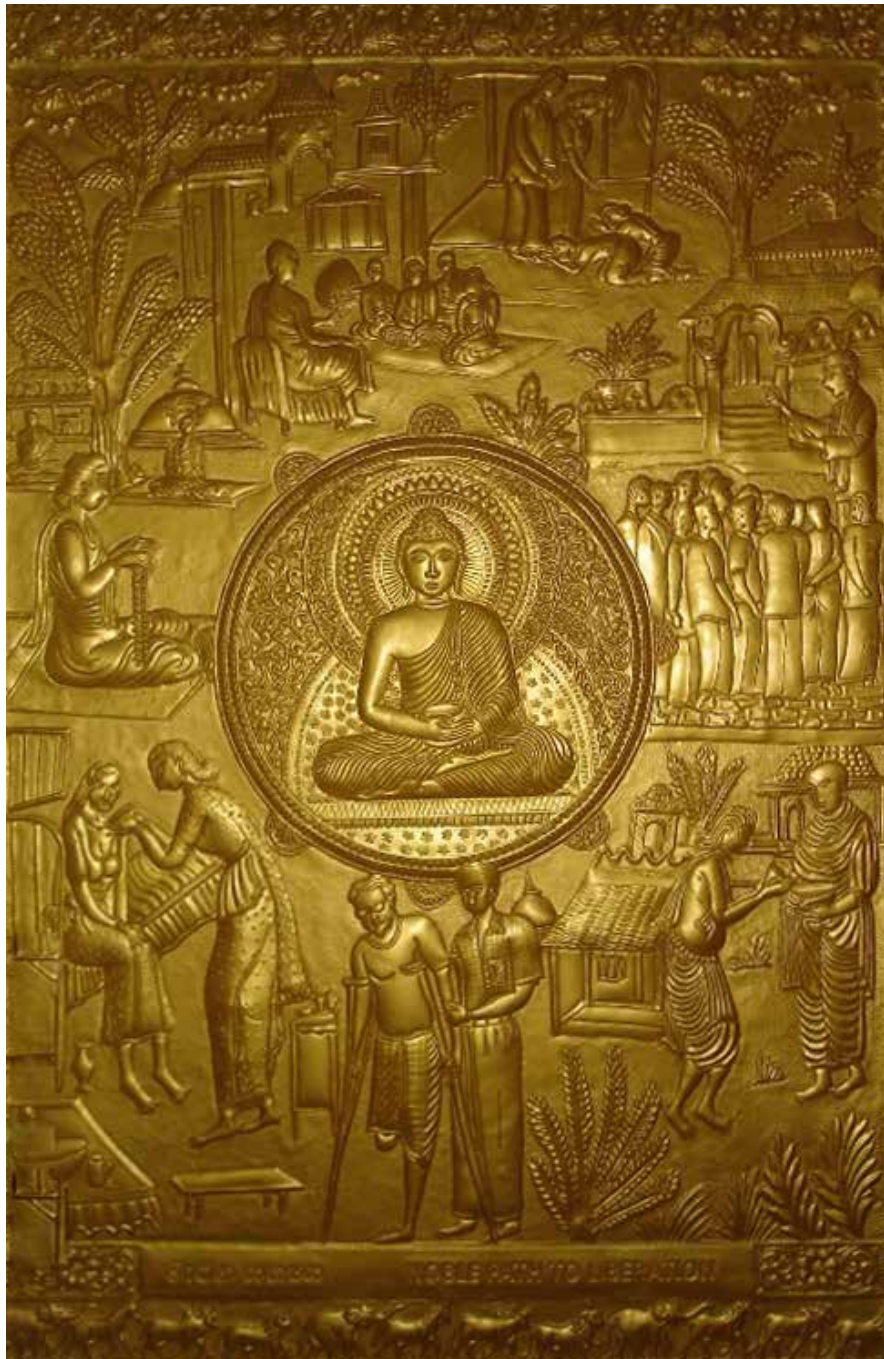
"Lửa lòng đã tắt từ lâu

Tự tâm thanh tịnh một bầu thanh lương

Mưa từ nước pháp cảnh dương

Chúng sinh lợi lạc bốn phương đơm nhuần”.

Đó chính là giải thoát thân pháp, biết rõ không có 5 uẩn, 5 uẩn là vô ngã, do đó không có ta của ta; không còn chấp ngã và ngã sở như khế kinh nói: “Con ta tài sản ta, người ngu cứ nghĩ sai ngoa. Ta còn không có, huống tài sản ta! (PC 62). Đó là giải thoát tri kiến pháp thân. Đồng quan điểm, kinh Pháp Bảo Đàn nói: Tự tánh thanh tịnh là giới thân, tự tánh vắng lặng là định thân, tự tánh chiếu soi vạn pháp là huệ thân, tự tánh không phiền não tham, sân, si là



hối, thù miên và nghi ngờ, thành tựu pháp thân thanh tịnh. Do chuyển hóa tham lam thành tựu giới thân thanh tịnh; do chuyển hóa sân hận thành tựu định thân thanh tịnh, do chuyển hóa ngũ mê mà thành tựu huệ thân thanh tịnh, do chuyển hóa trạo hối mà thành tựu giải thoát thân thanh tịnh, do chuyển hóa nghi ngờ mà thành tựu giải thoát tri kiến thân thanh tịnh (Tạp 1145, Trung 3).

Nói thế có nghĩa là chuyển phiền não, 5 triền cái thành tựu Bồ đề và pháp thân giải thoát. Tại sao? Vì thật tánh phiền não là thật tánh Bồ đề. Do đó, kinh Hoa Nghiêm nói: “Mê thì Bồ đề là vọng tưởng; Ngộ thì vọng tưởng là Bồ đề”. Hay nói khác đi, khi mê thì có 6 nẻo luân hồi, khi ngộ thì đất trời không có (mê lý mình mình hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên) và kinh Chiên Sát nói: “Niệm trước nghĩ ác như mây mù che mặt trời, niệm sau nghĩ thiện như gió thổi xua tan mây

mù mặt trời xuất hiện” có nghĩa là giác ngộ giải thoát.

giải thoát thân, tự tánh không chấp thủ là giải thoát tri kiến thân, hãy y cứ theo đây mà tu tập sẽ chứng ngũ phần pháp thân sẵn có của các người”.

3. TỰ TÍNH HÓA GIẢI

Phiền não, Bồ đề là 2 khái niệm tâm lý, thực chất không tách rời nhau và không ngoài tâm mà có, cho nên Vĩnh Gia đại sư nói: Thật tánh vô minh là Phật tánh, thân huẩn hóa này là chỗ y cứ của pháp thân. Nói rõ hơn, như vua Ba Tư Nặc hỏi Phật: Bạch Thế Tôn, đệ tử Như Lai tu pháp môn gì mà có uy đức được an lạc giải thoát cao thượng như thế? Đáp: Không có chi lạ, chỉ là chuyển hóa 5 triền cái tham lam, sân hận, trạo

4. TÍNH TRÁCH NHIỆM

Bằng tâm chủ động, do đó con người phải chịu trách nhiệm về hành vi tạo tác của mình; vì thế mình tạo cũng do mình chuyển hóa, không thể ai chuyển hóa thế cho mình; và cũng không ai có quyền ban phước gián họa cho mình; vì tất cả do mình quyết định. Như Đức Phật dạy: “Tự mình làm cho mình nhiễm ô, tự mình làm cho mình thanh tịnh, thanh tịnh hay nhiễm ô là do chính mình, không do ai khác” (tăng 13 (5), PC 165, Trung 13). Nói khác đi như cổ đức nói:

"Việc làm giả thật tự mình hay.

*Họa phúc do mình chớ hỏi ai.
Thiện ác cuối cùng quả phải đến.
Chẳng qua đến sớm hay đến chầy” (Long Tế
Hòa thượng).*

Như vua A Xà Thế phạm tội giết cha, do ăn năn sám hối, không còn tội vô gián địa ngục, mà chứng được vô căn tín, tức trước bạch kiến đạo sơ quả tứ đà hoàn. Người kỷ nữ Liên Hoa Sắc, do sám hối xuất gia, chứng quả A la hán. Ương Quật Ma La giết người khủng khiếp, nhưng sau khi xuất gia tu hành chứng quả A la hán, hiệu là Kiến Đế tỳ kheo. Đề Bà Đạt Đa, phá hòa hợp tăng, làm thân Phật chảy máu, đọa vô gián địa ngục, về sau tu hành chứng quả Bích Chi Phật. Theo đại thừa thì thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai. Nàng công chúa Mâu Ni do cúng dường đức Bảo Tạng Như lai một chung dầu đốt mà được thụ ký thành Phật v.v... Quả thật, như kệ kinh nói:

*"Ai dùng các hạnh lành.
Xóa mờ các nghiệp ác.
Chiếu sáng rực đời này.
Như trăng thoát mây che” (Tập 1077,
PC.173).*

5. TÍNH THIẾT LẬP

Theo quan điểm A hàm, ba cõi do chúng sanh tạo, do chấp các dục nên có chúng sanh cõi dục, do chấp có sắc nên có chúng sanh cõi sắc, do chấp thức tưởng không, nên có chúng sanh khái niệm về không là vô sắc, do chúng sanh tạo nghiệp nên có 6 loài chúng sanh hay 25 loài chúng sanh, do tạo nghiệp nên có địa ngục, khổ đau, nhưng cũng do tu thiện, mà có thiên đường. Như một triết gia nói: "Con người có thể tạo thiên đường cũng như tạo ra địa ngục. Do tu thiện pháp, thiện nghiệp, bốn tâm vô lượng từ, bi, hỷ, xả, mười nghiệp thiện, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời ly gián, không nói thêu dệt, không nói lời hung ác, không tham, không sân, không si mà thành tựu thể giới thanh tịnh trang nghiêm, một thế giới hoàng kim như là Tịnh độ, có ao sen, cây báu, lầu đài cung điện nguy nga, thanh bình an vui tuyệt đối, con người thuần thiện, đồng thời có Đức Phật Di Lặc ra đời (Trường 6, 30, Trung 66, Tăng 48) và Đức Phật Di Lặc giảng sanh ở đâu? ở Ấn Độ. Như vậy, Tịnh độ không chỉ giới hạn ở Ấn Độ mà cả thế giới ta bà, vì Đức

Phật Di Lặc sẽ là giáo chủ cõi ta bà thay thế cho Đức Phật Thích Ca trong tương lai như kinh Duy Ma Cật nói: Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh (nếu như tâm chúng sanh thanh tịnh thì thế giới Phật cũng thanh tịnh).

Tóm lại:

Qua những trầm tư về tính nhân bản nhân ngày Đản sanh Đức Phật, bằng hình ảnh tự nỗ lực thăng hoa, tiến tới giác ngộ, giải thoát của Ngài cho phép khẳng định rằng: Hơn bao giờ hết, tính nhân bản trong ý nghĩa giáo dục của A Hàm, mang tính độc đáo và cụ thể không thể đảo ngược, để từ đó xây dựng nền tảng vững chắc cho con người từ phạm phu đến giải thoát, từ phạm vi bình thường trở thành hữu ích cho chúng sanh và xã hội. Một nền đạo đức nhân bản và giáo dục trực quan hướng nội và xã hội ngày càng tiến xa hơn, thanh thoát hơn trong ý nghĩa và hành động, trong sự hiện hữu và giá trị của sự hiện hữu, mà con người là nhân tố cho mọi tác nhân thành tựu kết quả tối thượng tại thế gian này như Đức Phật nói: "Khi tỳ kheo không còn chấp thủ, không còn chấp xả, thì chứng vô thủ trước niết bàn, không đi đông, đi tây, đi nam, đi bắc, đi lên đi xuống, giải thoát tại thế gian và giữa chúng sanh" (Trung 6, 75). Quả thật:

*Mỗi bước đạo chơi cảnh niết bàn
Không còn phiền não lụy thế gian
Chân không dẫn bước trong chánh niệm
Tịnh độ là đây thật rõ ràng. ●*



Ứng dụng thiền trong đời sống

Nguyên tác: Thiền sư Ajahn Chah

Chuyển dịch: Tỳ khưu Khánh Hỷ

CHÁNH NIỆM

Thiền có hai loại: Thiền Chỉ và Thiền Quán (thiền định và thiền tuệ). Thiền Chỉ giúp cho hành giả được an tịnh. Thiền Quán, một mặt giúp phát triển tri giác về vô thường, khổ, vô ngã, một mặt là chiếc cầu để vượt qua ba con sông lớn này.

Dù có quan niệm thế nào về cuộc sống này, chúng ta cũng không nên tìm cách thay đổi chúng theo chiều hướng của mình ưa thích mà chỉ cần nhìn chúng, để chúng diễn biến một cách tự nhiên. Nơi nào có đau khổ, nơi đó cũng có con đường để thoát khỏi khổ đau. Thấy rằng cái gì có sinh có diệt thì có khổ đau, Đức Phật biết rằng phải có cái gì đó không sinh không diệt và không khổ đau.

Mọi phương pháp thiền đều có khả năng phát triển chánh niệm. Mục đích của chánh niệm là để thấy rõ chân lý tiềm tàng. Với chánh niệm, bạn quan sát mọi ước muốn khởi dậy trong tâm - yêu và ghét, lạc thú và khổ đau. Khi nhận chân được đặc tính vô thường, khổ và vô ngã của chúng, bạn hãy để chúng tự nhiên. Bằng cách này, trí tuệ sẽ thay chỗ cho khổ đau, và hiểu biết sẽ thay thế cho hoài nghi.

Mặc dù đề mục thiền nào cũng giúp phát triển trí tuệ, nhưng chính bạn phải lựa chọn đề mục thích hợp với mình. Chánh niệm là biết được những gì ngay trong hiện tại, ghi nhận và tỉnh thức. Hiểu biết thấu đáo rõ ràng phạm vi hoàn cảnh của đối tượng xuất hiện. Khi chánh niệm

đi liền với giác tỉnh thì trí tuệ sẽ luôn luôn xuất hiện để giúp cho cặp "Chánh niệm - Giác tỉnh" này hoàn thành sứ mạng của chúng.

Hãy quan sát tâm, theo dõi tiến trình kinh nghiệm về sinh diệt. Lúc đầu chuyển động có tính cách cố định. Ngay khi một sự vật diệt đi, một sự vật khác lại sinh ra, và bạn sẽ có cảm tưởng rằng sinh nhiều hơn diệt. Dần dần khi tâm quan sát nhạy bén và rõ ràng, bạn sẽ hiểu được tại sao sự vật sinh ra một cách mau lẹ như thế, cho đến một lúc nào đó bạn sẽ đạt đến một điểm, ở đây sự vật sinh rồi diệt và không bao giờ sinh ra nữa.

Với chánh niệm bạn sẽ nhận diện được chủ nhân thực sự của mọi pháp. Bạn sẽ không còn có tư tưởng đây là thể giới của ta, đây là thân thể của ta mà là thể giới của thể giới, và thân thể của thân thể. Bạn có thể bảo thân thể bạn đừng già được không? Khi dạ dày bạn đau, nó có xin phép bạn không? Chúng ta chỉ là người thuê nhà. Tại sao chúng ta không tìm cho ra ai là chủ nhân thật sự của thân thể này?

Cốt tủy của Thiền Minh Sát

Bắt đầu thực tập bằng cách ngồi ngay thẳng và chú tâm. Bạn có thể ngồi trên sàn nhà hay trên ghế. Trước tiên bạn không cần phải quá cố gắng chú tâm. Chỉ cần để ý đến hơi thở ra vào. Nếu cảm thấy rằng niệm Phật có thể giúp cho sự chú tâm của bạn mạnh hơn, bạn có thể niệm "Phật," "Pháp," hay "Tăng" khi bạn quan sát hơi thở ra vào (điều quan trọng là phải chú tâm vào hơi thở, niệm Phật chỉ là phương tiện giúp định

tâm.) Khi quan sát hơi thở, bạn phải quan sát một cách tự nhiên, không được điều khiển hơi thở. Cố gắng điều khiển hay kiểm soát hơi thở là một việc làm sai lầm, vì khi điều khiển hơi thở, bạn sẽ có cảm giác hơi thở hoặc quá ngắn, quá dài hay quá nhẹ, quá nặng. Bạn sẽ có cảm tưởng dường như mình thở không đúng cách, và sẽ cảm thấy chẳng thoải mái chút nào. Bạn hãy để hơi thở hoạt động một cách tự nhiên. Làm như vậy cuối cùng bạn sẽ nhận thấy hơi thở vào ra một cách nhẹ nhàng, điều hòa.

Khi quan sát hơi thở ra vào mà bạn tỉnh giác và hoàn toàn ổn định tâm là bạn đã thở đúng cách.

Khi bị phóng tâm, bạn hãy dừng lại, điều chỉnh sự chú tâm, trở về với đề mục chính của mình. Thoạt đầu, khi chú tâm vào hơi thở, tâm bạn có khuynh hướng muốn đưa hơi thở đi theo một chiều hướng nào đó. Hãy bình thản, đừng lo lắng hay tìm cách điều chỉnh nó. Bạn hãy quan sát nó, và để nó tự nhiên. Thiền sẽ tự nó phát triển. Khi bạn làm như thế, có lúc bạn sẽ thấy hơi thở ngưng hẳn, nhưng đừng sợ, bạn sẽ thở lại điều hòa sau đó. Sự ngưng thở chỉ là cảm giác phát sinh từ tri giác của bạn, thực ra hơi thở vẫn tự nhiên và nhẹ nhàng tiếp nối. Một lát sau bạn sẽ thấy hơi thở rõ ràng như trước.

Nếu bạn tiếp tục giữ tâm an tịnh như thế thì bất kỳ bạn đang ở nơi nào - đang ngồi trên ghế, đang ở trên xe, trên tàu, v. v., bạn đều có thể chú tâm vào đề mục và bước vào trạng thái an lạc một cách mau chóng dễ dàng. Bất kỳ bạn đang ở đâu, bất kỳ lúc nào, bạn đều có thể hành thiền được cả.

Khi đạt đến sự tiến bộ này thì bạn đã hiểu Đạo phần nào rồi đấy. Nhưng bạn phải quan sát những đối tượng của giác quan nữa.

Hãy hướng tâm an tịnh của bạn vào hình sắc, âm thanh, mùi vị, sự đụng chạm và suy nghĩ. Tất cả mọi đối tượng của thân và tâm đều là đề mục để bạn hướng đến. Bất kỳ cái gì phát sinh đều phải quan sát, ghi nhận; phải ghi nhận dù bạn thích hay không thích chúng. Hãy ghi nhận một cách khách quan, đừng để đối tượng yêu ghét ảnh hưởng đến tâm mình. Yêu, ghét chỉ là những phản ứng đối với thế giới bên ngoài. Bạn

phải có cái nhìn sâu rộng hơn. Dần dần bạn sẽ thấy mọi cảm giác yêu ghét thực ra chỉ là sự vô thường, khổ và vô ngã. Hãy xếp mọi tốt xấu, hay dở vào ba loại vô thường, khổ và vô ngã. Dầu chúng thế nào đi nữa cũng để chúng yên, chỉ quan sát mà đừng can thiệp vào chúng. Đó là cách hành thiền minh sát. Làm như thế tất cả sẽ được bình an tĩnh lặng.

Chẳng bao lâu, tuệ giác, vô thường, khổ, vô ngã sẽ xuất hiện. Đó là bước đầu của trí tuệ thật sự, cốt tủy của thiền, dẫn đến giải thoát. Hãy theo dõi kinh nghiệm của mình, nhìn nó và tiếp tục cố gắng để thấy chân lý. Hãy học cách khước từ, không vướng mắc để đạt đến bình an tĩnh lặng.

Trong khi hành thiền, nhiều hiện tượng kỳ lạ sẽ đến với bạn - bạn sẽ thấy ánh sáng, thấy chư thiên, thấy Phật, v. v. Khi thấy những điều đó bạn hãy quan sát mình trước để tìm xem tâm mình đang ở trạng thái nào. Chớ quên điểm căn bản này. Hãy chú tâm, chớ mong mỏi thấy gì, cũng chớ mong hình ảnh dừng đến với mình. Nếu bạn theo đuổi những hình ảnh này, bạn sẽ rơi vào tình trạng ngơ ngẩn vô vị, vì tâm đã đi ra ngoài tình trạng ổn cố. Vậy thì khi những hình ảnh ấy đến, bạn hãy quan sát chúng. Khi quan sát chúng, bạn phải tự chủ, đừng si mê theo chúng. Bạn hãy quán chiếu rằng chúng chỉ là vô thường, khổ và vô ngã. Khi chúng có đến gần bạn đi nữa, bạn cũng đừng lấy đó làm điều quan trọng, hãy nhìn chúng rồi để chúng tự ra đi. Nếu chúng không đi, cũng vẫn tự nhiên, bấy giờ hãy trở về với mục đích của bạn, đó là hơi thở. Bạn hãy thở ra vào ba hơi thật dài, mọi hình ảnh sẽ biến mất. Bất kỳ cái gì hiện ra cũng mặc, hãy





tái lập sự chú tâm. Đừng nắm lấy cái gì và xem đó là của mình. Những gì bạn thấy chỉ là những hình ảnh hay những cấu trúc do tâm tạo ra. Đó là sự giả tạo, hư ảo, gây nên yêu thích, nắm giữ hay sợ hãi. Đừng đắm mình vào khi thấy những cấu trúc giả tạo này. Mọi kinh nghiệm bất thường đều đem đến lợi ích cho kẻ trí, nhưng là mối tai hoạ cho người thiếu khôn ngoan. Hãy tiếp tục hành thiền cho đến khi nào bạn không còn bị những hình ảnh quấy nhiễu nữa.

Nếu bạn có thể phó mặc cho tâm như thế thì không còn gì khó khăn nữa. Nếu tâm muốn vui, bạn chỉ cần ý thức rằng niềm vui này không vững bền. Bạn có sợ những hình ảnh xuất hiện trong tâm bạn hay sợ những kinh nghiệm khác mà bạn gặp trong lúc hành thiền không? Hãy tự nhiên làm việc với chúng. Bằng cách này bạn có thể dùng phiền não để huấn luyện tâm mình, và bạn sẽ hiểu được bản chất tự nhiên của tâm,

thoát khỏi mọi thái cực, rõ ràng và không dính mắc.

Tâm chỉ là một điểm đơn giản, là trung tâm của vũ trụ, và tâm sở chẳng khác nào du khách đến ngụ trong một thời gian. Hãy tìm hiểu kỹ những du khách này. Hãy làm quen với những bức tranh sống động do họ vẽ và những câu chuyện hấp dẫn do họ kể, hãy ngoạn ngoạn theo họ. Nhưng nhớ đừng rời khỏi chỗ ngồi của bạn, bởi vì ngoài chiếc ghế bạn đang sử dụng không còn chiếc ghế nào khác quanh đây nữa. Nếu bạn tiếp tục giữ chỗ ngồi không rời, chào mừng từng vị khách mỗi khi họ đến, nghĩa là luôn luôn giữ chánh niệm, chuyển tâm đến những người hiểu biết, tỉnh thức, thì những người khách khác cuối cùng sẽ không đến nữa. Nếu bạn thực sự chú ý đến họ thì họ sẽ đến với bạn bao nhiêu lần nữa? Chuyện trò với họ, bạn sẽ hiểu rõ từng người một. Chắc chắn cuối cùng tâm bạn sẽ an tịnh. ●

TÌM HIỂU Y PHỤC

Phật Giáo Nguyên Thủy Nam Tông Việt Nam

Nguyễn Văn Sáu

Mỗi tôn giáo đều có sắc phục riêng của mình, nhằm mục đích nói lên tính thống nhất, biểu tượng, có tổ chức. Có người nói chiếc áo không làm nên thầy tu, nhưng thầy tu cần chiếc áo, chính chiếc áo để phân biệt được thầy tu. Một tôn giáo sinh hoạt tốt phải có tổ chức thành công nhiều mặt, trong đó sắc phục cũng không thể nào thiếu. Đức Phật xuất hiện ở Ấn Độ trong một bối cảnh đa tôn giáo, nhưng Ngài khéo sử dụng tôn giáo có trước thời Ngài và vận dụng trí tuệ, từ bi cùng sự giác ngộ của Ngài để phát huy Phật giáo, nhằm mục đích là lợi ích cho Chư Thiên và loài người. Lời dạy của Ngài ví như không khí là sự cần thiết của muôn loài. Trong sự phát huy Phật giáo Đức Phật kiện toàn rất nhiều lãnh vực cho phù hợp với tăng đoàn và giáo hội. Y phục và giới luật là vấn đề khá lớn trong tăng đoàn thời Đức Phật và những điều đó tới ngày nay vẫn còn tồn tại trên thế giới. Phạm vi bài viết này người viết đề cập đến Y phục theo truyền thống Phật giáo Nam Tông Việt Nam.

1. XUẤT XỨ CHIẾC Y TRONG PHẬT GIÁO

Trong kinh điển truyền thống, tiểu sử Phật Thích Ca, kinh giải về Kiếp có ghi lại lúc Thái tử vượt cung thành xuất gia không bao lâu Phạm thiên cúng dường y và bát cho Ngài để khởi đầu cho việc xuất gia tầm đạo. Y và bát là hai thành phần khá quan trọng cho người xuất gia, y là để che thân, bình bát để khất thực nuôi mạng. Hình thức này ngày nay các nước Phật giáo những giới tử xuất gia cũng cần có thí chủ cúng dường y

bát để thầy tế độ cử hành lễ xuất gia. Việc Phạm thiên cúng dường y bát cho Thái tử Sĩ Đạt Ta lúc xuất gia tầm đạo có một số quan niệm cũng không chấp nhận luận cứ này, nhưng dù sao thì dù việc xuất gia của Thái tử cũng chấn động tới Tam thiên đại thiên thế giới, thì phạm thiên cúng dường y bát cho Thái tử cũng là điều cần thiết và xem như là bốn phận. Tại sao không phải là đối tượng khác mà là Phạm thiên, có khả năng phạm thiên là người đại diện cho Tam giới. Tương tự vấn đề này, người thỉnh Phật Chuyển Pháp Luân đầu tiên cũng là Phạm thiên Sahampati.

Trong Tương Ưng bộ kinh và Luật tạng Pāli có kể lại một lần kia Thế Tôn và số đông tỷ khưu đi hoằng pháp tới một cánh đồng, Thế Tôn bảo Đại đức Ānanda có thấy cánh đồng hay không? Đại đức bảo là có. Vậy Ānanda hãy vẽ y phục của chư tăng giống như cánh đồng vậy. Thế là A Nan Đa vâng lời Thế Tôn thực hiện. Vì ruộng lúa có lợi ích cho con người, còn y phục, ẩn dụ phước điền của chư thiên và loài người.

2. Y PHỤC KATHINA

Trong luật tạng Pāli, có ghi lại Tín nữ Visākhā là người đầu tiên thỉnh cầu Đức Phật để cúng dường dâng y tắm mưa và y Kathina cho Đức Phật và tăng đoàn vào ngày chư tăng nhập hạ và mãn mùa An cư kiết hạ (vassa). Tại sao gọi là dâng y tắm mưa? Vì khi nàng Visākhā vào chùa Kỳ Viên - Jetavaka vihāra thăm và kính lễ Đức Thế Tôn gặp phải một ngày đầu mùa An cư nên mưa to, các vị Sa di thấy mưa nên

thoả thích tắm mưa mà không có sử dụng y tắm. Nàng Visakha thấy cảnh tượng mất trang nghiêm và không hợp lý, nàng sợ người ngoại đạo sẽ chê cười khi trông thấy hiện tượng này, nên vào bạch Thế Tôn sự việc đó và xin Thế Tôn hoan hỷ cho bà được cúng dường y tắm mưa vào những đầu mùa An cư. Chính nàng Visākhā cũng là người tín nữ đầu tiên xin làm thí chủ cúng dường y Kaṭhina cho Chư tăng khi mãn mùa mưa.

Thế nào gọi là y Kaṭhina? Có một số người hiểu sai về danh từ này. Thật ra Kaṭhina gồm có 2 phần, Ka nghĩa là làm cho phát sanh phước báu, Ṭhina nghĩa là chắc chắn. Trong luật tạng không có nói rõ năm nào nàng Visākhā dâng y Kaṭhina, nhưng theo sự tích của Bà có khả năng là khoảng từ hạ thứ 16 đến hạ thứ 30, nói một cách lặt quai, có khả năng là hạ thứ 20 hoặc 21. Tại sao phước báu lễ dâng y Kaṭhina cao thượng nhất. Vì người nhận y phải có: Tỳ khưu nhập hạ liên tục 3 tháng không dứt hạ. Cử hành lễ nơi chùa có kiết giới Sīma. Phải có ít nhất 5 vị tỳ khưu trở lên phải có tuyên ngôn, nêu lý do được lãnh y mới. Tỳ khưu lãnh y phải thông suốt 8 điều cần thiết Matika: cắt y, may y, làm dấu y, xả y, nguyện y v.v....

Thông thường, người bố thí thì có phước báu, nhưng trong lễ dâng y Kaṭhina tỳ khưu nhận của bố thí cũng có 5 quả phước: Ra đi khỏi nơi nào, khỏi cần trình với vị cao hạ. Ra đi khỏi chùa, được phép không mang theo y tăng già lê trong thời gian 5 tháng còn quả báu của lễ Kaṭhina. Khi thí chủ thỉnh đi trai tăng, tỳ khưu được phép nêu tên món ăn mà không phạm tội theo luật chế định. Tỳ khưu có bao nhiêu bộ y cũng được, khỏi phải gởi, xả (thông thường tỳ khưu chỉ có một bộ y, không quá hai bộ y). Tỳ khưu được thọ lãnh và chia các lợi lộc phát sanh ở chùa.

Quả báu của người cúng dường y Kaṭhina sẽ được giàu sang, sắc tốt, đặc biệt là trong tương lai khi gặp phật ra đời xuất gia bằng Thiện Lai Tỳ Khưu - Ehibhikkhu, nghĩa là hãy vào đây làm tỳ khưu đi, từ người bình thường thành một vị sa môn có đủ y bát, râu tóc rụng hết, trở thành một vị tỳ khưu hoàn toàn trong sạch, cao thượng.

Truyền thống Phật giáo Nguyên Thủy Nam tông an cư mùa mưa từ ngày 16/6 âm đến 15/9âm.



Giới tử dâng y phục đến thầy tế độ



Thầy tế độ trao lại y phục cho giới tử



Y phục chỉnh tề trước khi vào thọ giới Sa di

Từ 16/9 đến 15/10 âm là tháng dâng y Kāṭhina, mỗi chùa chỉ cử hành 1 ngày trong tháng.

3. Y PHỤC

Chiếc y ngày nay chúng ta mặc là chiếc y theo Luật tạng Pāli quy định. Căn cứ theo trưởng lão Ananda vâng lời Phật dạy về chiếc y giống như thừa ruộng. Ý nghĩa người mặc chiếc y này tượng trưng cho phước điền của Chư thiên và loài người. Thừa ruộng thì có nhiều bờ đê, nên y phục trong luật tạng cũng quy định như sau: y 5 điều, y 7 điều, y 9 điều, y 11 điều. Đặc biệt Phật giáo Miến Điện tam y (y Tăng Già Lê, y Vai Trái, y Nội) có những chùa chư tăng mặc y 7 điều, 9 điều và thậm chí cũng có 11 điều. Đặc biệt y nội cũng may theo điều giống như y vai trái và y Tăng Già Lê.

Ở Việt Nam, Chư tăng Nam Tông Kinh và Nam Tông Khmer đa số mặc y 5 điều. Hình thức tam y quả bát vẫn còn gìn giữ nguyên vẹn. Vị tỷ khưu bên trong thì có Giới Định Tuệ, bên ngoài có Tam y và nhất bát. Điều cảm động, Tam y nhất bát của Đức Phật và Tăng đoàn thời xa xưa, ngày nay Phật giáo Nam Tông Việt Nam

vẫn còn gìn giữ nguyên vẹn không bị đồng hoá, hoặc xu hướng theo Trung Hoa.

4. MÀU SẮC

Về màu sắc y phục chư tăng, theo luật tạng Pāli quy định là màu hoại sắc, nói cụ thể hơn là màu da bò, màu vàng đậm và màu măng cụt. Ở Việt Nam, ba màu vừa kể trên chư tăng đều có mặc, nhưng chưa thống nhất và đồng phục, như Sa di phải mặc màu nào, Tỷ khưu phải mặc màu nào!. Về phía Tu nữ Nam Tông Việt Nam, hiện quý vị nữ đang sử dụng 3 màu: màu trắng (ảnh hưởng Thái - Khmer), màu hồng và màu nâu (ảnh hưởng Miến Điện). Tuy ba màu nhưng màu trắng thì chiếm đa số. Sắc phục màu trắng và cộng thêm khăn giới màu vàng.

Tóm lại, y phục là để tô điểm cho oai nghi tế hạnh của người xuất gia. Đầu tròn, y phục và bình bát là thể hiện người xuất gia, tuy là hình thức nhưng chính nó giúp cho chúng ta tu tâm dưỡng tánh, chuyển mê khai ngộ. Người xuất gia chỉ có tam y quả bát là tài sản. Tam y là để che thân, bình bát dùng để xin ăn và nuôi mạng sống qua ngày, để thực hành đời sống phạm hạnh. ●



Y phục Tu nữ

Mùa mưa (vassāna-utu) là thời an cư cấm túc của chư Tỳ-kheo. Theo Phật lịch thì mùa mưa chính thức bắt đầu từ ngày 16 tháng 6 âm cho đến rằm tháng 10 (4 tháng), nhưng luật có qui định thời an cư chỉ 3 tháng. Do đó việc nhập hạ của chư Tỳ-kheo có hai thời, thời tiền an cư (purimikā vassū-panāyikā) và thời hậu an cư (pacchimikā vassūpa-nāyikā).

Thời tiền an cư từ ngày 16 tháng 6 đến rằm tháng 9 âm. Thời hậu an cư từ ngày 16 tháng 7 đến rằm tháng 10 âm. Tỳ-kheo thường nhập hạ trong thời tiền an cư, chỉ khi nào có việc không kịp thời tiền an cư mới theo thời hậu an cư.

Đến thời an cư mà vị Tỳ-kheo cố ý không nhập hạ thời nào thì phạm tác ác (dukkata).

Cách thức nhập hạ là đến ngày an cư, sau khi quyết định nơi chỗ, hãy quét dọn sạch sẽ và tích chứa nước dùng đầy đủ (nếu chỗ ở hiểm nước). Chỗ an cư có thể là một ngôi chùa (ārāma), ngôi tịnh thất (vihāra), một cư xá (āvāsa), hoặc một liêu cốc riêng (senāsana); định nhập hạ ở đâu thì nguyện ở đó. Có thể phát nguyện một mình, hoặc có nhiều vị cùng nhập hạ thì phát nguyện đồng loạt.

Lời phát nguyện nhập hạ như sau:

Imasmim ārāme imaṃ temāsaṃvassam upemi.

Tôi nguyện an cư mùa mưa tại chùa này hết ba tháng.

Trong thời gian an cư nếu rời khỏi chỗ qua đêm thì dứt hạ, trừ khi có nguyên giải giới. Tỳ-kheo có việc cần làm như biết tin cha, mẹ, thầy, bạn đau bệnh, hoặc Tăng sự, hoặc cư sĩ thỉnh mời thì được phép nguyên giải giới ra đi nhưng hạn trong bảy ngày phải về trước khi mặt trời mọc ngày thứ bảy.

Cách nguyên giải giới an cư như sau:

Sace me antarāyo natthi sattāhabbhantare ahaṃ puna nivattissāmi.

Nếu không có sự trở ngại cho tôi, tôi sẽ trở về trong vòng bảy ngày.

Nguyện ra lời hoặc nghĩ trong tâm cũng được, hoặc báo với vị khác mục đích đi đó cũng được. Cần chú ý là ngày đầu mới nguyện nhập hạ chưa được một đêm thì không được phép giải giới an cư để đi; mặc khác, khi chỉ còn vài ngày nữa là mãn hạ thì dù có đi luôn cũng phải nguyện giải giới bằng không sẽ dứt hạ. ●

PHÉP NHẬP HẠ (VASSŪPAGATA)

TT. Giác Giới

Chư tăng, Tu nữ đang phát nguyện nhập hạ

BẢO THÁP THỜ XÁ LỢI ở Chùa tổ Bửu Long

Bài & ảnh Chơn Minh

Ước ao thể hiện mối quan tâm của sơ tổ Phật giáo Nam tông (PGNT) Hòa thượng Hộ Tông thành hiện thực nên Hòa thượng Viên Minh trụ trì chùa cùng sư đệ là Hòa thượng Hộ Pháp sau 29 năm du học tại Thái Lan, đã nhất trí triển khai việc xây dựng bảo tháp thờ Xá Lợi theo đồ án thứ 3 (2006) mang truyền thống PGNT vùng Đông Nam Á cho phù hợp với khu vực văn hóa phía Nam của công viên lịch sử Văn hóa Dân tộc và cho đến nay bảo tháp đang từ từ hình thành thể đứng của nó giữa ngọn đồi rợp mát bóng cây sau hồ Thiền Phật cảnh tại Chùa tổ Bửu Long Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

Nhìn chung về tổng thể thì việc xây dựng đạt được khoảng 90% công trình nhưng cũng còn khá nhiều công đoạn chờ được hoàn tất trước khi nghiệm thu và còn tùy thuộc nhiều vào tài chánh quyên góp từ Phật tử và các nhà hảo tâm cùng nhiều ngày công lao động kỹ năng cao miệt mài thì mới thành tựu được.

Theo dự trù thì cơ bản sẽ hoàn tất trước Tết Nguyên Đán 2011, nhà chùa sẽ làm lễ an vị Phật, thỉnh Xá Lợi và đưa vào sử dụng. Trước mặt bảo tháp có 1 thiền đường sẽ được dùng làm nơi tu tập và hành thiền của Phật tử bốn phương, một văn phòng của Ban Nghiên cứu về lịch sử của PGNT và về lâu dài nơi đây sẽ là nơi dùng để tổ chức những

buổi sinh hoạt hay báo cáo chuyên đề về giáo pháp nguyên thủy của cả nước hay khu vực cùng các hoạt động Phật sự khác nếu thuận duyên.

Dĩ nhiên là khi đi vào hoạt động còn cần phải hoàn tất nhiều hạng mục phụ chẳng hạn như tăng xá, khu quả đường (trai đường), nhà trù, lối đi, nhà vệ sinh v.v...

Nhìn chung, thuận lợi thì nhiều mà khó khăn trước mắt cũng không ít nhưng một lòng vì phát triển đạo pháp nên tập thể tăng ni và Phật tử thuộc Tổ đình Bửu Long kham nhẫn khắc phục khó khăn một lòng chung sức dựng xây thành công bảo tháp Xá Lợi, một công trình đánh dấu bước trưởng thành của PGNT tại Việt Nam để PGNT của người Kinh có thể song hành với PGNT Khmer bằng những công trình mang dấu ấn lịch sử.

Xin Chư Thiên chứng minh hạnh nguyện của sư trụ trì Viên Minh, của sư Hộ Pháp và tập thể tăng ni, Phật tử thuộc Chùa tổ Bửu Long và xin gia hộ cho công trình sớm hoàn thành viên mãn để Phật tử có nơi tu tập và mọi người dân có được một nơi dừng chân để chiêm ngưỡng một thắng tích trong du lịch mang tính chất lịch sử phát triển của Phật giáo Nam Tông trong khuôn viên của công viên lịch sử văn hóa dân tộc thuộc khu vực văn hóa phía Nam của nước ta. ●

Vi Diệu Pháp xuất phát từ đâu?

Theo lịch sử Phật Giáo thì Vi Diệu Pháp được Đức Phật thuyết vào hạ thứ bảy tại cung trời Đao Lợi (Tam Thập Tam Thiên - Tāvātimsa) với mục đích là độ thân mẫu của Ngài.

Theo một vài học giả thì Vi Diệu Pháp không phải do chính Đức Phật thuyết mà là do các vị Sư uyên bác soạn thảo ra sau này. Đại đức Nārada, một nhà học Phật lão thành đã viết: "Đúng theo truyền thống thì chính Đức Phật đã dạy phần chính yếu của tạng này. Những đoạn ấy được gọi là Đầu đề (Mātikā) hay nòng cốt nguyên thủy của giáo lý như Pháp Thiện (Kusalā Dhammā), hay Pháp Bất Thiện (Akusalā Dhammā), Pháp Vô Ký (Abyākata Dhammā) ...".

Trong 6 tập của Tạng Diệu Pháp (trừ tập Ngũ Tông - Kathāvatthu - do Ngài Mục Kiền Liên (Moggallanaputta) viết; cũng có thuyết cho rằng tập này do chính Đức Phật thuyết nhưng Ngài Moggallana thêm vào 500 câu) đều do Đức Phật thuyết và Đại đức Xá lợi Phất (Sāriputta) được danh dự giảng rộng và sâu vào chi tiết.

Dẫu tác giả là ai, nhưng chắc chắn Tạng Diệu Pháp là một công trình sáng tác của một bộ óc kỳ tài có thể so sánh với một vị Phật.

Chúng ta không cần phải biết là Vi Diệu Pháp có phải do chính Đức Phật thuyết hay không mà chỉ cần sáng suốt nhận định về những điều mà Tạng Diệu Pháp đề cập đến. Bởi người nào thấu rõ được chân lý thì người đó chính là người giác ngộ (hay Phật) và chỉ người nào hiểu được lẽ thật, người đó mới nói lên được sự thật.

Vi Diệu Pháp là gì?

Phạn ngữ Abhidhamma có nghĩa là những giáo lý cao siêu, vi diệu. Tiếp đầu ngữ Abhi dùng để diễn đạt sự tinh tế, thù thắng, sâu xa. Danh từ Dhamma dịch là Pháp, một Phạn ngữ có nhiều nghĩa, ở đây nó có nghĩa là lời dạy của Đức Phật, giáo điều hay giáo lý. Vậy Vi Diệu Pháp là những

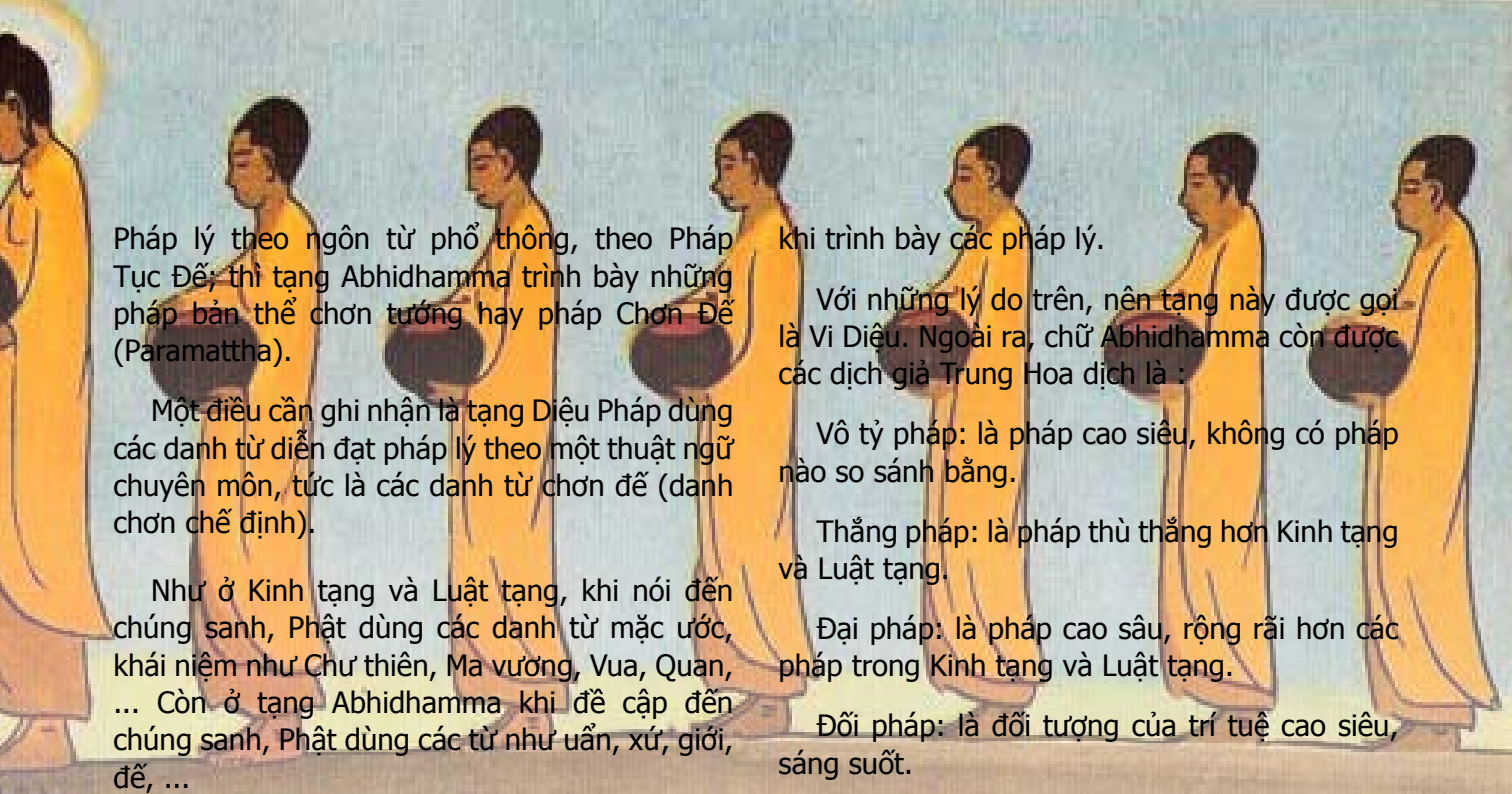
KHÁI NIỆM VỀ VI DIỆU PHÁP

TT. Giác Chánh

giáo lý tinh hoa của Đức Phật, giáo lý này có tính chất đặc thù hơn Kinh tạng và Luật tạng.

Chúng ta có thể thắc mắc là tại sao Kinh tạng và Luật tạng nói riêng, và toàn thể giáo lý của Đức Phật nói chung, đều có hiệu năng đưa đến giải thoát; tại sao lại có phần này gọi là Vi Diệu mà phần kia thì không?.

Ở đây, tiếng Vi Diệu (cao sâu) không dùng với ý niệm giải thoát mà dùng trên phương tiện diễn đạt. Trong khi tạng Kinh và Luật trình bày



Pháp lý theo ngôn từ phổ thông, theo Pháp Tục Đế; thì tạng Abhidhamma trình bày những pháp bản thể chơn tướng hay pháp Chơn Đế (Paramattha).

Một điều cần ghi nhận là tạng Diệu Pháp dùng các danh từ diễn đạt pháp lý theo một thuật ngữ chuyên môn, tức là các danh từ chơn đế (danh chơn chế định).

Như ở Kinh tạng và Luật tạng, khi nói đến chúng sanh, Phật dùng các danh từ mặc ước, khái niệm như Chư thiên, Ma vương, Vua, Quan, ... Còn ở tạng Abhidhamma khi đề cập đến chúng sanh, Phật dùng các từ như uẩn, xứ, giới, đế, ...

Về phương diện diễn đạt, tạng Abhidhamma chú trọng về 4 pháp gọi là Vô Ngại Giải (Paṭisambhidā) = sự thông suốt, không có ngăn ngại trong việc giảng giải. Bốn pháp vô ngại giải ấy là:

1) Pháp vô ngại giải (Dhammapaṭisambhidā): là sự diễn đạt thông suốt các pháp, vì ở tạng Vi Diệu Pháp các pháp được gom lại thành một giềng mối và phân tích rõ ràng.

2) Nghĩa vô ngại giải (Atthapaṭisambhidā): là các ý nghĩa được trình bày, giải thích một cách rộng rãi, không sai lầm. Trong tạng Diệu Pháp, các ý nghĩa của danh từ, của các pháp được minh định một cách rõ ràng chứ không có sự lồi thòi trong vấn đề định nghĩa.

3) Từ vô ngại giải (Niruttapaṭisambhidā): là sự dùng từ để diễn đạt pháp rất thông suốt, không lẫn lộn. Trong tạng Diệu Pháp các từ ngữ được dùng một cách rất chính xác, đâu ra đấy. Thí dụ như tiếng "tư tưởng" mà ta thường dùng theo phổ thông được hiểu là ý nghĩ, nhưng ở tạng Diệu Pháp "Tư" là sự cố ý, suy nghĩ và "Tưởng" "Được dùng để chỉ sự nhớ lại, ôn lại ..."

4) Biện vô ngại giải (Paṭibhānapaṭisambhidā): là sự thông suốt, lưu loát trong sự biện bác. Trong tạng Diệu Pháp, pháp lý được trình bày đầy đủ, nghĩa lý được giải thích rõ ràng, ngôn từ dùng đúng chỗ không lẫn lộn. Nhờ các ưu điểm ấy, người học Abhidhamma sẽ không lúng túng

khi trình bày các pháp lý.

Với những lý do trên, nên tạng này được gọi là Vi Diệu. Ngoài ra, chữ Abhidhamma còn được các dịch giả Trung Hoa dịch là :

Vô tỷ pháp: là pháp cao siêu, không có pháp nào so sánh bằng.

Thẳng pháp: là pháp thù thắng hơn Kinh tạng và Luật tạng.

Đại pháp: là pháp cao sâu, rộng rãi hơn các pháp trong Kinh tạng và Luật tạng.

Đối pháp: là đối tượng của trí tuệ cao siêu, sáng suốt.

Hướng pháp: là pháp có khả năng hướng đến sự giải thoát, giác ngộ, liễu tri các pháp.

Yếu lược nội dung Vi Diệu Pháp.

Theo bà Rhys David, một học giả người Anh, khi nói về nội dung Vi Diệu Pháp, đã viết: "Vi Diệu Pháp nói gì?. Vi Diệu Pháp nói những gì trong ta, ngoài ta và chung quanh ta".

Cái gì trong ta? - Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức hay Ngũ Uẩn, những thành phần này hợp lại thành một con người, một chúng sanh. Vi Diệu Pháp trình bày con người về cả hai phương diện Tâm lý và Vật lý.

Cái gì ngoài ta và cái gì chung quanh ta? Ngoài việc trình bày cho thấy bản thể, chơn tướng của chúng ta, Vi Diệu Pháp còn chỉ cho ta thấy những gì thuộc về ngoại thân, những hiện tượng sanh diệt của những gì thuộc về thế giới bên ngoài của chúng ta và sự thoát ly thế gian (Niết Bàn).

Như vậy, bà David đã cho ta thấy rằng Vi Diệu Pháp trình bày những chơn tướng, thực thể của cái gì thuộc về nội thân và những gì thuộc về ngoại thân. Cũng nên nói thêm là khi trình bày những điều ấy, Vi Diệu Pháp đã mô tả về trạng thái, nhân sinh, sở hành, ... của từng pháp một cách rất chi tiết.

Tóm lại, với câu giải trên, chúng ta đã thấy Vi Diệu Pháp nói gì và đề cập đến những gì. Sang

một khía cạnh khác, chúng ta có thể hỏi: "Khi trình bày, phân giải những điều ấy, Vi Diệu Pháp muốn cho ta biết những gì?".

Ngài Đại Đức Santakicco (Tịnh Sự) - một học giả chuyên môn về Abhidhamma đã nói: "Vi Diệu Pháp trình bày về sự vô thường, khổ não, vô ngã và cái gì vượt ngoài ba tướng trạng ấy".

Câu nói trên đã hàm ẩn những ý nghĩa hết sức sâu xa và cô đọng một cách đầy đủ về nội dung của Vi Diệu Pháp.

Ở tạng Diệu Pháp, bốn vấn đề trọng yếu được trình bày là Tâm (thành phần tri giác của chúng sanh); Sở hữu tâm (thành phần phụ thuộc của tâm); Sắc pháp (thành phần vật chất) và Niết Bàn (sự vắng lặng các pháp hành).

Khi bàn về Tâm cũng như Sở hữu tâm, Vi Diệu Pháp đã cho ta thấy những Duyên (Paccayo) hay yếu tố tạo thành sự hiện hữu của Tâm và sự diễn tiến hoại diệt của từng tâm sát na trong Lộ trình tâm (Cittavithi).

Cũng vậy, khi nói về Sắc pháp, Vi Diệu Pháp đã trình bày về thể trạng của Sắc pháp, những duyên trợ tạo và gìn giữ sắc pháp, cũng như tiến trình sanh diệt của từng sát na sắc pháp trong Lộ sắc.

Cuối cùng, sau khi đã trình bày về các pháp hữu vi (pháp do duyên trợ tạo), Vi Diệu Pháp còn trình bày về Niết Bàn (một trạng thái vô vi), không bị chi phối bởi vô thường, khổ não, vô ngã.

Để kết luận, ta có thể nói, nội dung của Vi Diệu Pháp là dạy cho chúng ta rõ về con người, thể gian và xuất thể gian (Niết Bàn).

Mục đích của việc học Vi Diệu Pháp.

Khi đã hiểu biết Vi Diệu Pháp nói gì thì vấn đề cần bàn đến là học Vi Diệu Pháp để làm chi? Hay mục đích của việc học Vi Diệu Pháp là gì? Học Vi Diệu Pháp có lợi ích gì?

Phật giáo đã dạy về bản chất giả tạm, khổ não của thể gian và con đường vượt khỏi những điều ấy là con đường siêu thể gian. Vì vậy, khi đánh thức giấc mộng vô minh của chúng sanh, Phật đã dùng nhiều phương tiện, trình bày về bản chất thật thể của thể gian là như thế nào

để chúng sanh có thể ý thức được bản chất thật của thể gian là vô thường, khổ não và vô ngã.

Trong tinh thần đó, Vi Diệu Pháp nói lên lẽ thật, chơn tướng bản thể của các pháp để chúng ta có được ý niệm đúng đắn về thể gian (đẹp bỏ những thành kiến sai lầm).

Vi Diệu Pháp giúp chúng ta thấy rõ chơn tướng của các pháp và nhờ đó ta có thể dẹp đi những kiến thức sai lầm về con người và thể gian.

Trên con đường tu tập, người phật tử cần làm hai việc: học pháp và hành pháp. Học pháp là tìm hiểu, thu lượm cho mình một kiến thức đúng, lợi ích cho việc tu tập. Hành pháp là đem những điều học được áp dụng cho đời sống hàng ngày. Vi Diệu Pháp sẽ thích ứng, và hết sức bổ ích cho cả hai việc làm đó.

Vi Diệu Pháp giúp cho ta một kiến thức cơ bản, không bị lầm lẫn khi nghiên cứu Phật pháp, bằng những cách diễn đạt Pháp vô ngại giải, Từ vô ngại giải và Biện vô ngại giải. Nhờ đó ta có thể lãnh hội dễ dàng những ý nghĩa trong những lời dạy của Đức Phật.

Thí dụ: Trong tạng Kinh, Đức Phật dạy về Pháp Vô Ngã (không có cái ta, không phải là của ta), rồi trong tạng Luật, Phật lại dạy: "Lấy vật có chủ là trộm cắp", hai điều trên sẽ gây hoang mang cho chúng ta nếu chúng ta không biết về pháp tục đế (Sammuttisacca) và pháp chơn đế (Paramatthasacca) được giảng trong Vi Diệu Pháp. Đó là lợi ích đối với việc học pháp. Về mặt hành pháp, nhất là đối với những người hành thiền quán, Vi Diệu Pháp lại là một môn học thiết yếu nhất, nó cho chúng ta một sự hiểu biết rõ ràng về Danh Sắc, phân tích, giải thích rõ ràng các Pháp Hữu Vi, nhờ đó, khi thực hành thiền quán, minh sát, chúng ta sẽ nhận định rõ ràng và chính xác về các đề mục (thân, thọ, tâm, pháp).

Một người đã học Abhidhamma, khi hành Tứ Niệm Xứ sẽ nhận định rõ ràng và chính xác các đề mục. Trái lại, một người hành Tứ Niệm Xứ mà không biết gì về Vi Diệu Pháp thì có thể lẫn lộn, trong việc quán sát các đề mục.

So sánh.



VIỆT TRINH



NSTS Bạch Tuyết

Bạch Tuyết. Phải nói rằng sự trở lại của Việt Trinh rất ấn tượng. Ấn tượng diễn viên, đạo diễn, những mơ ước tới đây của cô sẽ bắt tay làm một vài bộ phim mà như cô nói, vừa làm đẹp cho cuộc sống vừa làm đẹp cho văn hóa, cho dân tộc, những cảnh của đất nước, những thay da đổi thịt cần thiết, sự phát triển liên tục sau cuộc chiến tranh giữ nước. Cô còn có khát vọng dựng phim nói về Nhân – Quả để mọi người tự nhìn lại mình giúp thay đổi tốt cho mỗi cá nhân, cho cuộc sống của cộng đồng ngày một tốt hơn. Việt Trinh luôn muốn chủ động công việc của mình với suy nghĩ của riêng mình. Việt Trinh với những chuyến đi từ thiện liên tục, với Đàm Vĩnh Hưng, với ca sĩ Nguyễn Phi Hùng, với Đức Tuấn với Thoại Mỹ... với rất nhiều bạn trẻ. Vừa rồi cô cũng có mặt với nhóm Chung sức chung lòng lo cho bệnh nhân ung thư và những trẻ mồ côi, công việc đạt kết quả tốt.

Việt Trinh. Trinh có riêng một nhóm Bồ Câu Trắng, cũng chuyên kêu gọi nhau làm công tác từ thiện, Trinh tin rằng khán giả nghe công việc của Trinh và các bạn chắc cũng cảm thông và chia sẻ với Trinh.

Bạch Tuyết. Xin hỏi, có bao nhiêu phần

trăm để bạn tin vào Nhân – Quả của đạo Phật mà bạn có một cái khát khao làm phim với mục đích hướng con người đi đến cái thiện để tự mỗi người tạo cho mình cuộc sống nhẹ nhàng, tâm hồn khoáng đạt, bản thân ngày càng tươi đẹp?

Việt Trinh. Thật sự thì nói bao nhiêu phần trăm để tin vào nhân quả. Trinh tin 100 phần trăm. Vì cuộc đời của Việt Trinh đã trải nghiệm hết rồi. Và Trinh thấy hai chữ Nhân Quả trong đạo Phật thì rất là khoa học và rất là hiện thực, đó là theo chính kiến của Việt Trinh.

Bạch Tuyết. Ví dụ?

Việt Trinh. Dạ, chẳng hạn như Trinh đi chăm sóc cho những người già, những người không có con cái bên cạnh. Cuộc đời của họ rất là khổ, chẳng hạn như cụ bà đó 70, 80 tuổi, có thể bữa cơm ăn là do con cháu hay là chặt đem đến và ăn xong có người đem ly trà tới uống, có thể là con cháu vui đùa... Trinh đi làm công tác xã hội nhiều Trinh biết những người lớn tuổi họ thích nhìn cháu của họ đùa giỡn với nhau, có thể ồn ào nhưng họ rất vui, còn những người phải sống trong trại dưỡng lão với tuổi già đơn độc, không bao giờ thấy và sống được với cảnh đó đâu.

Bạch Tuyết. *Trình muốn nói là họ không có được sự sum hợp gia đình, không có được tình cảm liên tục giữa các thế hệ với nhau.*

Việt Trinh. Cho nên là họ rất cô đơn, cô đơn khủng khiếp lắm. Mỗi ngày hôm qua đây thôi, Việt Trinh đi lên Trung tâm bảo trợ Chánh Phú Hòa. Chị Bạch Tuyết à! Trình rất xúc động. Trình xin kể chuyện một bà cụ trong đó lớn tuổi nhất, bà sanh năm 1007, năm nay là trên một trăm tuổi, giọng bà nói còn sang sảng và minh mẫn không bị lú lẫn quên quên nhớ nhớ, chỉ con mắt là không thấy đường thôi, Việt Trinh gần bó với Trung tâm mười mấy năm rồi và bà nhận ra tiếng nói của Trình giữa rất đông các anh chị em nghệ sĩ, bà nắm tay chị Thoại Mỹ, chị Mỹ xúc động quá ôm bà khóc, bà hỏi: "Ai đây! "chị Mỹ nói: "Con là Thoại Mỹ", bà mừng lắm ôm chị Mỹ hôn và bà hỏi: "Còn Việt Trinh đâu, Việt Trinh đâu?" Chị Mỹ hỏi: "Bộ bà biết Việt Trinh hả?", bà nói: "Biết chứ"!.. Hồi tối nghe nói nó lên nên tối giờ bà ngủ không có được!.. Trình biết trong lòng của bà, Trình như một đứa con, đứa cháu đi xa về thăm bà nên bà rất là vui. Theo Việt Trinh nghĩ Nhân – Quả nó nằm ở chỗ này, tại vì khi mà làm việc gì đó tốt cho người khác, đặc biệt là với những người nằm trong hoàn cảnh cô đơn thì mình đem niềm vui đến cho người ta nên trong phút chốc người ta hạnh phúc vui vẻ thì tự nhiên trong lòng mình thấy rất là nhẹ nhàng, rất là vui, còn nếu như mình có chuyện không vui với một người nào đó họ hận thù mình, họ ghét mình thì làm sao mình vui được nên đó cũng là một cái nhân quả rất là hiện thực, nó không có giống như là mê tín, không phải là cái hoang tưởng mà là hiện thực.

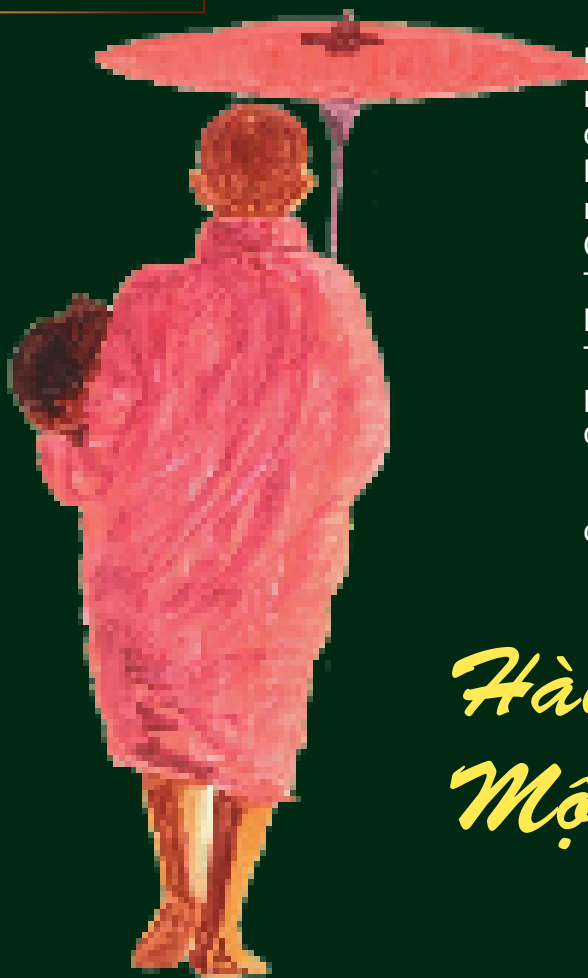
Bạch Tuyết. *Đúng vậy! Tất cả đều xuất phát từ thực tế hành xử, ý tưởng, lời nói, sự toan tính của con người. Nó là một việc có thực, khi mà bạn làm điều tốt này thì kết quả sẽ như thế này, và nếu bạn làm điều không tốt thì hậu quả sẽ phải như thế kia, không tránh được.*

Việt Trinh. Rõ ràng là như vậy cho nên Việt Trinh tin một trăm phần trăm có luật Nhân – Quả.

Bạch Tuyết. *Điều Trình vừa nói khiến cho mình nhớ lại có một chuyện là lâu lắm rồi, mình cùng các bạn trẻ và vài bạn làm doanh nghiệp đi chăm sóc cho các em khiếm thị ở trường Nguyễn*



Đình Chiểu, mình nói chuyện, rồi hát chung với các em, với mọi người. Thình thoảng tới rồi thoảng đi, ít lâu sau, có một hôm đang ngồi ăn cơm trong quán cơm chay, thì bỗng nhiên có một người mù bán sách đi tới mình, rất hồn nhiên đi tới mình nói là: "Cô Bạch Tuyết ơi cô mua cho con cuốn sách đi!" Mình nói: Trời ơi bạn không thấy đường nhưng mà từ đâu bạn kêu tôi mà trúng quá trời vậy? Bạn đó nói: "Cô đi vô trường Nguyễn Đình Chiểu, cô hát cho tụi con nghe". Tôi hỏi "Bạn ở trong trường hả? Hồi nào? Sao bây giờ ..?". "Dạ con ở trong đó lâu rồi, bây giờ con lớn nên được đi ra ngoài tự sống gần 10 năm" Thì như Trình nói đó thì cái gì mình đưa đến cho người ta đúng lúc người ta cần bằng cả tấm lòng của mình thì cuộc sống không bao giờ phụ mình. Tức là cái nhân quả của Trình nói sở dĩ tôi muốn hỏi nhiều hơn đó là vì thật ra khi chúng ta nói với người khác những vấn đề mình quan tâm để luôn luôn nhắc mình là cho dù chuyện nhỏ nhất để làm phước, làm từ thiện hay làm điều gì đó miễn rằng cho người ta vui, cho mọi người vui thì cũng đừng bao giờ quên làm và cũng đừng bao giờ ngập ngừng.. "Một miếng khi đói bằng một gói khi no, của tuy tơ tóc, nghĩa so nghìn trùng", "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn trái nhớ kẻ trồng cây", "Bầu ơi thương lấy bí cùng, Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn", "Lá lành đùm lá rách" .. Đó là ơn nghĩa, là thủy chung, là cái tâm nhân hậu của từng con người của cả dân tộc, lòng chúng ta chớ bao giờ nguôi. ●



học dùng làm tài liệu cho các bài tham khảo, và người cư sĩ dùng làm kim chỉ nam giúp mình đi đúng hướng. Nhu cầu có một tờ báo để quảng bá đạo màu Nguyên Thủy cũng có ở khắp mọi nơi không riêng gì tại Việt Nam. Cụ thể là tại Canada, Phật Giáo Nguyên Thủy cũng là một Tôn giáo ít được biết đến như Phật giáo Đại thừa hoặc Công giáo. Các Tôn giáo bạn như Tin Lành, Thiên Chúa giáo, Ấn giáo, v.v... đều có báo chí phổ biến miễn phí. Mong tạp chí phổ biến rộng để mọi người biết đến.

Vì sự cần thiết của một tờ báo như vậy, tôi vô cùng tán thán ý định này của sư và hứa sẽ giúp

Hành Trình Của Một Tạp Chí

Sumana

Khoảng đầu năm năm 2005, Đại đức Thiện Minh cho tôi biết về việc sư (tôi thích gọi là sư vì danh từ này nghe gần gũi hơn) sắp ra một tạp văn Phật Giáo Nguyên Thủy để tạp văn này sẽ là "giao điểm của trí tuệ, là điểm gặp nhau của các bậc hiền trí" (Lời giao cảm, sổ ra mắt). Đây là một công trình rất thực tế và rất hữu ích trong việc đem Phật Giáo Nguyên Thủy đến với mọi người vì trong công cuộc hoằng pháp, Phật Giáo Nguyên Thủy cần có một tiếng nói và không tiếng nói nào hữu hiệu bằng tiếng nói của một tờ báo, một phương tiện truyền thông vô cùng lợi lạc. Trong khi một chương trình phát thanh chỉ tạo được một cảnh thịnh, không ở lại lâu dài trong tâm trí người nghe thì tờ báo với chữ viết rạch ròi, hình ảnh xúc tích, biện luận vững chắc, sẽ được người tu sĩ dùng làm người bạn tri âm bên chén trà khuya, người trí nâng niu dùng làm cẩm nang hành đạo, người sinh viên Phật

sư thực hiện hoài bão trong khả năng của tôi. Gom góp bài vở chỉ là chuyện nhỏ, duy trì tờ báo mới là vấn đề. Ra một tờ báo là phải đối diện với những vấn đề to tát như làm sao để nuôi sống tờ báo, không chỉ ra một hai số rồi tạm biệt, và phải làm sao cho tờ báo tuy là một mâm cơm thanh đạm nhưng có đủ thức ăn cho người già, người bệnh, trẻ em ... Trước mắt, sư bàn với tôi về nội dung của tờ báo, tiết mục nào hữu ích, tiết mục nào nên gạt ra ngoài. Chuyện đặt cho tờ báo một cái tên cũng lắm gay go. Tiêu chuẩn chọn tên là làm sao có ý nghĩa, nói lên được tính đặc thù của Phật giáo Nguyên Thủy. Cuối cùng Ban Biên tập chọn tên Tạp văn PHẬT GIÁO NGUYÊN THUYẾT và số đầu tiên đã ra mắt độc giả vào ngày 12 tháng 5 năm 2005. Số đầu tiên là một sự thành công không ngờ với những bài viết của các vị Hòa thượng, các vị trưởng lão cũng như có sự góp mặt của các Phật tử trong và ngoài nước. Hoà thượng Siêu Việt đã để lại

những lời dạy vàng qua bài Thất Giác Chi, Sư Chánh Minh phân tích tỉ mỉ thế nào là Bát Chánh Đạo và Bát Thánh Đạo. Về phía cư sĩ, Tiến sĩ Bình An Sơn trích dịch những bài kinh nói về Tứ Diệu Đế. Các Phật tử khác đóng góp những bài văn, bài thơ đời thường nhưng đầy đạo vị. Đặc biệt, một Phật tử trẻ đã tâm sự về những nhân duyên đã đưa cô đến với Phật giáo Nguyên Thủy qua bài tâm sự tại sao tôi theo Phật giáo.

Số báo đầu tiên đã mở đường cho một cuộc hành trình dài hơn 5 năm. Trên con đường văn dĩ tải đạo, Tập văn Phật giáo Nguyên Thủy đã vượt qua mười lăm bậc thang, mười lăm bước đi hoa thơm nở cũng nhiều mà chông gai đâm, cào cũng không ít. Nhưng Đức Phật đã dạy các hành là vô thường nên Tập văn Phật giáo Nguyên Thủy cũng không vượt ra khỏi định luật đó. Đã đến thời điểm Tập văn phải diệt đi nhưng cái diệt này không phải là dòng mở đầu cho một sự phân ưu. Tập văn đã đủ duyên để vươn mình trở thành một tạp chí để tiếng nói trở nên vững mạnh hơn, sự góp mặt trong nền văn hóa Phật giáo được bề thế hơn. Sau hơn 5 năm gìn giữ sắc mạng quyền của Tập văn Phật giáo Nguyên Thủy, sáng hôm nay sư Thiện Minh hoan hỷ báo cho tôi biết tờ báo đã được chính thức trở thành một Tạp chí. Đây là một bước tiến vô cùng quan trọng không những cho hệ phái Phật giáo Nguyên Thủy mà còn cho cả nền văn hóa Phật giáo tại Việt Nam. Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy là nơi tập hợp những tinh hoa của Phật giáo Nam truyền từ lời dạy của chư Phật cho đến sự giảng dạy của chư Tôn đức tăng ni, hoặc sự đóng góp của Phật tử, thậm chí cả những người không là Phật tử nhưng có tâm muốn tìm hiểu đạo mầu của Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni. Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy có thể xem là nơi hợp dòng của những dòng sông trí tuệ và nước được lấy lên ở chỗ hợp dòng ấy không phải là ít ỏi ví như lời Phật dạy trong Tương Ưng Kinh:

“Này các Tỷ kheo, ví như các con sông lớn này, cùng nhau đồng chảy, cùng nhau hợp dòng, như sông Gangà (sông Hằng), sông Yamunà, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī. Từ chỗ các hợp dòng ấy, một người lấy lên hai hay ba giọt nước. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ kheo, cái nào là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên, hay là nước ở chỗ hợp dòng?

- Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là nước ở chỗ hợp dòng; ít hơn là hai ba giọt nước được lấy lên; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần, có thể sánh bằng khi so sánh nước ở chỗ hợp dòng với hai hay ba giọt nước được lấy lên” (Sii,134).

Với sứ mạng truyền tải đạo mầu, Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy cũng được ví như một ngọn đèn để soi rọi đến tận góc tối của cuộc đời giúp chúng sanh chuyển tà kiến thành chánh kiến, tham thành vô tham, sân thành vô sân, si thành vô si và từ đó củng cố niềm tin của mình bằng cách thực tập theo đúng những lời Phật dạy ngõ hầu đạt đến mục đích tối thượng là Niết bàn, và chỉ cần một người trong số độc giả đọc Tạp chí Nguyên Thủy hiểu được một chút giáo pháp thâm sâu của Đức Thế Tôn là tờ Tạp chí đã làm được sứ mạng truyền bá đạo mầu.

Là người luôn có được danh dự góp mặt vào số báo đầu tiên, con xin chân thành tán thán công đức và hạnh nguyện của Ban Biên tập, Hoà thượng Thiện Tâm, Thượng toạ Bửu Chánh và Đại đức Thiện Minh, quý ngài đã hết lòng gây dựng một cơ quan truyền thông cho hệ phái Phật giáo Nam Tông tại Việt Nam. Nguyên cho tiếng nói của Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy sẽ phổ biến rộng rãi đến tứ chúng khắp mọi miền, trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Namo Buddhāya. Namo Dhammāya. Namo Sanghāya. ●





phải là phật tử. Có một số ít người muốn tham dự cuộc hành hương chỉ để có dịp thăm viếng sông Hằng hay chụp ảnh lưu niệm tại đền Taj Mahal chường vào tập ảnh cho oai. Với mục đích như thế, khi viếng thăm các Thánh Tích tâm hồn họ không gởi về những vùng đất thiêng liêng này và có thể sẽ khởi sanh tâm phiền não. Về thăm đất Phật nghe có vẻ dành riêng cho phật tử hơn vì chỉ có con Phật mới trở về thăm quê hương của cha lành. Chính vì lẽ đó, khi đến đất Phật chúng ta nên tâm niệm một điều: Những đứa con trở về thăm quê cha không nên chê nhà cha mình nghèo, đất cha mình dơ bẩn. Vâng, xứ Ấn Độ rất nghèo và nếp sinh hoạt vẫn còn rất thấp kém, tiện nghi rất khiêm tốn nhưng trên mọi nẻo đường đất sinh lầy, mọi ngõ quẹo quanh co, mọi con dốc gập ghềnh đều lóng lánh dấu chân Đấng Cha Lành. Trong từng làn gió ta hít vào, thở ra có những lời kinh vi diệu như những lời

VỀ THĂM ĐẤT PHẬT

Người Phật Tử Cần Chuẩn Bị Những Gì?

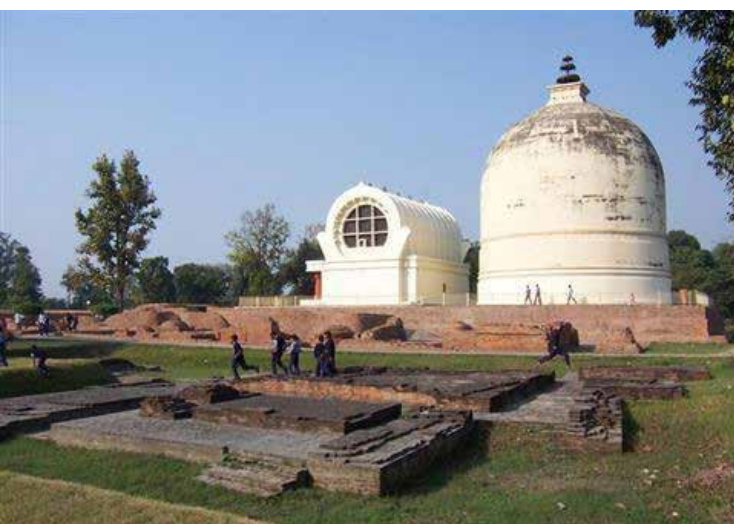
Abhichanda

Vào mùa dâng y năm nay, sư Thiện Minh sẽ tổ chức một chuyến hành hương Ấn Độ nhân dịp tổ chức đại lễ dâng y Kathina tại chùa Đại Lộc, thuộc tỉnh Varanasi, Ấn Độ. Với tài tổ chức cũng như khả năng ngoại giao của sư, tôi tin chắc đây sẽ là một chuyến hành hương thành công về mặt tham quan tứ Thánh Tích cũng như đại lễ dâng y tại chùa sư Tường Quang.

Nhưng để chuyến đi được nhiều lợi lạc hơn, tôi xin đóng góp chút kinh nghiệm của một người đã có duyên lành về thăm đất Phật. Tôi thích dùng chữ về thăm đất Phật hơn là từ hành hương. Hành hương ai tham dự cũng được, không cần

giáo huấn của Đấng Từ Phụ. Cho nên về thăm đất Phật không phải về miền đất Ấn Độ có vị trí địa lý nằm về phía Nam của châu Á, được bao bọc bởi Ấn Độ dương ở phía nam, biển Ả Rập ở phía tây, vịnh Bengal ở phía đông ... mà về miền đất cổ xưa hơn hai ngàn năm trăm trước nơi những địa danh Kosala, Kuru, Nalanda ... là những đô thị phồn thịnh được cai trị bởi những vị minh quân.

Về thăm đất Phật nên chuẩn bị những gì? Có nhiều người đưa ra các danh sách dài như số táo quân: khăn, mũ, áo khoác, áo mưa, thuốc chống muỗi, thuốc chống nắng, thuốc tiêu chảy, thuốc nhức đầu, thực phẩm khô... và có nhiều vị đem



theo những thứ này chỉ để nặng hành lý chứ chẳng có dịp dùng tới. Nếu phải đem theo xin chỉ đem theo một tấm lòng. Vâng, chỉ cần một tấm lòng thanh tịnh là đủ. Tôi đã về đất Phật với một tấm lòng không thanh tịnh nên tự nguyện nếu có đủ duyên trở lại, tôi sẽ trở lại với một tâm đã được thanh lọc, đã được gạn bớt những bụi trần. Khi về đất Phật lẽ ra tôi phải luôn niệm mình là con Phật, phải cư xử như người con Phật nhưng tâm tôi lúc nào cũng bợn nhơ. Hễ không sân thì si, hễ không si thì trạo hối, hễ không trạo hối thì phóng dật. Mỗi khi nhìn lại tâm mình là tôi đều thấy một tâm ô nhiễm. Cho nên về đất Phật với một tâm thanh tịnh rất là quan trọng.

Về thăm đất Phật là một chuyến hành hương tâm cho nên hành trang đem theo cần có một tâm lành. Đó là tâm hướng về Tam bảo và đặc biệt là về Đức Phật. Để chuẩn bị cho chuyến đi hoàn hảo và phước báu được trọn vẹn, chúng ta nên đọc qua các bài kinh quan trọng như Kinh

Đại Bát Niết Bàn (Trường Bộ Kinh 16) hoặc bài kinh Chuyển Pháp Luân. Khi đến Vườn Lộc Uyển nơi Phật Chuyển Pháp Luân, chúng ta sẽ cảm nhận hết sự vi diệu của bài kinh Chuyển Pháp Luân hoặc khi đến Kushinagar chúng ta sẽ nhớ lại cách Phật cùng những lời Phật dạy trong kinh Đại Bát Niết Bàn thì tâm sẽ thêm hoan hỷ.

Ngoài việc thường xuyên coi tâm để giữ tâm thanh tịnh, giữ bát quan trai giới cũng là một điều nên làm để chuyển đi thêm lợi lạc. Bản thân tôi đã thọ bát quan trai giới trong suốt thời gian ở đất Phật và nhận ra đây là một lợi điểm quý báu. Phái đoàn tôi chỉ có một vị cao tăng Tích Lan và ngày nào Ngài cũng truyền tam quy, ngũ giới cho Phật tử. Riêng tôi mỗi sáng tự thọ trì bát quan trai giới vì không dám làm rộn Bhante truyền bát giới cho riêng mình. Phật tử Việt Nam có phước báu vô lượng, đi cùng đoàn thường là 5, 10 vị sư trở lên cho nên chuyện xin thọ bát quan trai giới không khó khăn gì. Khi thọ trì bát quan trai giới, xem như chúng ta đã cúng dường một bữa ăn trong ngày đến Đức Phật và phần phước thí này là vô lượng. Lại nữa, trong khi những người khác bận rộn với việc ăn tối như sắp hàng nhận thực phẩm rồi mất thời giờ thọ thực, chúng ta sẽ có thêm thời giờ để hành thiền nơi đất Phật hoặc ít ra có thêm thời giờ để nghỉ ngơi chuẩn bị cho ngày hôm sau. Bạn đừng sợ không ăn bữa tối sẽ bị đói. Đức Phật đã từng đói suốt sáu năm trong chốn rừng già, ta có đói đói ba tuần cũng chẳng sao. Hơn nữa, chúng ta ăn vì thói quen chứ thật ra cơ thể chúng ta không đòi hỏi nhiều thức ăn như chúng ta thường xuyên đưa vào.

Để chuyển hành hương của quý Phật tử được nhiều lợi lạc, tôi nghĩ chỉ có ba điều cần làm là: đọc các bài kinh quan trọng, giữ tâm thanh tịnh, và thọ trì bát quan trai giới trong suốt thời gian ở đất Phật. Với sự chuẩn bị này hành trang của quý vị sẽ nhẹ nhàng và thân tâm quý vị cũng sẽ nhẹ nhàng. Thân, tâm được khinh an như vậy thì đường đến Niết Bàn chẳng xa xôi gì.

Kính chúc tất cả một chuyến đi an vui và nhiều lợi lạc. ●



Chăm sóc – Quan tâm

*Khánh An (góp nhặt)
(NSƯT. Bạch Tuyết)*





hi nào sự chăm sóc quan tâm tới người khác trở thành sự can thiệp?

Khoảnh khắc có một niệm nào đó xen vào thì tức khắc sự quan tâm chăm sóc biến thành sự can thiệp, tình yêu nếm mùi vị cay đắng, đi xa hơn chút nữa có thể trở thành dẫn vật, đan xen ân oán tình thù, và sự bảo vệ của ai dành cho ai đó trở thành nhà tù của nhau.

Nếu bạn là cha mẹ và bạn nhận ra rằng mình cần thiết cho con đến đường nào, tình yêu thương, học hành, ăn uống, nuôi dưỡng, chăm sóc, nhưng không hề có một ý niệm nào ép buộc con phải trở thành là ai đó như bạn muốn - Con phải là bác sĩ, là kỹ sư, là bất cứ gì đó mà không xuất phát từ khả năng ước muốn hồn nhiên của đứa con bạn - Chỉ cần phải tránh những biểu hiện quyết đoán dựa trên ý niệm, quan niệm, mục tiêu, mục đích của bạn đề ra thì sự quan tâm chăm sóc của bạn dành cho người thân sẽ tuyệt vời, cao đẹp, thiêng liêng, hồn nhiên, nhân hậu, cần thiết biết bao. Ngoài ra, chăm sóc quan tâm chỉ là sự tinh ranh, mưu tính được che giấu.

Bạn nói: "Mẹ cho con những thông tin, những dữ kiện cần thiết nhưng không bắt buộc con phải nghe theo, phải hành động giống như vậy. Tự con phải học cách để lựa chọn những gì thích hợp cho mình, thích nghi với mình, vừa với sức mình..... Mẹ yêu con cho dù con còn nhỏ hay con đã lớn khôn, phúc đức cha mẹ dành cho con, dù con thế nào cha mẹ cũng chúc phúc cho con. Dù con có là bất cứ gì cha mẹ cũng vẫn chỉ có yêu thương con, đón mừng con, con ở địa vị của một tổng thống, bậc thánh hiền, hay sống đời sống bình thường của những người thợ mộc thợ rèn, con thi đậu thi rớt, con đạo đức hay bất hạnh, con cũng là con của cha mẹ, một lần và mãi mãi.

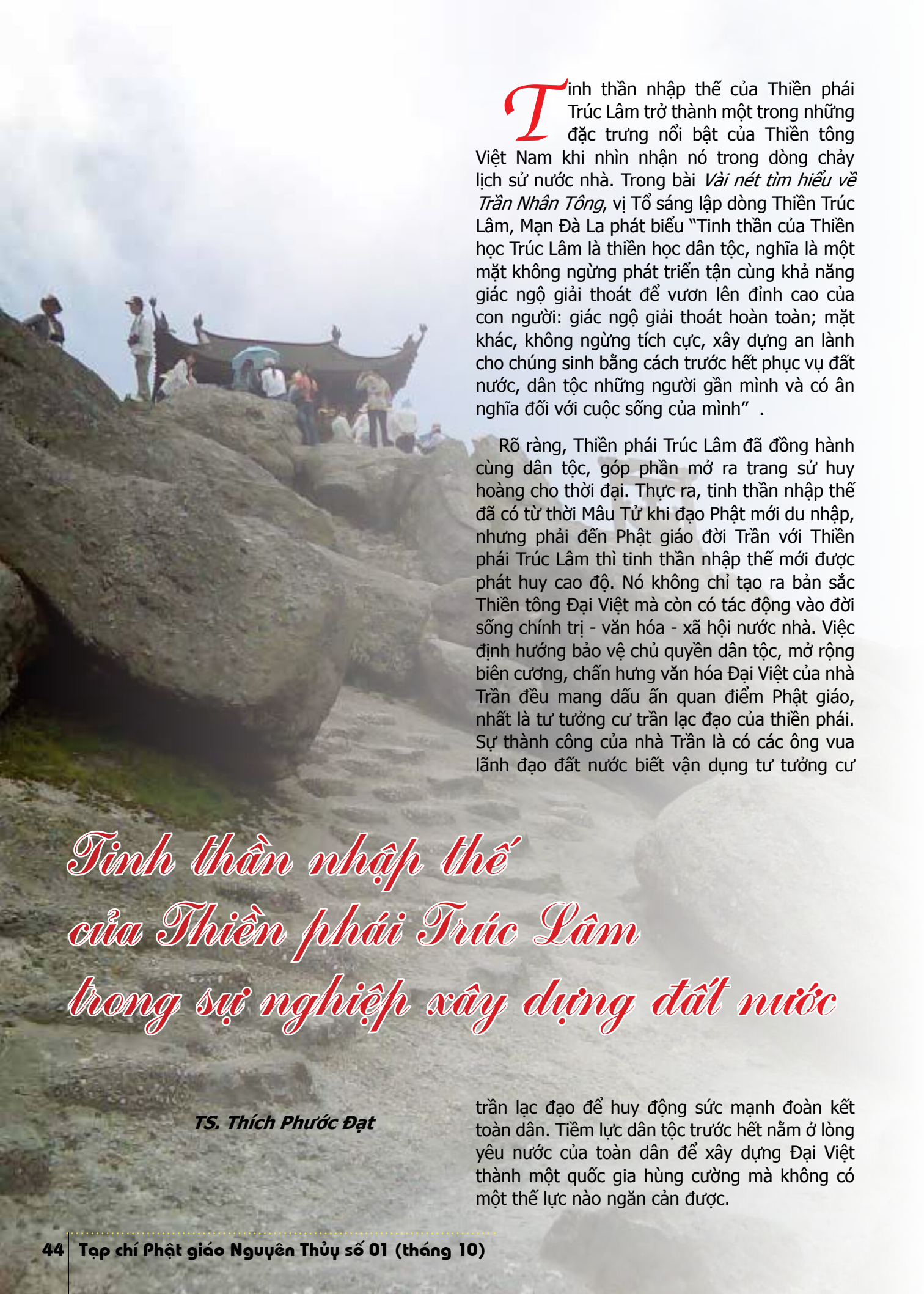
Khoảnh khắc bạn đưa bất cứ ý niệm nào áp đặt vào trong mối quan hệ nào kể cả tình yêu, là khoảnh khắc chất độc của những khổ khổ thấm dần. Bởi chăm sóc vẫn có đó, nhưng nó kéo theo quá nhiều toan tính tinh ranh. Mẹ chăm sóc con, vợ chăm sóc chồng, con chăm sóc cha mẹ, anh chị chăm sóc em và ngược lại. Mọi người chăm sóc cũng như được chăm sóc nhưng thế giới vẫn còn có quá nhiều những mảnh đời bất hạnh. Phải chăng sai cơ bản chính là sự chăm

sóc, quan tâm với những điều kiện kèm theo - Phải làm thế này - Phải sống thế kia - Phải ăn cái này - Đừng dùng cái nọ - Khi bạn từng yêu ai không điều kiện, không cái tiến, yêu cái như nó đang có, yêu toàn bộ - Bạn sẽ biết chăm sóc là gì và miễn nguyện với sự chăm sóc đó - Đối tượng được chăm sóc sẽ hạnh phúc ngần nào, phước báu biết bao với sự quan tâm chăm sóc không vị lợi của bạn - Sự chăm sóc không kinh doanh, không tham vọng là mầm mống tạo nên niềm yêu thương quý trọng, làm tươi đẹp thể chất, làm thăng hoa tâm hồn của cả hai, người cho và người được cho. Ngược lại bạn sẽ chẳng bao giờ được tha thứ, có những đứa con không bao giờ có thể hiểu mà tha thứ cho cha hoặc mẹ của chúng khi họ vô tình hay cố ý phạm phải sai lầm vừa nói.

Những nhà phân tâm học, những nhà tâm thần học cho chúng ta biết hầu hết những trường hợp nạn nhân trẻ mà họ điều trị đều là những đứa con được cha mẹ chăm sóc quan tâm quá nhiều đến trở thành can thiệp. Kiểu chăm sóc kinh doanh, lạnh lùng, tính toán, thông qua đứa con, người làm cha mẹ muốn hình thành, thỏa mãn những tham vọng ước muốn riêng tư của chính họ đôi khi bản thân không hề hay biết.

Tóm lại, tình thương, tình yêu chân thật, chân chánh phải là những món quà cho không - Khoảnh khắc hờ hững, nhãn hiệu giả mạo được gắn vào thì phần kết tinh sẽ chỉ là hậu quả đáng tiếc thay vì những kết quả tốt đẹp cho cả hai đối tượng cho và nhận, người với người, nhân loại và thế giới.●





Tinh thần nhập thể của Thiền phái Trúc Lâm trở thành một trong những đặc trưng nổi bật của Thiền tông Việt Nam khi nhìn nhận nó trong dòng chảy lịch sử nước nhà. Trong bài *Vài nét tìm hiểu về Trần Nhân Tông*, vị Tổ sáng lập dòng Thiền Trúc Lâm, Mạn Đà La phát biểu “Tinh thần của Thiền học Trúc Lâm là thiền học dân tộc, nghĩa là một mặt không ngừng phát triển tận cùng khả năng giác ngộ giải thoát để vươn lên đỉnh cao của con người: giác ngộ giải thoát hoàn toàn; mặt khác, không ngừng tích cực, xây dựng an lành cho chúng sinh bằng cách trước hết phục vụ đất nước, dân tộc những người gần mình và có ân nghĩa đối với cuộc sống của mình” .

Rõ ràng, Thiền phái Trúc Lâm đã đồng hành cùng dân tộc, góp phần mở ra trang sử huy hoàng cho thời đại. Thực ra, tinh thần nhập thể đã có từ thời Mâu Tử khi đạo Phật mới du nhập, nhưng phải đến Phật giáo đời Trần với Thiền phái Trúc Lâm thì tinh thần nhập thể mới được phát huy cao độ. Nó không chỉ tạo ra bản sắc Thiền tông Đại Việt mà còn có tác động vào đời sống chính trị - văn hóa - xã hội nước nhà. Việc định hướng bảo vệ chủ quyền dân tộc, mở rộng biên cương, chấn hưng văn hóa Đại Việt của nhà Trần đều mang dấu ấn quan điểm Phật giáo, nhất là tư tưởng cư trần lạc đạo của thiền phái. Sự thành công của nhà Trần là có các ông vua lãnh đạo đất nước biết vận dụng tư tưởng cư

Tinh thần nhập thể của Thiền phái Trúc Lâm trong sự nghiệp xây dựng đất nước

TS. Thích Phước Đạt

trần lạc đạo để huy động sức mạnh đoàn kết toàn dân. Tiềm lực dân tộc trước hết nằm ở lòng yêu nước của toàn dân để xây dựng Đại Việt thành một quốc gia hùng cường mà không có một thế lực nào ngăn cản được.

mà tùy duyên” của kinh Hoa Nghiêm, đã quy định tính chất nhập thế của Thiền phái. Khái niệm nhập thế không phải là thuật ngữ chỉ dành cho Nho giáo - một hệ thống triết học mang tính thực tiễn chính trị và luân lý đạo đức rất cao... Theo tác giả trong tác phẩm Tư tưởng triết học của Thiền phái Trúc Lâm đời Trần thì khái niệm nhập thế này nhằm phân biệt và đối lập với khuynh hướng xuất thế của triết học Lão Trang. Cả hai khái niệm nhập thế của Nho giáo và xuất thế của Lão Trang mà tác giả đề cập thì càng không thể đồng nghĩa với khái niệm nhập thế và xuất thế mà Phật giáo quy định. Khái niệm nhập thế đã được Phật định hình từ lâu theo tinh thần “Này các Tỳ kheo, hãy du hành, vì hạnh phúc cho quần sinh, vì an lạc cho quần sinh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người” . Và các đệ tử của Phật từ xưa đến nay đã đi từ thành thị đến nông thôn... để làm lợi cho đời.

Xét cho cùng, khái niệm xuất thế của đạo Phật thì mang ý nghĩa nhập thế mà Phật đã vạch định. Bài văn Cảnh sách của Quy Sơn (771-853) rất phổ biến trong các thiền đường Việt Nam đã nêu khái niệm xuất thế khá rõ “Phù xuất gia giả phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu” (Người xuất gia là cất bước thì muốn vượt tới phương cao rộng, tâm tính và hình dung khác hẳn thế tục, tiếp nối một cách rạng rỡ dòng giống của Phật, làm cho quân đội của ma phải rung động, với mục đích báo đáp bốn ân, cứu vớt ba cõi).

Phật giáo Đại Việt là Phật giáo thế sự, lấy chủ trương tùy tục để nhập thế. Thông Thiền đệ tử Thường Chiếu đề xuất khái niệm xuất thế được xác lập theo tinh thần duyên sinh vô ngã “Chỉ xem ngũ uẩn đều không, tứ đại vô ngã, chân tâm không tướng, không đi không lại, khi sinh tính không đến, khi chết tính không đi, tròn đầy vắng lặng, tâm cảnh như một. Chỉ cần trực nhận tức khắc như thế thì không còn bị ba đời ràng buộc. Đó là bậc xuất thế, dứt khoát không được có chút gì nhằm tới nữa.” .

Quy định nội dung xuất thế như thế, con người không nhất thiết phải cạo đầu xuống tóc xuất gia, chỉ cần ngộ cái lý năm uẩn là không, chân tâm không tướng... thế nhập cuộc đời trong

mối tương quan mà có thái độ sống thích hợp, cống hiến cho đời và cũng là cho đạo. Huống nữa, Thiền phái còn y cứ kinh Pháp Hoa làm cơ sở lý luận cho việc nhập thế, thì quan điểm Phật giáo đi vào đời đã trở thành nét đặc trưng với lời dạy nổi tiếng về nhiệm vụ của một vị Phật là “khai, thị, ngộ, nhập tri kiến Phật cho chúng sinh”. Và quan điểm vào đời ấy tùy thời, tùy yêu cầu từng giai đoạn của lịch sử giao phó mà Phật giáo tham gia đóng góp cho nước nhà. Đạo Phật nhập thế trở nên có một thế nhập (vị thế để thế nhập) lớn trong lòng dân tộc. Nó trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt cho đường lối Thiền phái hoạt động từ đó và sau này: “Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tấc; Sơn lâm chẳng cốc, họa kia thực cả đồ công.”

Chính tư tưởng tu hành và giác ngộ ngay giữa trần tục đã hình thành nên mẫu người Phật tử biết đem đạo ứng dụng vào đời thật hữu ích. Chính Trần Thái Tông là người sống trong thế giới vật chất, danh lợi, vậy mà ông vẫn hướng tâm giải thoát và lãnh đạo nhân dân ta thắng lợi cuộc chiến chống quân Nguyên lần thứ nhất và cũng là người chủ trương đặt nền móng cho Thiền phái Trúc Lâm ra đời. Không chỉ Thái Tông mà một loạt thiền sư xuất gia hay giới tu hành tại gia của giai đoạn này đều tích cực tham gia vào các hoạt động của đời sống kinh tế, chính trị của đất nước. Họ có thể là những nhà tư tưởng chiến lược, tướng cầm quân, những nhà tri thức lớn, nhà thơ, nhà văn, thầy thuốc tùy theo sự phân công và khả năng của mình mà sẵn lòng tham gia không có một yêu cầu đòi hỏi nào cả, sống đúng đạo lý như Trần Nhân Tông nói trong Cư trần lạc đạo phú: “Sạch giới lòng, chùi giới tướng, nội ngoại nên Bồ tát trang nghiêm; Ngay thờ chúa, thảo thờ cha, đi đố mới trượng phu trung hiếu. Tham thiền kén bạn, nát thân mình mới khá hồi ân; Học đạo thờ thầy, dột xương óc chưa thông của báo.” .

Hình tượng này là tiêu biểu cho mẫu người Đại Việt thời đại với hào khí Đông A nói chung, chứ không phải riêng gì cho Phật giáo. Những người làm nên sự nghiệp hào hùng của dân tộc ta vào thời này hầu hết là Phật tử. Điển hình cho mẫu người lý tưởng này là Tuệ Trung Thượng sĩ. Ông có thái độ sống nhập thế tích cực vì dân, vì nước chứ không vì sự giải thoát riêng mình. Ông trở thành vị tướng tài có công trong cuộc kháng



chiến chống Nguyên Mông, đồng thời cũng là thiền sư ngộ đạo thể hiện rõ sự tự tại, giải thoát như bài Mê ngộ bất dị mô tả “Bất sinh hoàn bất diệt, Vô thủy diệc vô chung.” (Không sinh mà không diệt, Vô thủy lại vô chung).

Tinh thần này khiến người ta sống tự tại, nhất là luôn ý thức làm những việc nên làm và không nên làm, có khi tạo ra những điều kỳ diệu cho nước nhà bất chấp mọi chướng duyên mà Trần Thánh Tông khuyến cáo “Nhất đàn chỉ phá vạn trùng sơn, Giá cá công phu dã thị nhàn.” (Búng tay phá đổ núi muôn trùng, Đường ấy công phu cũng nhẹ không) (tự thuật) .

Vận dụng tinh thần nhập thể của Thiền phái, Trần Thánh Tông đã cùng Trần Nhân Tông làm nên điều kỳ tích của lịch sử là lãnh đạo thành công hai cuộc chiến tranh vệ quốc xảy ra năm 1285 và 1288 khi ông xác định “Thiên hạ giả, Tổ tông chi thiên hạ. Thừa Tổ tông chi nghiệp đương dữ tông thất huynh đệ đồng hưởng phú quý. Tuy ngoại dĩ thiên hạ phụng nhất nhân chi tôn, nhi nội tắc dữ khanh đẳng cốt nhục đồng bào, ưu tắc cộng ưu, lạc tắc cộng lạc...” (Nước nhà, là nước của Tổ tông truyền lại. Người thừa kế cơ nghiệp của Tổ tông nên cùng với anh em trong dòng họ cùng hưởng ứng phú quý. Tuy bề ngoài là cả thiên hạ phụng sự một người tôn quý, nhưng bên trong thì ta với các khanh là đồng bào ruột thịt, lo thì cùng lo, vui thì cùng vui...).

Quan điểm đoàn kết thân dân chỉ thực hiện được khi mọi người dân cùng chung một quyền lợi và nghĩa vụ với người lãnh đạo đất nước. Trần Hưng Đạo viết Dụ chư tỳ tướng hịch văn để

cụ thể hóa vấn đề đó với toàn bộ tướng lĩnh dưới quyền của mình. Còn Trần Nhân Tông thì với chủ thuyết Cư trần lạc đạo, hướng đến việc xây dựng mẫu người Phật tử nhằm bảo vệ độc lập và chấn hưng đất nước. Mỗi khi sự tồn tại quyền lợi của người này là điều kiện nhân tố cho quyền lợi người kia thì tất cả cùng phát triển. Từ đó, mọi người dân hiểu yêu nước là yêu đạo; yêu gia đình là yêu cha mẹ, bà con, yêu vợ chồng, con cái trẻ thơ; yêu mộ phần tổ tiên là yêu hồn thiêng sông nước nuôi dưỡng con người.

Vì vậy, Thiền phái Trúc Lâm nhập thể tích cực hơn nữa. Sau thời kỳ Bắc thuộc, nước Đại Việt không ngừng vạch định chính sách phát triển đất nước bằng cách mở rộng bờ cõi. Nhà Lý đã sát nhập ba châu Đại Lý, Ma Linh và Bồ Chính, cùng với việc thành lập Thiền phái Thảo Đường. Đến đời Trần, yêu cầu phát triển kinh tế, phục hưng các giá trị văn hóa, việc gia tăng dân số trong thời bình trở nên vấn đề hàng đầu. Trần Thánh Tông đã cho phép các vương hầu, công chúa, phò mã, cung phi chiêu mộ dân nghèo các địa phương khai hoang, giãn dân nhằm đáp ứng việc gia tăng dân số mà Đại Việt sử ký toàn thư ghi rất rõ “Mùa Đông, tháng 10 (1266) xuống chiếu cho vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần chiêu tập dân phiêu tán không có sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn ruộng bỏ hoang, lập thành điền trang. Vương hầu có trang thực từ đấy.”.



Rõ ràng, sự phát triển đất nước sau chiến tranh khiến nhà Trần có chính sách lâu dài về vấn đề dân số, kéo theo vấn đề kinh tế, an ninh chính trị. Bốn năm sau, Trần Nhân Tông tiếp tục sự nghiệp Nam tiến của cha mình là sát nhập hai châu Ô Mã và Việt Lý vào bản đồ Đại Việt. Từ đây, Đại Việt không chỉ giải quyết được vấn đề áp lực gia tăng dân số mà còn thiết lập được một nền an ninh vững mạnh. Về mặt lý luận, Thiền phái Trúc Lâm ra đời với quan điểm Phật tại tâm tạo ra sự bình đẳng về con người giải thoát, bình đẳng về quyền lợi xã hội và khi đi vào hoạt động thực tiễn với tinh thần nhập thế, nó đã tác động mạnh mẽ trong công cuộc Nam tiến của dân tộc. Vào năm 1471, vua Lê Thánh Tông đã cắm cột mốc phía Nam của Tổ quốc trên núi Đá Bia ở Phú Yên, đến triều Nguyễn thì cuộc Nam tiến mở mang bờ cõi của dân tộc mới hoàn thành.

Hơn nữa, công cuộc chấn hưng đất nước đòi hỏi phải thực hiện việc tái thiết các công trình văn hóa do kẻ thù tàn phá. Dưới tác động của chủ trương xây dựng mẫu người Phật tử lý tưởng của Thiền phái, mọi người dân đã tích cực tái thiết. Trong Cư trần lạc phú, Trần Nhân Tông nói rõ việc tái thiết quốc gia đó thật là sinh động: "Dựng cầu đò, giồi chiến tháp, ngoại trang nghiêm sự tướng hãy tu". Việc Trần Nhân Tông đem mười điều thiện dạy khắp nơi đã phản ánh

chính sách dùng Chính pháp để an dân mà trước đó hơn một nghìn năm đã được ghi vào kinh Lục độ tập. Một bản kinh được Phật giáo nước ta vận dụng nhuần nhuyễn phù hợp với đạo lý truyền thống. Nó được các nhà lãnh đạo quốc gia dùng làm "pháp luật quốc gia" nhằm đem lại sự bình an cho xã hội. Trên phương diện tín ngưỡng dân gian, Thiền phái đã nỗ lực xây dựng một nếp sống chánh tín, phù hợp tín ngưỡng, đạo lý dân tộc. Trong lĩnh vực văn học, Thiền phái đã có những đóng góp lớn trong việc xây dựng nền văn học, văn hóa nước nhà, phản ánh trung thực đời sống hiện thực, mang bản sắc Việt, ngôn ngữ Việt qua nhiều tác phẩm được viết bằng chữ Nôm.

Kết quả, Tổ quốc ta sau bao năm nỗ lực kiến thiết quốc gia là kiến lập cõi Phật ngay giữa cõi đời, được mô tả qua bài "Vịnh Vân Yên tự phú" của Huyền Quang Tam Tổ: "Vào chung cõi Thánh thênh thênh; Thoát rẽ lòng phàm phây phấy. Bao nhiêu phong nguyệt, thề thốt chẳng cùng; Hể cảnh giang sơn, ai nhìn thấy đấy."

Vậy là Thiền phái Trúc Lâm với tinh thần nhập thế đã góp phần giải quyết một loạt vấn đề đặt ra cho Phật giáo Đại Việt thời đó, đáp ứng các nhu cầu đòi hỏi của lịch sử dân tộc. Đó là góp phần cùng dân tộc Đại Việt trong sự nghiệp giữ nước, dựng nước, mở nước và xây dựng và phát triển nước Đại Việt trở thành một nước hùng mạnh với hào khí Đông A sáng ngời. Sau thời Trần Nhân Tông, Thiền phái Trúc Lâm còn tích cực nhập thế với những nhiệm vụ mới mà lịch sử giao phó. ●

Vạn Hạnh ngày 25 tháng 7 năm 2010

L ờ i
tòa soạn: Theo
truyền thống PGNT lễ
hội Báo hiếu được diễn ra
trong các ngày 29, 30 tháng 8
âl và 1 tháng 9 âl. Tòa soạn cho
đăng các bài thơ về cha mẹ để tỏ
lòng tri ân các đấng sanh thành

THƠ MÙA LỄ MẸ

Như Quang

MẸ LÀ PHẠM THIÊN

Đưa con bắt hiên vô nghi
Bỏ mẹ đi chẳng một khi quay về
Dù con lằm lặc tối mê
Phạm thiên là mẹ bốn bề từ tâm

CỘ Đ TÙNG

Con về thăm chỗ mẹ nằm
Ôm đi cốt mẹ khóc thầm trong tâm
Mẹ hiền cười nụ xa xăm
Đón con lưu lạc nhiều năm quay về

BẢO ƠN MẸ

Con đi tìm một nụ sen
Kính dâng lên mẹ đáp đền nghĩa sâu
Con chuyên tâm học pháp mầu
Kính dâng quả phước thâm sâu đến người

Mùa Lễ Mẹ 2010



MẸ

Tổ Ngọc

Kính dâng Mẹ yêu quý

Mẹ là hoa của đất
Mẹ là hương của trời
Mẹ là dòng sông hát
Mẹ là vầng trăng soi
Mẹ là mưa tháng hạ
Mẹ là nắng ngày đông
Mẹ là xuân vĩnh cửu
Mẹ là thu dịu dàng

Mẹ là kỳ quan lạ
Mẹ là rún địa cầu
Mẹ là tình yêu đầu
Mẹ chính là Việt Nam
Mẹ vượt lên tất cả
Mẹ trải rộng tâm lòng
Mẹ gian lao vất vả
Mẹ cho con thành người
Mẹ ơi! Ngày lễ mẹ
Con dâng trái tim hồng
Mẹ nhận tình con trẻ
Triệu đóa hồng yêu thương

K/N ngày sinh nhật Mẹ 18/03/1990

Vì con cha đổ mồ hôi
Cho con trọn vẹn hưởng thời tuổi thơ
Vì con vất vả đời cha
Chỉ mong con ngọc con ngà thành nhân
Là con đã trả hiếu thân
Và cha mãi nguyện cam phần hy sinh
Lòng cha ánh nắng thủy tinh
Cho con xuôi âm nghĩa tình bao la
Làm sao nói hết về cha?
Tự hào con viết bài ca dâng người!

K/N ngày sinh nhật Cha 02/03/1995

CHA

Tổ Ngọc

Kính dâng Cha tôn quý

Cha!
Tiếng con học nói đầu tiên
Cũng như giọt máu cha truyền vào con
"Công cha như núi Thái Sơn"
Cho con gót đỏ hồng son bao ngày
Cha cho con một tương lai
Bằng tim bằng óc bằng tay chai sần
Vì con cha phải chuyên cần
Cho con được học trường gần trường xa
Vì con cha vượt phong ba
Cho con mền ấm áo hoa bằng người

VU LAN 2010

Hiền Khánh (Hoa Huệ)

Vui thay đi về Vĩnh Long
Xa xôi đường xá nhưng không cách lòng
Mênh mông sông nước cây trồng
Ghe thuyền đưa đón nắng hồng bông lung
Khắp nơi ai cũng vui mừng
Về chung lễ hội tung bừng Vu Lan
Tâm vui chân bước nhẹ nhàng
Sư Minh xứng đáng y vàng ca sa
Quê cha đất mẹ một nhà
Phát quà từ thiện gần xa đủ đầy
Tổ tông quyền thuộc sum vầy
Thiện Minh đại đức về đây xây chùa
Lo ngôi Tam bảo bốn mùa
Tốt đời đẹp đạo nắng trưa mỉm cười.

Lời Giao Cảm

Thiền Quang Tử

Là thi sĩ? Không tôi là tu sĩ
Sao làm thơ? Thưa, thơ "vốn là người"
Thơ! Là nói lên những gì người nói
Thơ! Là niềm rung cảm của con tim
Thơ! Là do xuất phát tận tâm lòng
Thơ! Chân thật, thơ không hề giả dối

Đôi sao được những gì thơ muốn nói
Đôi làm sao bởi rung cảm con tim
Đôi làm sao, bởi phát tận đáy lòng
Đôi sao được khi người thơ đã nói

Là thi sĩ? Không! Tôi là tu sĩ
Sao làm thơ? Thưa thơ "vốn là người"
Thơ tu sĩ, không được màu vị kỷ
Thơ không tình không cảm nghĩa yêu đương
Thơ không mang bản chất vốn đa sầu
Thơ không đắm không say mùi trần thế
Thơ tu sĩ vị tha và xả kỷ
Thơ chan hòa niềm hạnh phúc tha nhân
Thơ thiết tha gọi nhân thế quay về
Thơ hướng đạo về vườn hoa chân lý

Hoa chân lý nở từ cây chánh pháp
Hoa muôn màu muôn vẻ đẹp uyên nguyên
Hoa điểm tô cho nhân thế tươi màu
Hoa rạng rỡ cảnh tâm hương giải thoát
Khách tạm ghé vào "Thiền quang thi tập"
Cùng chúng tôi thưởng ngoạn những dòng thơ
Nên có "hay", xin trân trọng ghi lòng
Cầm bằng "đỡ" xin mỉm cười độ lượng
Bởi tu sĩ, không chuyên nghề thi sĩ
Sao làm thơ? Thưa thơ "vốn là người"!

TÔI VÀ ĐẤT

Tâm Uyên

Bóng trắng lòng giữa bóng mây
Còn tôi nấp dưới bóng cây sân chùa
Chỗi cùn quét lá chẳng khuya
Hai đầu vồng nhớ chẳng đưa được tình

Tôi ngồi dưới góc lạng thinh...
Như không biết nói, tôi nhìn vào tôi
Chỉ nhìn thật rõ thế thôi
Cái xấu, cái ác cũng tôi đồng hành
Một đời lặn lội lợi danh
Một giây bỗng chốc hóa thành khối sương

Còn ai lấp ló thảo đường?
Cùng chư thiên hát điệu buồn khứ lai
Dẫn làm chuyện quá tầm tay
Dẫn đem tâm quyết đi xây tường thành
Đong đi đếm lại... còn mình
Chỉ tôi và đất chung tình cùng nhau
Tâm lòng trong sạch dâng cao
Trái tim rướm máu đem rao bán hoài
Người mua tìm chẳng thấy ai
Nên viên đá cuội cất hoài ngàn năm

Chân quê đo đất bằng tâm
Đo lòng nhân thế bằng năm tháng dài
Rót thêm sê tràn ra ngoài
Tài mà kém phước thì tài mà chí?
Nỗi niềm ai có liễn tri?
Xin cùng chia sẻ đỡ khi tủi lòng
Rồi mai về với cõi không
Cho vai bớt nặng cho lòng nhẹ tênh
Chuyện đi đâu biết một mình
Cũng xin đất mãi chung tình cùng ta



QUẢ BÁO KHỦNG KHIẾP

Thưa Phật Ca Diếp còn tại thế, có một vị tỷ kheo sống trong ngôi làng nhỏ dưới sự hộ độ của người chủ ruộng Vị ấy tính tình bộc trực, hồn nhiên, giữ giới trong sạch và chuyên tu thiền quán. Ngài sống như vậy trong thời gian dài không có phiền lao và nhiệt não.

Hôm kia, có một vị trưởng lão lục căn thanh tịnh đi qua làng. Người chủ ruộng trông thấy, phát tâm tịnh tín, thỉnh bát, mời vào nhà, cúng dường các món ăn, nghe pháp rồi thưa:

- Thật ít khi mà ngôi làng nhỏ bé của chúng con được phước để nghinh tiếp và cúng dường đến các bậc sa môn phương xa. Thưa tôn giả kính mến! Nay tôn giả đã đến đây thì xin ngài hoan hỷ dừng bước để cho chúng con thêm được phần cơ duyên tấn ích. Ở đây, có một ngôi tịnh xá, ngài sẽ gặp đầu tiên ở con đường. Thỉnh tôn giả ở lại đây, buổi chiều chúng con sẽ đến.

Vị trưởng lão im lặng nhận lời đi đến tịnh xá, đánh lễ vị tỷ kheo trụ trì và xin chỗ tạm cư.

Vị tỷ kheo trụ trì ân cần tiếp đón, mời ngồi rồi hỏi:

- Chẳng hay hiền giả ở xa lại mà đã có gì độ thực chưa?

- Đã có rồi, thưa hiền giả.

- Ở đâu vậy, hiền giả quý mến?

- Gần đây thôi, thưa ngài, nơi gia đình người chủ ruộng ở trong làng.

Vị trụ trì sửa soạn sàng tọa, chỗ cất đặt y bát, nước rửa, khăn tắm, khăn lau mặt, chỉ chỗ vệ sinh, quét dọn đầu đầy ngăn nắp rồi mời vị



Minh Đức - Triều Tâm Ảnh

khách tăng vào nghỉ ngơi.

Vị trưởng lão vốn là bậc A-la-hán, lậu hoặc đã tận, sống bình đẳng hài hòa với các vị đồng phạm hạnh, hoan hỷ đến chỗ sàng tọa của mình, ngồi xuống và hưởng lạc thọ của thiền, của quả.

Buổi chiều, với hương hoa, dầu đèn, người chủ ruộng đến tịnh xá, đánh lễ cúng dường vị trụ trì rồi thưa hỏi vị khách tăng. Người chủ ruộng vẫn an sức khỏe, đánh lễ, ngồi xuống một bên vị trưởng lão và nghe pháp. Đến lúc mát trời, người chủ ruộng xin được mời thỉnh cả hai vị về nhà mình.

Vị trụ trì tâm tư không được thoải mái, tự nghĩ:

"Kẻ hộ độ cho ta tâm đã bị phân tán thành hai. Một lúc nào đó, y sẽ không còn ngó ngang gì đến ta nữa. Vậy hãy làm thế nào cho vị khách tăng bỏ tịnh xá và ra đi?"

Đến giờ hầu thăm, khi vị trưởng lão đến, vị trụ trì tỏ thái độ im lặng một cách khó chịu.

Quán tâm, biết rõ tâm của vị trụ trì, bậc trưởng lão về chỗ sàng tọa của mình, suy nghĩ:

"Ngài trụ trì này không biết, chớ ta có bao giờ làm phiền lụy, trở ngại cho ai?"

Sáng ngày, vị trụ trì lấy tay gõ nhẹ cái chuông, lấy móng tay cào nhẹ nơi cửa rồi ôm bát đến nhà thí chủ hộ độ hàng ngày. Người chủ ruộng thỉnh bát, mời ngồi rồi hỏi vị khách tăng sao không thấy đến.

Vị trụ trì tỏ vẻ ngần ngại một lát rồi mới nói:

- Tôi không biết gì về vị Tỷ kheo đáng mến ấy! Sáng ngày, tôi đã đánh chuông, gõ cửa nhưng không thể đánh thức vị ấy được. Bữa qua, sau khi dùng các món ăn thượng vị nơi nhà của thí chủ, có thể chưa tiêu hóa được, nay đang còn ngủ chăng? Tôi không rõ lắm, mà có thể vị ấy đang hoan hỷ với những việc như vậy!

Trong khi ấy, bậc trưởng lão A-la-hán biết giờ khất thực đã đến, không muốn làm phiền vị trụ trì nên đã dọn dẹp sàng tọa, cất đặt, quét tước đầu đó thơm tất, sạch sẽ, rồi đắp y, quăng bát qua hư không đi đến một trú xứ khác.

Người chủ ruộng sau khi cúng dường cơm, canh, bánh, sữa, sanh tô, mật và đường đến vị trụ trì, lại gói sẵn thêm một phần nữa rồi thưa:

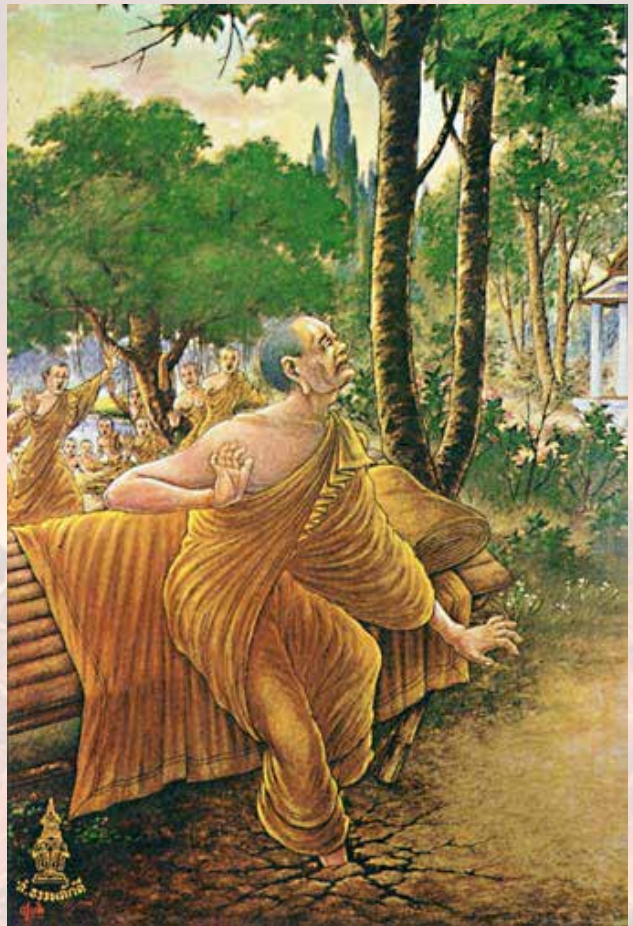
- Bạch Tôn giả! Ngài trưởng lão khách tăng chắc đi đường xa còn mệt, vậy nhờ Tôn giả hoan hỷ mang phần vật thực mà chúng con đã có nhĩa cúng dường cho vị ấy.

Chẳng thể từ chối, vị trụ trì đi về với tâm tư phiền muộn, tự nghĩ: "Nếu y được ăn cơm với sữa, mật và sanh tô này, ai nắm cổ đuổi đi, chắc y sẽ không đi. Vậy ta phải làm sao? Đem cho người khác, việc làm của ta sẽ bị bại lộ. Nếu đổ xuống nước, sanh tô sẽ nổi lên và sẽ bị thấy. Quăng trên đất thì lũ quạ sẽ tụ họp lại, kẻ qua đường sẽ biết, và rồi sẽ đến tai người chủ ruộng. Nay ta sẽ thủ tiêu phần vật thực này ở đâu?"

Đang phân vân như vậy, vị trụ trì chợt thấy một đám cây và một đám ruộng bị đốt, lửa nghi ngút bốc lên. Ý nghĩ đi liền theo, vị trụ trì khều một đồng than đỏ lên, bỏ vật thực xuống rồi phủ lên đó một lớp than nữa. Làm xong công việc ấy, vị trụ trì mỉm cười hài lòng: "Sẽ không còn vật thực thượng vị, rồi tứ đại sẽ hoàn cho tứ đại."

Về tịnh xá, thấy vắng vẻ, mở cửa nhìn chỗ sàng tọa của vị khách tăng, thấy đầu đó đã được dọn dẹp ngăn nắp sạch sẽ, vị trụ trì giật mình: "Vậy là y biết rõ tâm tư của ta, không muốn phiền nhiễu ta, quấy rầy ta nên đã lặng lẽ bỏ đi nơi khác. Đây đúng là hành động của một bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc rồi!"

Nghĩ vậy, một nỗi sợ hãi to lớn khởi lên thiêu đốt tâm can, vị Tỷ kheo trụ trì khổ não than dài: "Ôi! Vì một miếng ăn, một chút ganh tỵ mà



Đề Bà Đạt Đa bị đất rút

ta đã thiêu rụi vô vàn công đức và phước báu tu tập được. Ta đã ngu si làm một tội lỗi tày trời!"

Từ đấy, vị Tỷ kheo trụ trì bị dẫn vật, đau khổ, phiền muộn, ưu sầu. Ngày và đêm, vị ấy như ở trong một lò lửa lớn, đun bằng dầu sôi, đốt cháy ruột gan và óc não. Trạng thái này kéo dài cho đến khi chấm dứt thọ mạng, vị Tỷ kheo trụ trì rơi xuống địa ngục, bị đốt, bị nấu nhiều trăm nghìn năm.

Do sức mạnh của ác nghiệp, từ địa ngục, vị ấy bị sanh năm trăm kiếp liên tục làm Dạ Xoa đói, không được ăn đầy bụng đâu chỉ một ngày. Chỉ có một bữa vị ấy được no bụng bởi ăn đồ ươn nhiễm của thai bào.

Hết năm trăm kiếp Dạ Xoa, năm trăm đời vị ấy sanh làm chó đói. Liên tiếp năm trăm đời, không một ngày no bụng, chỉ được một bữa đầy do ăn vật thực ói mửa của người khác.

Khi kiếp chó mạng chung, vị ấy sinh ở nước Kāsī, tại một làng nghèo đói, trong một ngôi nhà

nghèo đói nhất. Từ khi vị ấy sinh ra, gia đình trở nên nghèo đói cùng cực. Nơi cái bụng ọc ạch của vị ấy, chưa bao giờ chứa được một nửa bát nước cháo chua! Cha mẹ vị ấy không thể chịu nổi cái đói, đánh đuổi vị ấy đi với lời nguyện của con số đen bất hạnh! Không nơi nương tựa, vị ấy lang thang đến Ba-la-nại.

Thuở ấy, tiền thân Phật Thích Ca là một vị giáo sư có tiếng khắp các phương. Dân Ba-la-nại trả tiền công cho Ngài để Ngài dạy tri thức và nghề nghiệp cho năm trăm thanh niên con em của họ. Tình cờ, Bồ Tát gặp "Con số đen bất hạnh". Thấy đói khổ, tội nghiệp, Ngài mang về cho cơm ăn áo mặc rồi dạy cho học. Nhưng vị ấy cứng đầu, ngang ngạnh, hay đánh bậy, không chịu nghe lời khuyên bảo. Từ khi có nó, tiền dạy của Bồ Tát bỗng giảm sút, không rõ người ta cố ý không trả tiền công hay người ta quên! Tuy nhiên, mặc dù biết rõ do nghiệp của nó, Bồ Tát vẫn nhẫn nại, khoan dung, cố dạy dỗ cho nó nên người.

Cũng do nghiệp xui nên, vị ấy không thể ở yên trong hoàn cảnh tốt. Nó gây lộn, ẩu đả với nhiều thanh niên rồi trốn đi, lang thang đến một làng biên địa làm thuê sinh sống.

Tại đây, nó chung sống với một người đàn bà nghèo khổ và sinh được hai con. Từ khi có nó ở đây, ngôi làng biên địa này bị vua xử phạt bảy lần vì săn thú trái phép, nhà cửa bị cháy bảy lần và hạn hán cũng xảy ra bảy lần. Đời sống của dân chúng vốn đã chẳng no đủ gì, lại trở nên khó khăn, nghèo đói, cơ cực không thể tưởng. Họ nghĩ: "Có lẽ tại con số đen bất hạnh kia chăng? Trước đây, chúng ta đâu có khổ cùng khổ cực đến vậy?"

Dân làng họp nhau lại rồi tấn xuất nó đi. Với vợ và con, nó lang thang lếch thếch đến một khu rừng. Một bữa đi kiếm trái cây trở về, vợ và hai con nó chỉ còn là một đồng xương và máu bầy nhầy. Một phi nhân đã ăn thịt những kẻ thân yêu của nó! Sợ hãi, đau đớn, đói khát, nó ra khỏi rừng, vất vương từ núi này sang núi nọ, làng này sang làng khác. Đến một vùng biển, gặp lúc một chiếc tàu vừa nhổ neo, nó xin được một chân làm thuê. Tàu đi được bảy ngày thì đột nhiên đứng yên như bị mắc cạn. Chúng rút thăm xem ai là "con số đen bất hạnh". Cả bảy lần, thăm con số đen đều rơi vào tay nó. Thế là người ta

hè nhau, quăng nó xuống trên một chiếc bè. Không có nó, tàu bình yên vô sự ra đi!

Do quả giữ giới, sống đời phạm hạnh một thời gian thuở Phật Ca Diếp, bè tre của nó trôi đến một hòn đảo xinh đẹp. Tại đây, nó sống hưởng lạc bảy ngày trong tòa lâu đài pha lê với bốn tiên nữ (Dạ Xoa thiên). Hết bảy ngày, nó lại lên bè tre trôi đến một hòn đảo khác, gặp tám tiên nữ và sống hưởng lạc thú với họ trong một tòa lâu đài bằng ngọc. Phước báu này đẩy nó đi rồi gặp mười sáu tiên nữ, ba mươi hai tiên nữ. Hết phước, nó lạc đến một hòn đảo hoang vu. Có một con quỷ Dạ Xoa trong hình dáng một con dê đang ăn cỏ ở đây. Vì đói, nó nhảy đến định bắt dê để ăn thịt. Với thần lực của loài quỷ, Dạ Xoa nhắc bổng nó và quăng qua hư không. Nó băng bay qua biển, không biết với thời gian bao lâu, nó rơi xuống trên đầu một bụi gai, lăn tròn qua một cái hào khô nước rồi đứng dậy.

Lúc bấy giờ, tại cái hào ấy, ăn trộm thường đến bắt dê của vua, và những người rình bắt trộm đang núp sẵn ở đây. "Con số đen bất hạnh" thấy dê nhiều quá, ngu si tự nghĩ: "Khi ta chụp bắt dê ngoài hoang đảo, nó quăng ta qua biển rồi rơi xuống đây. Bây giờ, ta lại chụp bắt một con dê, như thế, nó lại quăng ta qua biển, rơi xuống nơi hòn đảo có các vị tiên nữ!"

Với tác ý bất chánh như vậy, nó nhảy tới chụp chân dê, dê kêu lên, thế là người ta đổ ra bắt nó: "Đây đúng là đứa ăn trộm dê của vua từ trước tới nay!" Người ta đánh nó, trói lại rồi dẫn về cho Đức vua trị tội.

Hôm ấy, ở Ba-la-nại, Bồ Tát đang dẫn năm trăm người học trò của mình xuống sông tắm thì gặp nó đang bị lính trói dẫn đi. Hỏi tự sự đầu đuôi câu chuyện, Bồ Tát biết nó không phải là đứa ăn trộm dê, chỉ do một sự trùng hợp ngẫu nhiên nào đó thôi. Nó cũng tình thật kể lại tác ý của nó khi được hưởng lạc thú ở đảo với những tiên nữ. Bồ Tát chỉ trả một ít tiền thù lao công khó đêm hôm rình trộm rồi xin người ta ân xá cho sự ngu si của nó. Nể tình Bồ Tát, nó được tha mạng. Bồ Tát lại mang nó về nhà nuôi dưỡng rồi tiếp tục khuyên lơn, dạy bảo. Chấm dứt thọ mạng, Bồ Tát và "con số đen bất hạnh", mỗi người đi theo nghiệp của mình (còn tiếp).●

HIẾU TỬ THỜI NAY

Nghìn Dặm Hiếu Thân



Theo Namtong.com

Đây là lần đầu tiên họ tới tỉnh Phúc Kiến. Hai người con kéo xe chúi đầu về phía trước. Bà mẹ già ngồi bên trong, ung dung ngắm cảnh sông Minjiang qua ô cửa sổ. Cụ rất thích lễ hội đèn lồng tại đây. Hai anh em đi chậm rãi, lắng nghe lời bình luận của người qua đường và sau đó kể lại với mẹ. Nhiều người dân thấy cảnh này, rất muốn chụp ảnh cùng chuyển xe và quyên góp tiền cho họ

nhưng hai anh em từ chối. Không nhận tiền giúp đỡ là một phần trong nguyên tắc gia đình này.

Chiếc xe Con đường tạ ơn dài 2m, rộng 1,5m và cao 2,2m được chia thành 3 ngăn bên trong. Ngăn trên cùng để đựng hành lý, thuốc men. Ngăn giữa là giường ngủ của Wang Rui và ngăn thấp hơn để Wang Kai và mẹ ngủ. Bên dưới còn có chỗ đựng quần áo và tất.

Hai anh em kể rằng vào tháng 3/2007, họ chở mẹ đi du lịch lần đầu tiên. Sau khi đi qua 12 tỉnh, họ trở về vào tháng 6/2008, đi bộ hơn 7.000 km, thậm chí đến cả Hong Kong. Trong suốt hành trình, họ sống trên xe, tắm giặt tại trạm xăng hoặc nhà của những người tốt bụng. Hai anh em không sợ gian khổ mà chỉ lo thức ăn thất thường ảnh hưởng tới sức khỏe của mẹ.

Những người con hiếu thảo này tâm sự, họ thực hiện hành trình theo ước nguyện của bố. Bố họ từng là một người lính nên luôn bận rộn.

Hai anh em kéo mẹ trên xe, đi du lịch khắp Trung Quốc. Ảnh: CCTV.

Chờ mẹ trên xe kéo đi khắp Trung Quốc.

Hai anh em gần 60 tuổi, tự tạo một chiếc xe kéo bằng tay, đưa người mẹ già 81 tuổi đi du lịch qua rất nhiều tỉnh và thành phố ở Trung Quốc.

Chuyến xe được đặt tên là Con đường tạ ơn. Người em Wang Rui chia sẻ: "Chuyến đi không chỉ là tình yêu của chúng tôi dành cho mẹ mà còn có những trái tim yêu thương của mọi người đã ủng hộ, giúp anh em tôi thuận lợi từ đầu đến cuối". Họ khẳng định đã hoàn thành chuyến đi với sức mạnh của ý chí hơn là sức lực.

Gia đình này đến từ Lan Tây, Cáp Nhĩ Tân, tỉnh Hắc Long Giang, Trung Quốc. Người anh Wang Kai đã 59 tuổi và người em Wang Rui, 57 tuổi. Ngày 11/9 năm ngoái, họ bắt đầu rời quê hương và đi du lịch bộ cùng nhau. Ngày 23/2, họ tới thành phố Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến.

Bốn anh em được mẹ Wang Yuxia một mình nuôi dưỡng. Người bố hứa với vợ rằng, ông sẽ đưa bà đi du lịch nhưng đã không thể thực hiện được. Tháng 9/2006, ông qua đời và trấn trối với hai người con trai rằng, hãy đưa mẹ đi tham quan. Cả hai đã khóc và hứa trước cha sẽ thực hiện lời ước nguyện.

Cả nhà đã rất lo lắng về chuyến đi vì hai anh em chỉ có tiền lương hưu ít ỏi khoảng 1.000 tệ trong khi người mẹ thường bị say xe. Cuối cùng họ quyết định đưa bà đi trên chiếc xe kéo tự chế. Giờ đây, họ đã đưa mẹ đi bộ qua 16 tỉnh và thành phố. Ở bất cứ nơi đâu, lòng hiếu thảo của họ cũng khiến mọi người xúc động sâu sắc.●

KÊ VAI GÁNH SONG ĐƯỜNG

Hoài Vũ

Anh Sanjay Kumar, 42 tuổi được dân làng ngưỡng mộ kể từ khi bắt đầu hành trình "Kanwar" - gánh cha và mẹ trên vai, băng qua quãng đường 216 km tới nhà mình ở khu Seelampur, thủ đô Delhi, Ấn Độ.

Người thợ điện này cho biết cha mẹ như là "thần" đối với anh, và anh tình nguyện cống hiến cuộc đời còn lại phục vụ họ.

"Rất nhiều bạn trẻ không hiểu được ý nghĩa của cha mẹ trong cuộc đời. Tôi gánh cha mẹ trên vai để tỏ lòng kính trọng với họ vì họ đã đem tôi đến với thế giới này. Họ là Thần của tôi", Kumar nói với tờ Hindustan Times.

Ông Lala Ram 95 tuổi và bà vợ 80 tuổi rất cảm kích tấm lòng của con trai vì anh đã giúp họ thực hiện ước nguyện được tắm nước thánh sông Hằng ở Haridwar, bang Uttar Pradesh, sau đó còn cống họ về nhà ở thủ đô Delhi.

Kumar bị ấn tượng bởi câu chuyện thời thơ



Gánh cha mẹ đi bộ 216 cây số

ấu do bà nội kể lại. "Nó khiến chúng tôi ngạc nhiên khi nói về kế hoạch sẽ gánh cha mẹ trên vai của mình. Chúng tôi cố gắng khuyên con không nên làm nhiệm vụ khó khăn đó, nhưng nó rất cương quyết và quỳ xuống xin phép", mẹ anh tâm sự.

Bất chấp trời mưa to, đường sá nhام nhỏ, bị sưng và trượt ở cổ, vai, Kumar vẫn vượt qua quãng đường khoảng 25-30 km mỗi ngày khi gánh cùng lúc cả cha lẫn mẹ trên vai, nặng khoảng 115 kg.

"Họ chỉ ngừng lại để ăn uống - những bữa ăn đã được dân làng ủng hộ và chuẩn bị sẵn", một người cho biết.

Cứ sau mỗi bữa ăn, cả nhà lại dừng ở bên đường, rửa ráy và tiếp tục hành trình đến Delhi. Mỗi lần dừng lại, Kumar đều quỳ chạm vào chân cha mẹ và nhận lời chúc phúc của họ.

Hàng ngàn người dân đã đến để nhận lời chúc phúc của cha mẹ Kumar khi câu chuyện của họ lan đi nhanh chóng từ làng này đến làng khác.●



SÔNG NẮNG VƯỜN XƯA

Toại Khanh

Mẹ mất rồi. Nghe được tin đó từ bên nhà, suốt mấy giờ đồng hồ tôi chỉ nghe thấy bên tai mình ba chữ đó. Tôi ra sau nhà cắt vội mấy nhánh hồng rồi vào thắp hương trên bàn Phật. Tôi quỳ xuống nhìn lên pho tượng và lạ lắm, chỉ thấy phảng phất ở đó gương mặt của mẹ. Bà đang nhìn tôi và tôi như nghe rõ ràng một câu nói: Mẹ bình yên rồi, sự buồn. Một chút tàn nhang rớt trên lá y tôi vẫn không hay...

Tính đến tháng tư năm này, tôi tròn 41 tuổi, xa mẹ vừa vặn 11 năm. Mẹ còn, không thấy gì đặc biệt. Những khi nhớ, chỉ nghĩ đơn giản là thiếu gì dịp gặp lại, dù nói thiệt, tôi cũng không biết đó là dịp nào. Chẳng biết vì sao cứ nghĩ đơn giản là mẹ sẽ còn đó hoài hoài để chờ mình về. Rồi thì bữa nay mẹ đi mất, tôi giật mình thấy sao có thể hồn nhiên vậy. Mẹ như dưỡng khí, thở suốt một đời hiếm khi nhớ mình thở bằng gì. Khi bị ngạt thở mới chịu nhớ vì đâu mình sống được. Mẹ xa rồi người ta mới hiểu cái gì là thiêng liêng nhất đời. Cảm giác mồ côi mẹ giống cái chết ở chỗ mỗi đời người chỉ có một lần, khi hiểu được thì xong rồi, chẳng còn dịp kinh nghiệm lần hai để mà chuẩn bị tinh thần !

Buổi trưa ra sau nhà nhìn xuống mặt hồ mênh mông. Thiệt lạ, tôi nhìn từng đợt sóng lăn tăn trên hồ mà cứ tưởng như đang thấy lại dòng sông quê cũ năm nào, nơi một phần tuổi thơ của tôi từng nằm lại đó. Tôi như nghe lại cả tiếng còi tàu ban trưa từ một cõi nào thật xa vắng, có mẹ tôi bên một bờ lá điều hiu và một mảnh vườn con

hừng nắng vàng với vài ba cây ổi sè. Giờ thì mẹ đâu còn nữa. Gì cũng chỉ là một cõi ký ức nhói đau... Bao thứ cao đàm khoát luận ở đời giờ chỉ còn là một trò chơi con trẻ, gì cũng không nằm ngoài một ánh mắt của mẹ ngày xưa...

Bỗng thấy cô đơn quá chừng. Sở tri Phật học cũng chừng đó, không khác đi, vậy mà lòng phàm vẫn cứ đau. Vậy là Vu Lan này không còn bông hồng nữa rồi, chỉ còn là hoa trắng. Đơn giản quá, nhưng đau như một vết chém treo ngàn.

Bỗng giận mấy người không biết thương mẹ. Chuyện của họ mà mình cũng giận được. Có ai biết tôi bây giờ có muốn mượn tạm một bà mẹ của ai đó để mà thương cũng không được nữa. Mẹ tôi đi rồi. Bà mẹ nào khác trên đời với tôi lúc này nhiều lắm cũng chỉ là giống mẹ, không phải mẹ tôi. Nhiều khi mình coi thường những gì trước mắt, một đời kiếm tìm những thứ xa xôi cao vợi, khi tỉnh lại mới thấy cái mình cần đã không còn nữa.

Này các Tỷ kheo, đây là thời điểm để các người tinh tấn tu học, khi mà tăng chúng chưa chia rẽ nhau, khi mà chuyện khát thực còn dễ dàng, khi mà nhân gian chưa lâm cảnh loạn lạc, khi mà tấm thân này còn khỏe mạnh vững vàng... Trong nỗi đau nhớ mẹ, tôi bỗng nhớ lại bài kinh đó như một chút quà nhét vội vào tay nải của mẹ trước khi bà vĩnh viễn bỏ tôi lại mà đi.

Xin cúi đầu thăm tạ mấy người anh em trong nước đã tranh thủ cho tôi nhìn thấy lần cuối quan tài của mẹ trước lúc hỏa thiêu. Hãy biết tranh thủ thời gian trước khi chuyện gì cũng là quá muộn.

Tôi thức trắng để viết bài này như một món pháp thí gửi muôn phương. Một người đọc hiểu thôi, coi như tôi vừa bòn chút công đức để mẹ tôi có cái cầm tay trên đường... Dù tôi vẫn tin trong chuyện tu hành, mẹ không đến nỗi là một người tay trắng.

Bốn đêm trước, mẹ còn bên đó. Đêm này mẹ ở đâu ? Cõi trầm luân nghìn trùng ở cả hai nghĩa đen và bóng. Giá có thể yếu mệnh để gặp lại người, con sá gì những năm tháng phũ du....●

(Gửi mẹ bên kia đời)

Tố Phong, mùa tang mẹ, Vu Lan 2010

Thư Thầy

Viên Minh

Ngày tháng năm

Con thương mến

Thầy mới là người đáng trách. Từ lâu Thầy rất ít có dịp để chăm sóc đến đời sống tinh thần của con. Tuy nhiên, Thầy luôn luôn tin rằng con, một phật tử đã trưởng thành, không bao giờ có thể bị ngã gục. Thầy cũng tin rằng tình thương mà Thầy dành cho con đủ để có thể nhắc nhở và an ủi con giữa những cơn sóng gió của cuộc đời, và lòng kính tín của con đối với Tam bảo sẽ giúp con an nhiên vượt qua mọi hiểm nguy, gian khó.

Con biết không, Thầy nói điều này con đừng buồn, khi đọc thư con Thầy vô cùng xúc động, nhưng Thầy đã cười, không phải cười chế nhạo con đâu, mà cười vì thương con, thông cảm với con và vui mừng cho con. Một nụ cười khó lắm mới cầm được nước mắt. Thầy vui mừng vì con đã thấy. Thật ra, con có ngã gục đâu, trái lại con đang vươn lên đó chứ ! Con cũng đâu có làm mất thể diện của Thầy như con đã nghĩ, chính con đang xứng đáng là một phật tử trưởng thành trên đường đạo. Con không nhận ra điều đó hay sao?

Con thương mến,

Đối với tình thương của một vị Thầy, khi thấy đệ tử hạnh phúc sẽ không vì hạnh phúc ấy mà vui, khi thấy đệ tử khổ đau sẽ không vì khổ đau ấy mà buồn, vì có sá gì hạnh phúc khổ đau giữa trần gian. Chỉ có sự giác ngộ của người đệ tử mới làm cho Thầy vui sướng mà thôi.

Giác ngộ nghĩa là thấy rõ, càng ngày càng rõ bản chất như thật của sự sống. Sống và nhận thức được sự buốt đau tột cùng của sự sống mới có thể giải thoát và an nhiên.

Khi con gặp những người có vẻ hạnh phúc vui tươi, như đang hãnh diện với những địa vị, giàu sang của mình, con đừng tự ti mặc cảm mà hãy thương họ ! Họ mới là kẻ đang bị chìm đắm, vì chìm đắm là thỏa mãn với hạnh phúc mà không tự biết mình đang bị đắm chìm.

Còn con, con đã giáp mặt với khổ đau, đã thấm thía với tủi nhục, nhờ vậy con đã tận mắt nhìn nó và thấy rõ mặt mũi nó ra sao, và nhờ vậy con mới phát hiện được chân tướng ẩn núp đằng sau hạnh phúc và đau khổ. Như thế con đang bước những bước chính xác trên đường giác ngộ, đang đối diện với bộ mặt thật của cuộc đời mà Đức Phật đã từng khai thị trong bốn sự thật vi diệu. Đừng lùi bước, bên cạnh con còn có tình thương yêu và niềm cảm thông sâu xa của Thầy.

Con ơi, hãy can đảm vươn mình đứng dậy hiên ngang như con mãnh sư để nhìn ngắm cuộc đời, đừng sợ hãi lẩn tránh, cũng đừng toan tính gì hơn cho cuộc đời này nữa. Nếu con mong ước

một hạnh phúc, một sự cải thiện nào, đó mới chính là kẻ thù nguy hiểm. Hãy trả hạnh phúc lại cho hạnh phúc giả tạm của cuộc đời, hãy trả khổ đau lại cho cuộc đời ngập tràn đau khổ. Còn chúng ta, những người con của Đấng Giác Ngộ, phải giác ngộ, phải giải thoát, không bám víu vào một cái gì tốt đẹp hơn trong cuộc đời. Hạnh phúc trần gian mới là vực thẳm bi đát khôn cùng, vì nó chỉ là cái ảo ảnh trước mắt của những kẻ lạc đường trong sa mạc. Thương chúng sinh Đức Phật không ban cho họ thứ hạnh phúc trần gian ấy, vì Ngài biết rõ rằng chỉ có an ổn thanh tịnh mới là nguồn chân phúc ngọt ngào vi diệu.

Con hãy chấp nhận tất cả những gì đến với mình từ cuộc đời, từ sự sống hay từ nỗi chết. Không cầu mong gì cả, không sợ hãi gì cả, con hãy thản nhiên đi vào cuộc đời. Hãy lặng nhìn và lắng nghe đau khổ. Hãy kham nhẫn và chịu đựng kiên trì với nó và hãy sẵn sàng đón nhận hạnh phúc hay khổ đau của cuộc đời như người đánh vợt tiếp nhận những quả banh bất ngờ của đối thủ; vì con ơi, không có con đường giác ngộ nào không hiểm nguy, gian khó, không có sự giải thoát nào không đi qua cay đắng, chông gai. Đừng sợ cuộc hành trình đơn thân độc mã. Con không đi một mình đâu, bên cạnh con còn có Thầy, Sư thúc và các bạn bè đồng đạo. Nhưng hãy nhớ con phải đi trong niềm cô đơn thâm lặng của chính mình.

Con thương mến, thực ra đau khổ, tủi nhục không phải là kẻ thù của chúng ta, mà chính những tâm niệm xấu xa tăm tối núp lén dưới nhiều hình thức khác nhau bên trong chúng ta để dựng lên muôn vàn bộ mặt khác nhau của giả ngã mới là kẻ thù vô cùng nguy hiểm. Vì vậy, hãy thận trọng, tỉnh thức, đừng để bị kẻ thù lừa bịp một cách dễ dàng.

Khi ngồi dưới cội cây Bồ Đề, chính nhờ phát hiện ra mặt thật của những kẻ thù mà Bồ Tát trở nên thanh tịnh. Chính vào giờ phút giác ngộ ấy, Ngài đã đối diện với tất cả kẻ thù bên trong đang ồ ạt tấn công theo chiến thuật biến người. Nhờ thế, Ngài nhận diện tất cả những bộ mặt hư nguy đầy nguy hiểm của chúng. Ngài chỉ vào mặt chúng: "Hỡi những kẻ thù, các người chính là tham muốn, bất mãn, khao khát, ái dục, hôn trầm thụy miên, sợ hãi, hoài nghi, phỉ báng, cố chấp, lợi lộc, khen tặng, vinh dự, địa vị, tự tán hủy tha ... Từ bao nhiêu kiếp rồi ta đã tìm kiếm các người, nhưng các người cứ núp lén sau bình phong cái ngã và không chịu xuất đầu lộ diện, nay thì các người tự dẫn xác đến đây để ta thấy rõ bộ mặt hư nguy của các người, từ đây các người không thể lén lút dưới bất cứ mặt nạ nào để đánh lừa ta được nữa".

Giác ngộ là như thế, là thấy rõ mặt thật của những kẻ thù mà xưa nay con xem là bạn hay thậm chí còn xem là chính mình. Nay con đã thấy mặt mũi của những kẻ thù trong lòng con, đó là một bước tiến vĩ đại trên đường giác ngộ.

Hiểu được một cách thâm sâu tất cả ý nghĩa khổ đau, hiểu được đâu là con đường giác ngộ, con mới thực sự hiểu được thế nào là tình thương yêu. Con nói con thương yêu những người thân thuộc như chính mình thì trước hết phải biết yêu thương chính mình. Yêu thương chính mình thì phải biết quên nó đi để bước vào con đường đầy gian nguy hiểm trở, để thành tựu sự giác ngộ cuối cùng. Như thế khi yêu thương người thân thuộc sao con lại ao ước cho họ được những hạnh phúc thế gian? Yêu thương họ con hãy tập có nụ cười khi thấy họ đang đối đầu với đau khổ, vì chỉ ở đó họ mới thấy ra đường vào giải thoát. Nhất định sự giải thoát mới là hạnh phúc cuối cùng. Nhưng giải thoát chỉ là hệ quả của giác ngộ, mà muốn giác ngộ thì phải thấy ra đau khổ, và nguyên nhân sâu xa của nó.

Con hãy tập yêu thương chính mình và mọi người với tình thương đau buồn ấy rồi con mới hiểu được thế nào là lòng từ bi vô lượng của Chư Phật. Phải dũng cảm lên con mới có được tình thương như thế. Thiếu dũng và trí thì tình thương chỉ là phản ánh của lòng ích kỷ, là khóc than bi lụy, là luyến ái buộc ràng. Với tình thương đầy hệ lụy như thế ta chỉ tự ràng buộc chính mình và tha nhân vào trong vòng lao lung đau khổ. Chẳng khác nào một người yêu chim bắt nó nhốt trong cái lồng vàng son của hãnh. Tình thương như thế đã trở thành tù ngục, ở đâu có ngục tù, ở đó tự do ngộp thở. Thiếu tự do và sáng tạo thì cánh cửa giác ngộ đã khóa chặt mất rồi. Con ơi, hướng nữa là tình

thương đầy toan tính lợi dụng và lừa lọc thì chỉ đưa con người rơi sâu vào hố thẳm bùn nhơ, phải không con?

Trở lại với sự thật xót đau của cuộc đời, ở đó sẽ là môi trường thích hợp cho con phát triển tình thương, một tình thương vô ngại đủ để hỗ trợ cho hành trình giác ngộ giải thoát.

Cuối cùng, Thầy chép cho con một đoạn trong “Luận Bảo Vương Tam Muội” để giúp con can đảm tiến lên trên đường tu tập.

“Đức Phật thiết lập chánh pháp, lấy bệnh khổ làm thuốc hay, lấy hoạn nạn làm thành công, lấy gai góc làm giải thoát, lấy ma quân làm đạo bạn, lấy khó khăn làm sự tác thành, lấy bạn tệ bạc làm người giúp đỡ, lấy kẻ chống nghịch làm người giao du, lấy sự thi ân làm đôi dép bỏ, lấy xả lợi làm vinh hoa, lấy oan ức làm đà tiến thủ. Thế nên ở trong chướng ngại mà vượt qua tất cả”.

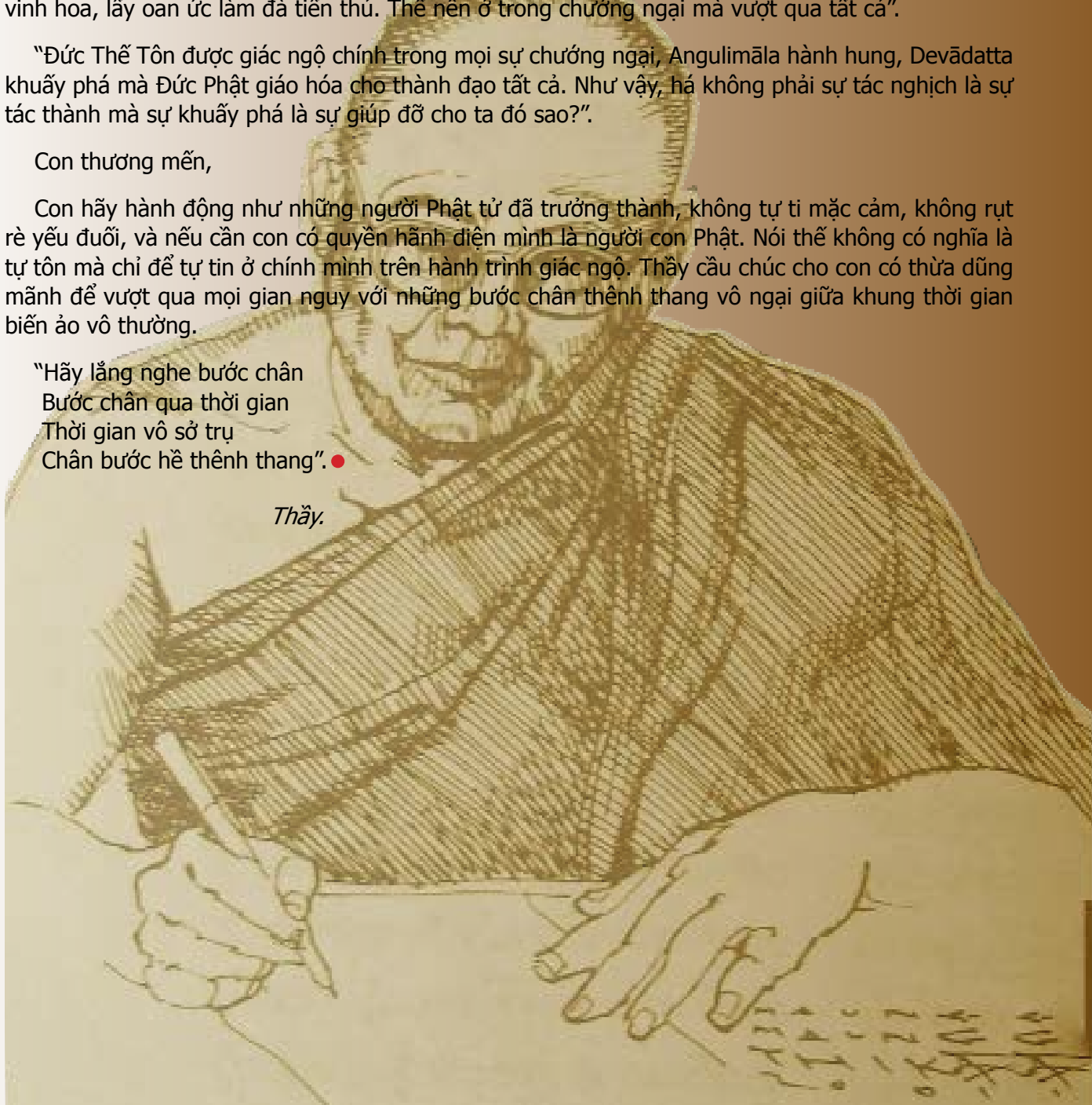
“Đức Thế Tôn được giác ngộ chính trong mọi sự chướng ngại, Angulimāla hành hung, Devādatta khuấy phá mà Đức Phật giáo hóa cho thành đạo tất cả. Như vậy, há không phải sự tác nghịch là sự tác thành mà sự khuấy phá là sự giúp đỡ cho ta đó sao?”.

Con thương mến,

Con hãy hành động như những người Phật tử đã trưởng thành, không tự ti mặc cảm, không rụt rè yếu đuối, và nếu cần con có quyền hãnh diện mình là người con Phật. Nói thế không có nghĩa là tự tôn mà chỉ để tự tin ở chính mình trên hành trình giác ngộ. Thầy cầu chúc cho con có thừa dũng mãnh để vượt qua mọi gian nguy với những bước chân thên thang vô ngại giữa khung thời gian biến ảo vô thường.

“Hãy lắng nghe bước chân
Bước chân qua thời gian
Thời gian vô sở trụ
Chân bước hê thên thang”. ●

Thầy.



Tưởng Niệm HÒA THƯỢNG HỘ TÔNG

PV. PGNT



Sáng ngày 04/09/2010 (nhằm 26 tháng 7 năm Canh Dần), tại Tổ đình Bửu Long Quận 9, TP. HCM, đã tổ chức lễ tưởng niệm Cố Đại trưởng lão Hòa thượng Hộ Tông, vị Tổ khai sơn Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam nhân ngày húy nhật lần thứ 29 của Ngài.

Tham dự và chứng minh buổi lễ có sự hiện diện HT. Viên Minh, HT. Hộ Pháp cùng các vị Tôn túc trưởng lão TT. Giới Đức, TT. Pháp Tông, TT. Tăng Định, TT. Thiện Pháp, TT. Thiện Nhân, TT. Minh Giác cùng trên 150 vị Chư tôn đức Tăng, 50 cô Tu nữ từ các tự viện khắp các tỉnh, thành trong cả nước và gần 500 phật tử xa gần về Tổ đình tham dự lễ tưởng niệm.

Sau buổi lễ tưởng niệm là thiện sự cúng dường pháp thí đến Chư tôn đức tăng ni các chùa, đặc biệt là niềm hoan hỷ của toàn thể Chư tăng Tu nữ và phật tử trong việc ra mắt tác phẩm "Thắp lửa tâm linh" (tập I & II) nói về cuộc đời và hành trạng của Ngài do TT. Giới Đức dưới bút hiệu Minh Đức Triều Tâm Ảnh biên soạn công phu, một "Công trình bất khả" dù chỉ đi được 2/3 đoạn đường nhưng đã đáp lại lòng mong cầu của bao hàng đệ tử của Ngài và việc phát hành đĩa CD các bài pháp do Ngài thuyết giảng khi còn sanh tiền do một vị phật tử ẩn tống cúng dường.

Thay mặt Ban Tổ Chức, Ban Chứng Minh, TT. Thiện Trí đã thay lời cảm tạ tri ân sự hiện diện của chư tôn túc trưởng lão, chư tôn đức Tăng cùng quý cô Tu nữ và phật tử, các vị quan khách đã quang lâm chứng minh, tham dự để buổi lễ được thành tựu viên mãn.

"Người đi còn lại nụ cười
Cho yêu thương nổi tình người ngàn sau
Cho cây đơm lá xanh màu
Cho trăng sáng mãi nhịp cầu thủy chung".

Namo Buddhāya, Namo Dhammāya, Namo Sanghāya

ĐÔI DÒNG TIỂU SỬ

Cố Đại lão Hòa thượng Hộ Tông, thế danh Lê Văn Giảng, sinh năm 1893 tại làng Tân An, huyện Tân Châu, tỉnh Châu Đốc. Ngài trưởng thành và lập nghiệp tại xứ Campuchia. Mặc dù là một công chức uy tín, một bác sĩ tài năng mà đường công danh đang mở ra rạng rỡ, nhưng dường như vốn có túc duyên với đạo nên Ngài thấy công danh chỉ là ảo ảnh, hạnh phúc chẳng khác mây sương, Ngài thường tự nhủ:

**"Đường thế mịt mù trăm năm đây tội
Cửa thiền thanh tịnh muôn kiếp nên duyên".**



Chư tôn đức Tăng niệm hương trong ngày lễ húy nhật ảnh: Hoa Cúc

Đến năm 32 tuổi, nhờ có những linh thị nhiệm mầu thức tỉnh, Ngài quyết thoát ly những cám dỗ trần tục và phát tâm tìm đạo vào ngày rằm tháng 10 năm 1941, Ngài đã thọ đại giới với đức Vua Sãi Chun Nat. Đức Vua Sãi nhận ra người đệ tử mới xuất gia của mình là bậc pháp khí có thể lãnh trọng trách Như Lai sứ giả, nên không ngần ngại giao phó cho Ngài sứ mạng truyền trao chánh Pháp Nguyên Thủy về xứ Việt Nam, và chính tại Tổ đình Bửu Quang, Quận Thủ Đức, TP. HCM, Ngài đã khai pháp hội đầu tiên để thắp lên ngọn đuốc chân lý rọi soi vào lòng người dân Việt. Được thấm nhuần pháp nhũ, chẳng bao lâu sau khi Ngài về nước mở đạo, chư Tăng và tín đồ Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam ngày càng hưng thịnh. Năm 1958, Ngài cùng với Hòa thượng Thiện Luật, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm, Hòa thượng Tối Thắng, Hòa thượng Giác Quang và nhiều vị cao Tăng tài đức khác đã đứng ra thành lập Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam. Ngài được tôn cử chức vụ Tăng Thống đầu tiên của Ban Chưởng Quản Giáo hội.

Sau 80 tuổi Ngài lui về ẩn cư tại chùa Bửu Long, ngôi chùa do chính Ngài lập ra. Một tuần trước khi ra đi, hăng đêm Ngài thấy chư thiên hào quang chiếu sáng chung quanh cốc, Ngài nói với các đệ tử: "Ta sắp ra đi, và đang cảm thấy thanh thoát lạ thường. Lễ đời có sinh có diệt, các con nhớ tinh tấn tu hành". Biết trước giờ tịch diệt, sau khi sắp đặt mọi Phật sự cho Tăng chúng và Tu nữ trong chùa, Ngài viết di chúc gởi Giáo hội để chọn người thừa kế, đồng thời Ngài cúng dường tử sự đến chư Tăng tại 33 ngôi chùa Phật giáo Nguyên Thủy, tổ chức trai tăng, để bát, thuyết pháp 7 ngày tại Bồ đề Phật cảnh,... cho đến lúc 16 giờ 45 phút ngày 26 tháng 7 năm Tân Dậu (nhằm thứ Ba, ngày 25 tháng 8 năm 1981), Ngài đã an nhiên thị tịch, hưởng thọ 88 tuổi. ●

Tưởng niệm Hòa thượng Bửu Chơn

PV. PGNT



Hòa Thượng BỬU CHƠN
(1911 - 1979)

Sáng ngày 8 tháng 9 năm 2010, nhằm ngày mùng 1 tháng 8 năm Canh Dần tại Chùa Phổ Minh, Quận Gò Vấp, TP. HCM long trọng tổ chức lễ tưởng niệm húy nhật lần thứ 31 Ngài Hòa thượng học giả Bửu Chơn. Với sự chứng minh và tham dự của Hòa thượng Thiện Tâm Trưởng Ban Tổ chức lễ, cùng chư tôn đức của Thành hội Phật giáo TP. HCM, Chư tôn giáo phẩm, Ban Đại diện Phật giáo Quận Gò Vấp, và Chư tôn đức trưởng lão hệ phái Phật giáo Nam Tông, cùng với khoảng 500 phật tử, môn đồ pháp quyến của Hòa thượng đồng tham dự.

Trong lễ tưởng niệm, Hòa thượng Thiện Tâm Ủy viên Thường trực HĐTS. GHPGVN, Phó Ban Tăng sự TW. GHPGVN, Trụ trì chùa Phổ Minh đã tuyên đọc tiểu sử, sau đó là khóa lễ của Chư Tăng Phật giáo Nam Tông và khóa lễ Chư tăng Phật giáo Bắc Tông.

Hòa thượng Bửu Chơn, thế danh Phạm Văn Tông, sanh năm 1911 tại Đồng Tháp. Xuất gia năm 1940 tại Campuchia. Ngài là học giả Phật giáo dịch và biên soạn hơn 20 tác phẩm, thông thạo nhiều ngoại ngữ, thành viên sáng lập Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam vào năm 1957 và là vị Tăng thống đầu tiên của Phật giáo Nguyên Thủy nhiệm kỳ lâm thời. Năm 1954, Ngài làm Trưởng phái đoàn Phật giáo Việt Nam tham dự hội nghị kết tập Tam tạng Pāli tại Miến Điện. Năm 1962, Ngài tái đắc cử Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam, Ngài đã kêu gọi các vị cao tăng và cư sĩ trong cũng như ngoài nước xây dựng thánh tích Thích Ca Phật Đài tại Vũng Tàu. Năm 1975, Ngài giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP. HCM. Năm 1979, là Trưởng phái đoàn dự lễ Đôn Ta - Báo hiếu theo truyền thống Campuchia và lễ phục hồi Tăng tướng cho 7 vị sư sãi Campuchia sau nạn diệt chủng của Pôn Pốt.

Mặc dù phật sự trong giáo hội đa đoan, nhưng Ngài vẫn dành thời gian tham gia viết báo cho tờ Tạp chí Ánh Sáng Phật Pháp, Tạp chí Tinh hoa Phật giáo, Nội san chánh kiến; tham gia thuyết giảng Phật pháp ở những đạo tràng của Phật giáo Nguyên Thủy. Làm bốn sư truyền giới cho nhiều vị Cao tăng của Phật giáo Nguyên Thủy, như Hòa thượng Thiện Tâm, Thượng tọa Bửu Đức, Thượng tọa Bửu Chánh v.v... Cuộc đời của Ngài đã trùng tu và xây dựng ba ngôi chùa: Phổ Minh - Gò Vấp, Phước Hải - Vũng Tàu, Phước Hải - Tiền Giang.

Ngài đã mất đi, nhưng những công trình văn hóa cũng như những tác phẩm của Ngài vẫn còn sống mãi với thời gian và không gian. ●



Tưởng Niệm Lần Thứ 26 CỔ HÒA THƯỢNG GIỚI NGHIÊM

- Nguyên Tăng Thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam
- Thành Viên HĐCM, Phó Chủ tịch HĐTS. GHPGVN
- Viện chủ chùa Phật Bảo, Q. Tân Bình, TP. HCM

PV. PGNT

Sáng ngày 13 tháng 7 năm Canh Dần, tại chùa Phật Bảo long trọng cử hành lễ tưởng niệm lần thứ 26 cổ đại lão Hòa thượng Giới Nghiêm viên tịch. Đến dự có đông đảo Chư tôn đức Giáo phẩm Trụ trì và đại diện các chùa Phật giáo Bắc Tông và Nam Tông, hơn 500 Phật tử môn đồ Pháp quyến đồng tham dự. Hòa thượng Giới Nghiêm là vị Cao tăng có nhiều công trình đóng góp quan trọng cho Phật Giáo Việt Nam nói chung và Phật Giáo Nam Tông nói riêng.

Nhân dịp này, Tạp chí Phật Giáo Nguyên Thủy xin trích đăng Tiểu sử của Hòa Thượng để giới thiệu đến độc giả bốn phương.

Hòa thượng Giới Nghiêm có thể danh là Nguyễn Đình Trăn, sinh ngày 5 tháng 5 năm 1921, tại làng Gia Lê Thượng, xã Thủy Phương, huyện Hương Phú, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Ngài xuất thân trong một gia đình gồm ba anh em, có truyền thống đạo đức lâu đời. Ông nội là bậc xuất gia, cha là Hòa thượng Quang Diệu, chú cũng xuất gia, bác là Hòa thượng Phước Duyên. Năm 9 tuổi (1930), Ngài xuất gia tại chùa Bồng Lãng - Huế thuộc hệ phái Bắc truyền. Sau đó Ngài được thọ giới Sa Di. Đến năm 19 tuổi (1940 - Canh Thìn), Ngài thọ giới Tỳ Kheo tại Đại giới đàn chùa Phổ Đà - Đà Nẵng.

Trong thời gian này, Phật giáo Nam Tông bắt đầu du nhập vào Việt Nam. Nhờ vậy Ngài có dịp

nguyên cứu giáo lý Nguyên Thủy. Năm 1944, Ngài được sang tu học tại Phnômphên - Campuchia. Năm 1947 Hoà thượng Niếp Tịch truyền giới Tỳ Kheo theo truyền thống Nam Tông - Theravada cho Ngài. Ngài được học đạo với Đức vua Sãi Campuchia, Hòa thượng Chuon Nath.

Sau đó Ngài sang du học ở Thái Lan và Miến Điện. Tại Miến Điện, Ngài được học thiền tứ niệm xứ với ngài Thiên sư Mahàsi Sayàdaw. Sau hơn mười năm du học nước ngoài, Ngài trở về Việt Nam để hoằng khai Phật Giáo Nguyên Thủy.

Năm 1957, Ngài cùng các vị Trưởng lão Hòa thượng Hộ Tông, Bửu Chơn, Thiện Luật, Tối Thắng, Giác Quang, Kim Quang, Pháp sư Thông Kham vận động thành lập Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam.

Khi Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam chính thức thành lập, Ngài được đề cử giữ chức vụ Phó Tổng thư ký. Khi chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ, Ngài được bầu làm Tăng Thống trong bốn nhiệm kỳ từ năm 1964-1971. Năm 1979, Ngài được tái cử chức Tăng Thống Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam. Cũng trong năm 1979, Ngài được thỉnh tham gia phái đoàn chư Tăng Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam đi Campuchia để làm thầy tế độ, tái truyền giới cho các sư sãi đã bị Khmer đỏ bắt hoàn tục. Từ đó Phật Giáo Campuchia đã được phục hồi vững mạnh và thắt chặt tình đoàn kết Việt Nam

- Campuchia. Nhờ sự truyền giới cho 7 sư sãi năm đó nên ngày nay Phật giáo Campuchia số lượng chư tăng lên đến 60.000 sư sãi.

Trong cuộc đời hoằng hóa hành đạo, Ngài đã tham dự nhiều hội nghị quốc tế về Phật Giáo, đặt biệt là tham dự hội nghị kết tập Tam Tạng lần thứ 6 tại Rangoon, Miến Điện.

Về sự nghiệp giáo dục - đào tạo Tăng lữ, Ngài đã mở một Phật học viện sơ cấp tại chùa Tam Bảo - Đà Nẵng và một Phật học viện Trung Đẳng tại chùa Phật Bảo tại quận Tân Bình - Sài Gòn, nơi Ngài làm viện chủ và tiến sĩ Thiện Giới làm Giám Đốc. Phật học viện đào tạo nhiều Tăng tài cho hệ phái Nam Tông.

Sau khi học thiền tứ niệm xứ ở Miến Điện, trở về nước, Ngài mở trung tâm thiền tứ niệm xứ tại Tam Bảo Tự, núi Lớn - Vũng Tàu, đào tạo nhiều hành giả thiền sinh thâm đạt kết quả pháp hành tốt đẹp. Sau năm 1975, Ngài tiếp tục mở nhiều khóa thiền tại chùa Phật Bảo nơi Ngài trụ trì.

Về sự nghiệp sáng tác dịch thuật, Ngài đã dịch và cho in các tác phẩm sau đây :

- Thiền Tứ Niệm Xứ.
- Mi Tiên vấn đáp.
- Lịch Sử Phật Tổ Gotama.
- Giải về Kiếp.
- Dạy Xoa hủi Phật.
- Để Thích vấn đạo.
- Pháp số giảng giải.
- Luật tạng Pàli.

Ngoài ra, còn một số kinh Ngài đang dịch dở dang, hoặc còn trong bản thảo hiện lưu giữ tại chùa Phật Bảo.

Về sự nghiệp xây dựng chùa chiền, từ miền Nam ra miền Trung, lên Cao Nguyên, ở đâu cũng có dấu chân Ngài bước đến để hoằng khai đạo mầu. Ngài đã kiến lập các tự viện như chùa Định Quang (ở làng Gia Lệ, Huế), Tăng Quang (Huế), Tam Bảo (Đà Nẵng), Nam Quang (Hội An), Tăng Bảo (Quảng Ngãi), Bửu Sơn, Pháp Luân (Đà Lạt), Pháp Bảo (Mỹ Tho), Bình Long (Phan Thiết), Phước Sơn (Đồng Nai), Tam Bảo Thiền Viện (Bà Rịa - Vũng Tàu) và Phật Bảo (quận Tân Bình, TP. HCM).



Hòa thượng GIỚI NGHIÊM
(1922 - 1984)

Hòa thượng Giới Nghiêm có số đồ chứng xuất gia đông đảo nhất trong Phật Giáo Nam Tông Việt Nam, một số hiện còn đang du học nước ngoài. Hiện nay, những đệ tử trưởng thành của Ngài là Hòa thượng Hộ Nhẫn ở Huế, Hòa thượng Pháp Tri, Hòa thượng Viên Minh, Hòa thượng Tâm Hỷ, Hòa thượng Hộ Chơn, v.v....

Năm 1984, Ngài lâm trọng bệnh, sức khỏe kém dần và không hồi phục lại được. Ngài đã thâm thân thị tịch lúc 10 giờ 10 phút ngày 13 tháng 7 năm Giáp Tý, tức 09 tháng 8 năm 1984, tại chùa Phật Bảo, hưởng thọ 63 tuổi, với hơn 50 năm dốc lòng hoằng đạo.

Hằng năm, vào mùa Vu Lan Báo Hiếu (13/7 âm) toàn thể tăng tín đồ Phật Giáo Nam Tông và Giáo hội Phật giáo Việt Nam làm lễ tưởng niệm Hòa thượng, một thiền sư, một bậc Thầy từ hòa khả kính, đức độ cao thâm, một vị giáo phẩm tôn túc của Phật giáo Việt Nam. ●



1 . Ngày 23 tháng 8 năm 2010, tại tổ đình Bửu Quang long trọng tổ chức khai mạc lễ sinh hoạt An Cư Kiết Hạ cho Chư Tăng, Tu nữ và Phật tử hệ phái Nam Tông. Trưởng Ban tổ chức lễ HT, tiến sĩ Thiện Tâm. Tăng ni và Phật tử tham dự khoảng 1500 người. Trong buổi lễ HT. Thích Trí Quảng Trưởng Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. HCM đến thuyết giảng, nhằm thắt chặt mối quan hệ đoàn kết giữa hai hệ phái chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

2 . Vào lúc 8 giờ, ngày 17 tháng 8 năm 2010, tại văn phòng Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer, chùa Pôthisomrong, TP. Cần Thơ long trọng tổ chức buổi họp các vị trong Hội đồng Điều hành Học viện và các Giảng sư để bàn kế hoạch kết thúc khoá I học viện và chuẩn bị khai giảng khoá II. Đến dự có HT. Dương Nhơn Phó pháp chủ - Phó Chủ tịch HĐTS. GHPGVN phụ trách Phật giáo Nam Tông, HT. Danh Nhưỡng Phó Pháp chủ kiêm Viện trưởng Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer, HT. Đào Như Ủy viên thư ký HĐTS. GHPGVN, Viện phó HVPNGT; TT Bửu Chánh Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM v.v..



Trong buổi họp, đề cập nhiều về kế hoạch hướng dẫn cho sinh viên Phật học viết luận văn tốt nghiệp và bảo vệ luận văn như thế nào để có hiệu quả. Thống nhất mẫu văn bằng tốt nghiệp của sinh viên khoá I. Trong buổi họp, HT. Đào Như có nhắc đến việc xây dựng Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer trong tương lai có phần khả quan tiến triển tốt đẹp.

3 . Hoà thượng Hộ Chơn trụ trì chùa Bửu Thắng viên tịch, chùa không có trụ trì, Tăng Ni và Phật tử bốn tự đệ đơn kiến nghị Ban Tôn giáo và Giáo hội đề cử ĐĐ. Chơn Minh lên đảm nhiệm chức vụ trụ trì.

Đáp lại lòng tha thiết của Tăng ni và Phật tử, ngày 22 tháng 7 năm 2010, HT. Thích Trí Quảng, Trưởng ban Trị sự Thành hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh ký quyết định chính thức bổ nhiệm trụ trì cho ĐĐ. Chơn Minh chính thức trụ trì chùa Bửu Thắng Quận Tân Bình, để hướng dẫn Tăng Ni và Phật tử tu học đúng theo chánh pháp.

4 . Vào tháng 8 năm 2010. TT. Thạch Xuân trụ trì chùa Hang, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh có trao tặng một ngôi nhà tình thương và 15 cây giếng bơm nước cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại các xã thuộc Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, kinh phí gần 80.000.000 đồng (tám mươi triệu) do sư Minh Kim và Phật tử ủng hộ trong dịp tổ chức đoàn hành hương về thăm đất nước chùa tháp Lào – Thái Lan - Campuchia vào đầu năm 2010.

(Bài & ảnh: Minh Kim)



5 . Nhân dịp đầu năm học, Chi hội Từ thiện Hương Minh Hiếu đã trao 02 suất học bổng cho các em có hoàn cảnh khó khăn của phường Bình Chiểu Quận Thủ Đức trị giá 2.000.000 đồng, đồng thời cũng trong thời gian này Chi hội đã trao 01 căn nhà tình thương tại xã Bình Hòa Phước, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long trị giá 20.000.000 đồng và 01 căn nhà tình thương tại phường 8, TP. Vũng Tàu.

CHÙM ẢNH LỄ HỘI CÚNG ĐỀN TẠI THIỀN VIỆN PHƯỚC SƠN

Ngày 16/07 âm 2010

Ảnh: CTV



CHÙM ẢNH ĐẠI LỄ VU LAN BÁO HIẾU CÚNG DƯỜNG BÁT HỘI CHƯ TĂNG NAM TÔNG TẠI KHU DU LỊCH VĂN HÓA SUỐI TIÊN

Ngày 15/07 âl 2010

Ảnh: CTV





Quảng cáo



GREEN ISLAND TOUR

BA HUNG

LONGAN GARDEN

SIGHT SEEING – LUNCH OR
HOME STAY GARDEN BY NIGHT

Add: Bình Hòa Phước Village – Long Hồ Dist –
Vĩnh Long City – Viet Nam

Tel: 070.3859908 – Mobile: 0903877539

Website: vvv.dulichsinhthaibahung.com



O'CARE
DENTAL CLINIC
Your teeth say OK!

O'CARE
DENTAL CLINIC

346-348 Võ Văn Tần, P.5, Q.3, Tp.HCM
ĐT: (848) 3929 3333
Fax: (848) 3929 3339



CHUYÊN MUA BÁN, KÝ GỎI,
TRAO ĐỔI CÁC LOẠI SÁCH:

Phật học – Triết học – Văn học

BÁN SỈ VÀ LẺ:

Văn hóa phẩm Phật giáo, Tranh
trưng, Pháp khí.....

CUNG ỨNG

Văn phòng phẩm theo giá sỉ.

NHẬN GỎI SÁCH:

Qua đường bưu điện

Giờ mở cửa:

SÁNG: 8h – 12h CHIỀU: 14h – 18h

203 Nguyễn Đình Chiểu, P.5, Q.3, Tp. HCM

ĐT: (08) 38395296

Fax: (08) 38642396

Email: lamhloc@hcmc.netnam.vn

 DAINAM www.dainam.com	 DAINAM www.dainam.com
dainammedia@dnm.vn www.truyenthongdainam.com 20A Nguyễn Thị Minh Khai Street, District 1, Ho Chi Minh City Tel: 08 39119605 - Fax: 08 39119687 - Tax code: 3700720173	Nguyen Thi Thuy Linh Director 0933 77 33 66 linhnguyen@dainam.vn



 ĐOÀN LUẬT SƯ TP. HỒ CHÍ MINH CÔNG TY LUẬT THIÊN VIỆT Luật sư LÂM THỊ MẠI GIÁM ĐỐC Mobile: 0908.161.395 108/6 Nguyễn Du, P. 7, Q. Gò Vấp, TP. HCM ĐT: 2243.3686 - Fax: 62957483 Mail: luatthienviet@yahoo.com.vn MST: 0309637965 - TK: 190420168258	 ĐÔNG Á NGUYỄN QUỐC ĐỒNG GIÁM ĐỐC 0903 916 795 ĐC: 108/6 Nguyễn Du P. 7 - Q. Gò Vấp - TP. HCM MST: 0305652169 ĐT: (08) 6295 7483 Fax: (08) 3894 1675 TK: 10201-000052450-7 tại NHCTVN-CN7-Bình Hoà
--	--



 LỘC THIÊN PHÁT PHẠM VĂN SƠN KHOA Giám Đốc Mobile: 0909.203080 CÔNG TY TNHH TM DV VT LỘC THIÊN PHÁT 172/19 Phú Lợi, Phường Phú Hòa Thị Xã Thủ Dầu Một, Bình Dương ĐT: 0650.3822974 Fax: 0650.3844080 Email: LucThienPhat_bd@yahoo.com MST: 3701738915	CÔNG TY TNHH TM DV VT LỘC THIÊN PHÁT ➤ Mua bán dầu DO, dầu FO, nhớt các loại. ➤ Vận tải hàng hóa, xăng, dầu đường bộ. ➤ Mua bán xe ô tô, xe tải, xe rửa moóc.
--	--



MỜI ĐĂNG QUẢNG CÁO TRÊN TẠP CHÍ PHẬT GIÁO NGUYỄN THỦY

- * Bìa bốn: 200 x 280mm = 8.000.000 đồng
- * Bìa hai: 200 x 280mm = 7.000.000 đồng
- * Bìa ba: 200 x 280mm = 6.500.000 đồng
- * Trang quảng cáo
 - 1/2 trang = 2.500.000 đồng
 - 1/4 trang = 1.500.000 đồng
 - 1/8 trang = 800.000 đồng

(Giá cho một lần đăng)

Tạp chí Phật giáo Nguyễn Thủy

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PHẬT GIÁO NGUYỄN THỦY SỐ 01

01	Ông Bùi Thành Châu	600 quyển
02	Nhà thuốc tây Mỹ Châu	600 quyển
03	Ông Phạm Văn Nhân	300 quyển
04	Cty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	300 quyển
05	Bà Hiền Khánh	190 quyển
06	GĐ Anh Kiên (Bình Dương)	130 quyển
07	Nguyễn Thị Cúc	300 quyển
08	GĐ Văng Phi Nga	130 quyển
09	ĐD Phước Định	30 quyển
10	ĐD Thiện Hiệu	26 quyển
11	Thích nữ Liên Đạt	60 quyển
12	Ông Nguyễn Văn Phi - Minh Trí (Thiền viện Bồ Đề)	30 quyển
13	Quách Hoa Anh	30 quyển
14	Phật tử Diệu Chơn (TP. Vũng Tàu)	60 quyển
15	Nguyễn Thị Định	130 quyển
16	ĐD Minh Kim	30 quyển
17	Đặng Thị Kim Liên	13 quyển
18	Trần Thị Bến PD Lộc Ngọc	13 quyển
19	Đào Hồng Châu - Nguyễn Thị Phương Thảo TP. HCM	30 quyển

